

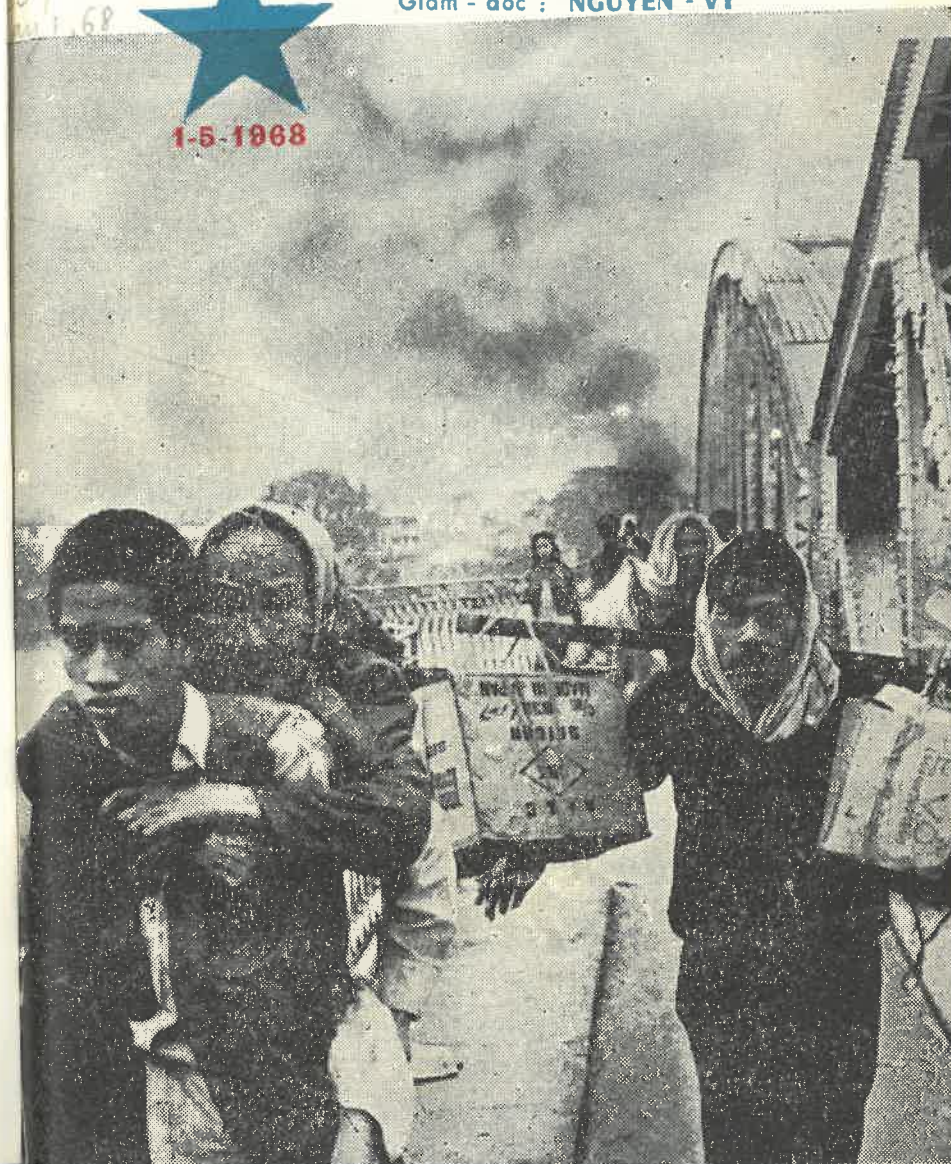
PHỔ THÔNG



1-5-1968

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám - đốc : NGUYỄN - VỸ



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHO BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25861



NĂM THỨ X số 209 ★ 15 - 5 - 1968

1.— Hồn thiêng của Mẹ V.N.	N.V.	5 — 8
2.— Huế điều tàn ơ!	Nhật-huyền-Thanh	9 — 10
3.— Mùa Xuân kỷ-dậu	Phạm-văn-Sơn	11 — 18
4.— Kim-vân-Kiều	Tạ-quang-Phát	19 — 26
5.— Khóc em Thủy (thơ)	Thế-Lan	27 —
6.— Đêm đỏ	Thu-Mai	28 — 36
7.— Mặt chế sinh sản	Chu-khả-Phong	37 — 42
8.— Xác chết vồ người	Lê Hương	43 — 49
9.— Bạn trẻ hôm nay	Thu-Mai	50 — 55
10.— Tiếng vọng (thơ)	Diệu-Thanh	56
11.— Một căn bệnh	Thanh-Việt-Thanh	57 — 60
12.— Hội họa V.N. đi về đâu ?	Trần-lệ-Tài	61 — 63

13.— <i>Biển (thơ)</i>	Nguyễn Phát	64	
14.— <i>Tìm hiểu cổ đô Huế</i>	Đông-Tùng	65	— 69
15.— <i>Sinh khí văn nghệ</i>	Lan-Đình	70	— 72
16.— <i>Phát minh khoa học</i>	Đặng-Doanh	73	— 77
17.— <i>Các nàng tiên công sở</i>	5 Ngọc 5	78	— 85
18.— <i>Một sự thật về con người Duy Tân.</i>	Trần-m-Quang	86	— 95
19.— <i>Hồ-Xuân-Hương</i>	N.V.	96	— 99
20.— <i>Phiếm luận: Đánh vợ.</i>	Nguyễn-Đôn-Mãn	100	— 102
21.— <i>Trần-cao-Vân</i>	Đặng-thị-Sinh	103	— 112
22.— <i>Cá biển V.N.</i>		113	— 122



✕ Chúng tôi hoàn toàn không chịu trách-nhiệm về bài lại cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế)

■ Bài lại cáo không đăng, không trả lại.

✕ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chi PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

■ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproductions même partielle, réservés pour tous pays.

✕ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :

ĐỒNG-NAI 270 Đề-Thám — Saigon

□ Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
— Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Ve
(Vente — abonnements — Publicité)

W 264595

101

Hồn thiêng của **MẸ VIỆT - NAM** *hãy bảo-vệ cho đàn con đau khổ!*

« Liberté, Liberté Chérie ! »

(Rouget de Lisle)

(Tự-do, Tự-do yêu-quý !)

Yêu cha, yêu mẹ, yêu con không bằng yêu Tự-do.

Yêu người yêu, không bằng yêu Tự-do.

Không Tự-do, là không cha, không mẹ, không con.

Không người yêu.

Tự-do là sinh-khí của trái tim.

Là dưỡng khí của tinh thần

Là nhựa sống của thân thể.

Cho nên từ xưa đến nay, người ta lo giết nhau để cướp Tự-do. Người ta phải giết nhau để bảo-vệ Tự-do, Trái đất chia ra hai loại người. Loại bạo ngược, tham tàn, đi cướp đất, cướp không khí, cướp Tự-do. Loại tự-do bị đe dọa, phải hy sinh xương máu để gìn giữ Tự-do, bảo vệ Đất Nước, tranh giành sinh-khí.

Những kẻ hèn nhát, bán rẻ linh hồn, mặc cả cái sống để hèn, nhục nhã, gả tay xin làm tôi mọi cho thực dân đế quốc, quý sự đầu hàng, xin làm tôi mọi cho Cộng-sản. Nhưng nhân dân vùng dậy, từng lớp từng lớp, hò hét vang trời, tiến lên diệt Cộng.

Đề cứu sống Tự-do cho thế hệ hôm nay. Đề bảo toàn Tự-do cho thế hệ ngày mai.

Vì Tự-do chúng ta đánh giặc.

Vì Tự-do, chúng ta vùng lên, tiến lên.

Vì Tự-do, chúng ta sẵn sàng hy sinh xương máu.

Ôi, Tự-do, Tự-do yêu quý !

Nhân-dân miền Nam không thù, oán gì đồng bào miền Bắc. Nhân-dân miền Bắc cũng chẳng có lý do gì để thù oán đồng bào miền Nam. Nếu mở công tre vĩ tuyến, cho qua lại Tự-do, chắc chắn chúng ta sẽ niềm nở bắt tay nhau, vui mừng ôm lấy nhau, vì anh em một nhà, họ hàng một Giống, toàn thể con cháu Mẹ Việt-Nam.

Nhưng Cộng-sản đem súng đạn vô đây, bắn giết đồng bào miền Nam.

Cộng-sản đem máu lửa vô đây tàn phá giang san miền Nam. Cộng-sản muốn đem chế độ độc tài đảng trị vào đây để xiềng xích nhân dân miền Nam, như họ đang làm ở miền Bắc. Cho nên miền Nam vì Tự-do mà đánh. Vì Tự-do mà chết. Vì Tự-do mà bảo vệ biên thù.

Ôi, Tự-do, Tự-do thân yêu !

Dân-tộc Việt-Nam đã bao phen mất Tự-do. Kẻ thù đã cướp mất Tự-do của nhân dân là đế quốc Tàu, là đế quốc Pháp. Bây giờ đây, chúng ta cương quyết không chịu để quốc Cộng-Sản cướp mất Tự-do của nhân dân ta.

Chúng ta cương quyết không để đế quốc đồ trông ách nô lệ trên đầu nhân dân ta như đế quốc trắng.

Từng lớp người đã vào tù, vô khám, mang gông, mang cùm từng bao nhiêu năm, vì Tự-do.

Từng lớp người, từng lớp người, từng lớp người, đã hy sinh tính mạng, ngã gục trên chiến trường, đổ máu phoi xương trên Đất nước, vì Tự-do.

Ôi, Tự-do, Tự-do yêu quý !

Cộng-Sản đem lý thuyết ngoại lai về Đất nước, chà đạp Tổ-quốc, khủng bố đồng bào, giết hại đồng chủng, cướp mất Tự-do của Nhân-dân.

Cộng-Sản giả danh vô sản, lợi dụng danh nghĩa thợ thuyền, lừa gạt lao động, trông ách độc tài sắt máu lên đầu lên cổ 15 triệu Nhân-dân miền Bắc, còn muốn đem sắt máu đe dọa 15 triệu nhân-dân miền Nam, tàn sát những người yêu Tự-do, sống Tự-do, thờ Tự-do.

Nhưng lần này, 15 triệu đồng bào miền Nam quyết ôm lấy Tự-do mà sống, quyết đem xương máu để bảo vệ Tự-do, thà chết không để mất Tự-do.

Chúng tôi phải đánh để cứu lấy Tự-do.
Chúng tôi đánh vì chúng tôi muốn sống Tự-do.
Chúng tôi cương quyết không vì yêu chuộng Hòa
bình mà chịu làm nô lệ.

Thế hệ Trung-Trắc, Lê-Lợi, Hưng-Đạo Quang-
Trung, đã diệt Tàu.

Thế hệ này, ta diệt Cộng!

Ôi Tự-do, Tự-do thiêng liêng yêu quý! Hồn thiêng
của MẸ VIỆT-NAM hãy bảo vệ Tự-do cho giống nòi, hãy
điều dắt đàn con đau khổ!

N.V.



Đồng-bào miền Nam đang đau khổ vì Cộng-Sản

VÀI TRANG NHẬT KÝ

HUẾ điều tàn ơ!

của một nữ-sinh Đồng-Khánh

□ NHẬT-HUYỀN-THANH

Huế, 15-3-68

M AI đây xa Huế rồi, rời bỏ vùng trời kỷ niệm và kiếp học trò Đồng-Khánh một cách quá u buồn: vì chiến tranh mà đi, vì đạn của quân khủng bố trong tháng ngày vừa rồi đã tàn phá thành phố làm hư hại đồ vật nhiều căn nhà kể cả ngôi trường thân yêu. Không còn lý do gì để Thanh ở lại đây được nữa... Tan tác hết cả rồi, ngày nào sân trường cỏ xanh non tươi, ngập bóng mát của hàng phượng vĩ bên lối đi, áo trắng, tóc đen, nền áo và màu tóc điểm tò cho màu xanh của sân trường thêm phần xinh mát nên thơ. Giờ đây người ta vẫn có nhiều nhưng không là những cô gái mang áo trắng học trò mà là những người tản cư, đùm bọc dắt dìu nhau đi tới nơi đây... Bước chân vào cổng

trường đã thấy một màu đen xám của khói bếp phủ lên mọi bức tường. Thật không ngờ, tan nát và thảm não đến độ Thanh không ngờ. Nhìn Đ.K chẳng thấy lưu lại dấu vết gì của những ngày bình yên ngoài màu đỏ hồng ở trên cao của hai dãy lầu đã loang lổ mái ngói và ngoài bằng tên Đồng-Khánh khiếm tốn trước cổng trường... Trong những gian phòng học, người ta ở chen chúc nhau bên cạnh những đồ ngỗng ngang, kẻ đứng người ngồi trong từng dãy điều tự nhiên, thanh thản hay mệt mỏi chân chương. Sân trường có quang cảnh của những ngày học trò cảm trại nhưng trông buồn và thê thảm lại nhóp nhúa hơn nhiều. Bác thợ hớt tóc dạo làm việc bên nhiều đứa trẻ con bao quanh, bà hàng cháo ngồi lặng lẽ bên

gánh hàng. Nhiều thanh niên trong ban cứu-trợ xã-hội, làng xãng tới lui, có người đang đào hầm hố, không biết để làm gì ? Chôn người chết ? Hay là chôn rác rưởi ? Tất cả hình như có một vẻ im lặng đến nặng nề mặc dù có tiếng người ta kêu gọi nhau, tiếng cuộc xên va chạm và có cả tiếng trẻ con nô đùa. Bầu không khí vẫn mang một vẻ gì không vui tươi và kém vẻ bình thường. Mộ của ai nằm chờ vơ dưới nắng mai và bên kia có cả trâu bò...

Chủ nhật 24 tháng 3

Lần thứ hai qua Đồng-Khánh với cuốn vở cầm trên tay, tản bộ từ bến Phà đến trường trên khoảng đất rộng nằm bên bờ sông Hương, Thanh muốn có cảm tưởng mình đang đi học như trong những ngày bình yên xưa. Cố ý không nhìn và không nghĩ đến những ngôi nhà đồ nát, không để ý đến mọi người đang đi về xôn xao với một vẻ tấp nập vội vàng, cố tình quên cả những người đàn bà bán buôn, gánh đôi gánh trên vai hay những người đàn ông vừa nói nói cười cười và với một

dáng điệu trông cũng không như bình thường. Lơ là hết cả đề sống trọn vẹn với cảm giác. Thanh đang tìm lại được hình ảnh của mình khi đi đến trường, với chung quanh thấp thoáng nhiều tà áo trắng, nhiều mái tóc đen dài, màu áo Thanh rất ưa nhìn và mái tóc mà đã có lần vi von với cánh bướm. Đi trên con đường được mệnh danh là « con đường áo trắng », nằm im vắng mờ màng và chạy dài đến tận đàng xa trong những ngày nghỉ học, hoặc rộn ràng niềm vui với rất nhiều tà áo dễ thương đi về. Đường áo trắng của Quốc học, của Đồng-Khánh in dấu vết của những bước chân học trò, có đâu tấp nập như cảnh sinh hoạt trong những ngày hôm nay ! ?

Đ-K vẫn còn ở trong tình trạng xưa có nhiều người ở và cảnh chợ búa xảy ra ngay trong sân trường. Bữa ni mới ra thăm lại lớp cũ, đứng trước căn phòng ngày nào, Thanh cùng bạn bè học hành trong đó, bồi hồi ghê, nghe tim mình đập khác thường... Muốn tìm lại một dấu vết xưa như chiếc tủ nhỏ hoặc

(Xem tiếp trang 121).

Một âm ảnh về một

MÙA XUÂN KỶ DẬU

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo P.T. số 208)

Cho tới thế kỷ XVIII công thương nghiệp ở nước ta vẫn không được phát triển theo khả năng và ý muốn của dân chúng do sự hạn chế của triều-đình về việc giao dịch với các nước ngoài. Hoạt động căn bản trước sau của quốc gia vẫn là nông nghiệp. Như vậy đề nói rằng đánh đuổi xâm lăng là nhân dân đồng ruộng thì chống chế độ vua quan tham tàn ích kỷ dĩ nhiên cũng là nông dân. Phong trào khởi nghĩa của nhà Tây-Sơn được đeo nhãn hiệu nông dân và được nhấn mạnh ở điểm này cũng là thừa mà thôi. (Nước Việt-Nam là một nước sống về nông nghiệp, thuở đó trên 90% dân chúng là nông dân thì việc gì xảy ra lại không do nông dân ?) Tuy nhiên bề ngoài anh em nhà Tây-Sơn thuộc tầng lớp tiểu tư sản và phong kiến hạng

dưới nếu xét Nguyễn-Nhạc làm Biện lại ở Văn-Đồn và Huệ, Lữ chuyên bán trâu cau trao đổi sản vật với dân Thượng (Bình-Định) ở An-Khe, nhưng xét nguồn gốc thì các ông này thuộc dòng dõi nông dân đời tổ tiên ở Nghệ-An đã bị quân chúa Nguyễn buộc phải di cư vào Nam-hà với nhiều tù binh sau một trận phản công qua sông Gianh năm 1655. Ông tổ là Hồ-Phi-Khanh được đưa đến ấp Tây-Sơn (Bình-Định) khai khẩn ruộng đất.

Thuở bé anh em Tây-Sơn theo học Giáo-Hiến ít lâu về văn cũng như võ và thường được thầy khích lệ đầy nghĩa bởi thầy cũng mang nặng nhiều bất bình đối với thời cuộc.

Bấy giờ chế độ Nam-hà rất mục nát. Nơi nào cũng có tham quan lại những. Giữa lúc dân

chúng bị đói rách cơ cầu thì Phụ chánh đại thần là Tả ngoại Trương-phúc-Loan giải vàng ra phối đầy sân trong một vụ lụt. Loan là ông ngoại chúa Định-Vương (12 tuổi) kết bè đảng chỉ lo bóc lột dân chúng, gây sự nghèo nàn, thống khổ khắp mọi nơi. Nhờ vậy anh em Nhạc, Huệ vừa phát cờ khởi nghĩa, toàn thể dân chúng địa phương đều hưởng ứng vùng lên ào ạt như gió bão. Người lãnh đạo phong trào này dĩ nhiên cũng thuộc đám nạn nhân của chánh quyền đời bấy giờ chứ không phải chỉ do thông cảm với cảnh ngộ bi thảm của đồng bào. Nói tóm lại họ là những kẻ tiến bộ. Họ không còn chấp thuận chế độ Trương-phúc-Loan vì chế độ này đã phản động đối với quyền lợi của đại chúng tới mức đại chúng không còn cam chịu thêm được nữa.

Một cuộc cách mạng nhân dân đã chín mùi, chỉ chờ có người cầm đầu thì anh em ông Nhạc đã nhảy ra thi hành sứ-mạng lịch sử. Sứ mạng ấy là tranh đấu cho nhân dân có ruộng đất để cày cấy làm ăn, sưu thuế hợp lý, việc buôn bán được

khai thông, ít bắt phu phen tạp dịch, quan lại bớt tay v.v... Đã hai trăm năm kể từ Trịnh, Nguyễn phân tranh, chế độ phong kiến của Lê, Trịnh, Nguyễn mỗi ngày thêm hủ bại lỗi thời như cái nhà đã quá hư nát.

Rồi những người anh hùng của phong trào Tây Sơn đã vươn tay gạt đổ cái nhà đó, thỏa mãn được yêu cầu hàng thế kỷ của dân tộc mau lẹ như chớp nhoáng, dũng mãnh như làn sóng của Đại-Dương. Nó biểu hiệu cho quần chúng thấy rằng thành trì của phong kiến bền vững hay mong manh là ở nơi dân, dân là sức mạnh duy nhất của một chế độ, thuận với dân thì còn, nghịch với dân thì mất. Với chính quyền nào lực lượng của nhân dân vẫn là trên hết.

Cuộc khởi nghĩa của Tây-Sơn bắt đầu từ năm Tân-Mão (1771) đến năm Quý-Mão (1883) đã quét sạch được con cháu Chúa Nguyễn ra khỏi nội địa miền Nam.

Họ Trịnh ở miền Bắc cũng bị Tây Sơn dứt vào năm Bình

Ngo (1786). Thế là cả hai nhà Trịnh-Nguyễn có thâm căn cố đế dài trên hai thế kỷ chỉ trong khoảnh khắc đã bại vong trước lực lượng nhân dân do anh em Nhạc, Huệ lãnh đạo.

Năm Giáp-thìn (1784) hai vạn quân Tiêm-La và 300 chiến-thuyền lấy danh nghĩa sang giúp chúa Nguyễn do hai đại tướng Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương chỉ huy đã bị Nguyễn Huệ nhử đến Rạch-Gầm và Xoài - Mút (phía trên Mỹ Tho) phá tan gần hết chỉ trong một trận.

Nhưng việc đánh đuổi ngoại xâm Tiêm-La này đâu có nhiều hao hứng bằng chiến thắng 20 vạn quân Thanh vào năm Mậu-Thân (1788) ! Đám quân Tàu này sang nước ta với lý-do khôi phục nhà Lê, nhưng bên trong vua Càn-Long và lũ bề tôi tính lợi dụng nước ta đang rối loạn mà đánh cướp, lập làm quận, huyện như ngàn năm trước.

Đại tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ Nghị lãnh ba đạo quân trích ở bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu rồi đem vua tôi Lê Chiêu Thống về

nước làm chéu bài cho cuộc xâm lược. Chúng mời sang chiếm đóng thành Thăng Long và các miền phụ cận có ít ngày đã bóc lột quấy nhiễu nhân dân, tàn hại không sao kể xiết.

Vua Quang - Trung được tin tức về biến cố này liền thống lĩnh thủy bộ đại binh ra Bắc. Ngày 30 tháng chạp, Ngài đã có mặt ở Sơn Nam và sáng mùng 5 tháng giêng (Kỷ dậu) quân ta chớp nhoáng tấn công vào thành Thăng Long khiến binh đội của nhà Thanh không kịp trở tay phải tháo chạy qua Nhĩ hà làm đổ cả cầu, sa cả xuống sông chết đuối vô kể. Riêng Tôn sĩ Nghị quăng hết ấn tín cùng một ít tả hữu trốn thoát.

Chiến công của Nguyễn Huệ đã diễn ra vô cùng huy hoàng vào đầu mùa Xuân năm Kỷ - dậu và người Việt - Nam nào ham đọc lịch sử mỗi khi Xuân sang mà không tưởng niệm đến người anh hùng và sự nghiệp diệt ngoại xâm vĩ đại của Ngài một cách vô cùng thích thú ?

Vua Quang-Trung là một nhân vật lịch sử có nhiều điểm khiến ta phải chú ý nếu chúng ta

nghiên cứu rộng rãi sự nghiệp của Ngài. ☙

1) *Diệt xâm lăng*: Ngài đánh bại hai quân Tàu, Xiêm dễ dàng như xưa gà.

2) *Đuổi chúa Nguyễn*: Ngài đẩy tàn quân Nam-hà ra khỏi xứ Đồng-Nai lẹ làng như trở bàn tay.

3) *Hạ ba dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn*: Những dòng họ này có uy thế trên ba thế kỷ ở nước nhà. Vậy mà ngọn cờ đào của Tây-sơn bay tới đâu các chánh quyền Trịnh, Nguyễn sụp đổ đến đó, sức chống đối gần như không đáng kể. Tính ra từ 1771 đến 1802, triều đại Tây-Sơn kết liễu, vua Quang-Trung chưa hề biết có chiến bại. Quả không một danh tướng cổ kim nào được hiểu hách như vậy. Ba điểm trên đây chỉ mới nói lên cái tài đánh Đông dẹp Bắc của người anh hùng đất Tây-sơn, qua các thành quả vô cùng rực rỡ nhưng các nhà quân sự ngày nay không nhìn vào các thành quả ấy để khen ngợi vua Quang-Trung mà thôi mà còn nhìn kỹ các chiến pháp của Ngài để thần phục rất nhiều.

Chiến pháp của vua Quang-

Trung thế nào? Xin thưa đó là lối tốc chiến đề tốc thắng, nhưng trong cái tốc chiến ấy có 3 yếu tố hết sức cần thiết không thể bỏ qua được.

— Tin tức về địch lấy cho thật đúng, thật mau (tinh thần của địch, lực lượng của địch, vị trí của địch).

— Nắm vững tinh thần của quân đội bản bộ tức là sự quyết tâm từ trên xuống dưới, muôn người như một, cương quyết diệt thù cứu quốc.

— Hành quân vào lúc bất ngờ của địch và đánh rất mạnh, rất nhanh cho địch không kịp mà đối phó.

Nếu chúng ta không nhầm thì cũng vào hậu bán thế kỷ XVIII người đồng thời của Nguyễn-Huệ là Nã-phá-Luân hoàng đế cũng từng dùng chiến pháp trên đây nên đã nhiều phen thắng lớn trên khắp chiến trường Âu-châu.

Lại có điều đặc biệt hơn nữa là Nguyễn-Huệ không phải là người được học nhiều về văn cũng như võ, bởi ông thầy học của Ngài là Giáo-Hiến không hề có tiếng tăm lớn về hai môn kể trên, như vậy ta phải liệt

kê người áo vải cờ đào đó vào loại « *Sinh nhi tri* » tức là bậc thánh nhân vậy. Nói rộng ra đất nước Việt-Nam qua lịch sử thường cho thấy những vĩ nhân của chúng ta hay có những xuất xứ bất ngờ, rất khiêm nhượng mà làm nên những huân nghiệp vô cùng lớn lao đầu so sánh cả với danh nhân nước người. Tỉ dụ: Lý-thường-Kiệt xuất thân là một hoạn quan dòng họ nhà Trần làm nghề chài lưới, Lê-Lợi là một phú nông, anh em Nguyễn-Huệ cũng không thuộc thành phần Quý tộc nào.

Nhân đây chúng tôi muốn nói với các bạn đọc nhất là anh em thanh niên đang có mặt trong giai đoạn Tò quốc bị cái cảnh tam phân ngũ liệt, nước loạn dân tàn này rằng đừng nên có tự ti mặc cảm; có ai cấm chúng ta làm anh hùng đâu và nếu ta quyết tâm cứu nhà cứu nước để làm một Trần-quốc-Tuấn, một Nguyễn-Huệ đài vinh quang và danh dự lúc nào cũng rộng mở trước mắt ta. Xét mình xét người đi, làm trai chỉ có thời loạn là cơ hội để dựng sự nghiệp mà thôi.

Bài hịch của Hưng đạo Vương có ghi lời Ngài kêu ba quân, mỗi người phải là một Bàng-Mông, Hậu-Nghệ thì quả sau này mười vạn quân Việt đã thành Bàng-Mông, Hậu-Nghệ hết rồi nhờ đó đã đánh tan 500 ngàn chiến sĩ kiêu hùng bách chiến bách thắng của Mông-cổ mỗi lần chúng ló đầu sang Việt-Nam...

Về chính trị, vua Quang-Trung cũng có những cái nhìn sâu sắc vào thực tại và thực tại cho đến bây giờ đáng kể là bị đất vì người bình dân của chúng ta hầu hết phải sống bằng ruộng đất mà đa số lại không có ruộng. Nguyên nhân: các quan liêu, cường hào phú nông dưới đời Lê mất đã bằng uy quyền, bằng nghề cho vay lãi, bằng sự thay đen đổi trắng ở các sổ bộ lợi dụng tình thế rồi ren vì chiến tranh từ hai thế kỷ đã chiếm đoạt nhiều ruộng đất công tư ở khắp nơi. Người dân cây thuần túy, và vô sản phải lĩnh canh rồi nộp tô tức quá nặng nề. Ngay khi ngọn cờ đào phát lên, đường lối của Tây-sơn đã là thâu lại ruộng đất nơi

nào đoàn quân « *Cứu tinh* » kéo tới. Khi hai tập đoàn Trịnh, Nguyễn bị tiêu diệt, chánh quyền vào tay người anh hùng đất Qui-Nhơn thì một chánh sách được áp dụng ngay là trả ruộng cho dân cấy và chiêu hồi những đồng bào lưu vong về cố lý tăng gia sản xuất. Chánh sách này đã tạo nên điều kiện phát triển của giới tiểu nông là giới đông đảo nhất và cũng có ảnh hưởng tốt cho công thương nghiệp.

Luôn dịp này Ngài còn cho mở rộng các thương cảng để việc mua bán được tự do với các người ngoại dương tức là khôi phục nền kinh tế hàng hóa bấy lâu bị vua quan hạn chế triệt để.

Trong việc ngoại giao với các nước láng giềng, Ngài chú trọng đến việc hòa hảo nhưng giữ vững quốc thể, nâng cao địa vị dân tộc, nhất là với Trung quốc.

Nổi bật nhất là sự dùng chữ Nôm một cách tích cực từ triều đình ra ngoài dân dã. Với Ngài, chữ nôm mới là văn tự chính thức của chúng ta và còn ngụ ý rằng học nhờ viết muốn là thiếu

tinh thần độc lập. Đến việc tôn giáo, Ngài cũng có những nhận xét rộng rãi, tinh tế là không có kỳ thị đối với một tín ngưỡng nào, nhưng không dung tha bọn trốn việc quan đi ở chùa. Ngay từ cuối đời Lý, theo nho thần Đàm-dĩ-Mông đã có hiện tượng kỳ quái này nên họ Đàm phải tâu lên Vua: « *Tăng đồ nhiều hơn dịch phu toàn quốc* ». Để trừ khử tệ đoan này nhà vua buộc làm chùa lớn ở các phủ, huyện để bớt chùa nhỏ và các tăng ni phải chịu sự khảo duyệt về giáo lý, hạnh kiểm mới được có mặt nơi cửa thiền. Xét ra Ngài chẳng được nổi tiếng là tay vịn tự trừ danh như nhiều ông vua của các tiền triều mà Ngài đã tỏ ra lỗi lạc tiến bộ hết sức về văn hóa, chính trị, ngoại giao, kinh tế v.v.. không mấy người bì kịp. Tuy nhiên, nhiều ý tốt của Ngài chưa đạt được tới mức mong muốn vì thời cuộc đa đoan phức tạp quá nhiều, Ngài chưa thể nhất thời thẳng tay thanh toán một số khá đông phần tử thối nát còn lén lút trong chánh quyền Ngài nên sự tiến bộ của triều đại hạn chế một phần nào.

Nhưng vua Quang Trung còn có một chủ trương mà chưa một triều đại nào trước đây dám nghĩ tới: Đó là việc mang binh đội Việt Nam vào đất Tàu. Lý thường Kiệt xưa kia mang 10 vạn quân xâm phạm nội địa Trung Quốc chỉ là đánh một đòn gió (hay đòn tâm lý) vào triều Tống mà thôi. Vua Quang Trung đi xa hơn Lý thường Kiệt: Ngài cho sứ sang cầu hôn với công chúa nhà Thanh, xin lại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, sùy đồ của Ngài đầu có phải chỉ to lớn đến thế. Ngài đã nghĩ rằng các Rợ Hung, Rợ Hồ Mông Cổ v.v., là các phiên quốc của Trung Hoa trước kia từng vào làm chủ giống Hán thì Ngài cũng muốn người Lạc Việt ta đem quân reo, ngựa hí đến đất Tàu. Qua một cuộc giao phong từ Thương Tân tới Thăng Long, không quá mười tiếng đồng hồ với quân bốn tỉnh miền Hoa Nam với bọn tướng tá nhà nghề của vua Càn Long, Ngài đủ rõ sức người sức mình nên đúng như lời đã tuyên bố trước ba quân rằng mười năm sau quân đội rèn luyện xong, nước phú cường Ngài sẽ hỏi tội bọn Tàu. Chuyển đi sứ lần cuối cùng

để mở cuộc khiêu khích vua Càn Long, Ngài không dùng văn thần mà cử Vũ văn Dũng là một Đại tướng, cốt nghiêng cứu địa hình, địa vật, phong tục chế độ của Thanh Triều nhiên hậu sẽ hưng binh. Sự kiện này đã được sử sách ghi chép rõ rệt. Tiếc thay việc mới diễn hành đến nửa chừng thì nhà vua bị bạo bệnh qua đời nên cái mộng người Việt qua Tàu lại tan ra mây khói.

Dầu sao trước suy đề hết sức vĩ đại này tuy chưa được thực hiện, hậu sinh chúng ta cũng phải hoan nghênh cái óc trù trừ trời của Quang Trung Nguyễn Huệ. Nhiều nho thần xưa kia đã từng tỏ ý kháo khắt thấy cờ của dân tộc Việt Nam đứng trên đất Tàu 1/0 năm gần đây đã có một vị anh hùng dám nuôi mộng đó lại yền vọng, thật đáng hận vô cùng (7).

Với thế hệ chúng ta, nước Tàu phong kiến đã rút vào quá khứ. Nước Tàu Cộng-sản ra đời còn tai hại, nguy hiểm gấp mười. Người trai nước Việt nào dám

nổi chí Quang Trung, Nguyễn thế làm nhục lắm sao ?
Huệ đây ?

Con cháu đã không hơn lại (viết tại Saigon một ngày
không bằng ông cha chẳng lấy cuối thu Đinh-Mùi)

6) Đề nghị cầu hôn và xin đất (hai tỉnh Quảng Đông, Q. Tây) làm Việt đô của vua Quang Trung được chấp thuận, duy về đất đai Thanh Triều chấp thuận cho một nửa, nhưng sứ đoàn đang nói huyện ở Bắc Kinh thì có tin vua bị bạo bệnh chết nên việc tuy thành lại bị bỏ luôn. Tuy nhiên nếu Quang Trung còn sống sợ việc đâu có đến thế mà xong. Ngải muốn gây chiến thì chiến tranh mới bùng ra mới nghe. Có kẻ nói : « Ngải làm một cuộc vô cùng phiêu lưu và nguy hiểm... » Chúng tôi xin trả lời : các dân Hung nô, Mông cổ, rợ Nhung vào làm mưa nắng trên đất Hán nhiều phen, tại sao không có ta ? Việc đời kém suy xét nhiều khi đi đến thất bại, nhưng tính kỹ quá dễ thoái chí, đời phen cần mạo hiểm mới thành công như phương ngôn Tây từng nói : *Qui ne risque rien n'a rien* (không liều không được có liều có ăn).

7) Vũ-văn-Dũng khi còn có mặt ở trước sân điện của vua Càn-Long được tin đệ nhị sứ đoàn Việt Nam đến cấp báo vua Quang Trung băng (có lẽ do chứng đứt mạch máu) quá đột ngột đã té xỉu và khi ông tỉnh dậy có bài than tiếc người anh hùng dân tộc như sau :

*Bổ y phần tịch ngũ niên trung,
Mai cổ thi vi tự bất đồng
Thiên vị ngô hoàng tăng nhất kỷ
Bất ư Đường, Tống thuyết anh hùng ».*

Tạm dịch (của Anh Hợp)

*« Năm năm đầy nghiệp tự thân nóng,
Thời trước thời sau khó sánh cùng,
Trời để vua ta thêm chục tuổi,
Anh hùng Đường, Tống kết khoe hùng.*



KIM-VÂN-KIỀU và

văn-tự học

• TA-QUANG-PHÁT
(chuyên viên Hán học viên khảo cổ)

TRÊN thi đàn quốc văn, truyện Kim Vân Kiều là đệ nhất kỳ thư. Các văn nhân thi sĩ và học giả các giới đã thưởng thức ngâm vịnh và giảng giải đã quá dồi dào đầy đủ. Đệ nhất kỳ thư này còn được dùng về mọi phương diện như bói Kiều, tập Kiều và chiết Kiều. Nhưng còn một ứng dụng mới mẻ nữa của đệ nhất kỳ thư này có lẽ chưa hề được văn đàn quốc văn ta nói đến ấy là phương diện văn tự học.

Văn tự học là môn học về sự cấu tạo của chữ nho, tìm hiểu vì sao chữ nho lại do bộ này hợp với bộ nọ mà viết thành.

Thật vậy, truyện Kim Vân Kiều còn giúp chúng ta về văn tự học, vì mỗi câu lục bát ở nhiều đoạn trong Kim Vân Kiều có thể là một hình ảnh hoặc

một suy nghiệm đúng vào một chữ nho.

Với những câu tả đúng tâm tình con người theo cách suy luận ngấm nghiệm của cổ nhân đúng vào một chữ nho, truyện Kim Vân Kiều ở nhiều chỗ có thể đáng giá hơn bộ *Thuyết văn giải tự*, một bộ sách về văn tự học của Hứa Thận biên soạn từ đời nhà Hán, vì giải thuyết của cụ Nguyễn Du thô lộ ở những câu lục bát ấy có khi còn hợp lý hơn của Hứa Thận nữa.

Còn nhớ hồi năm xưa năm xưa lúc phi cơ đồng minh dội bom xuống Saigon đánh Nhật bốn, tôi phải bỏ dở việc học thi tú tài trở về tỉnh nhà nơi theo thói dãi lưng tốn vải. Ăn không ngồi rồi mãi thì cũng chán, đánh đờ chữ nho ra học chập chững cho qua thời giờ. Hồi ấy học chữ nho là đề giết

thời gian và đề may ra trâu lượn quốc văn cho khá khá. Nhưng chữ nhỏ quá rắc rối, với những nét lằng nhằng thật là một thứ chữ khó nhất thế giới.

Tôi suýt nữa phải bỏ cuộc nếu không may không dặng Ba tôi ngâm mấy câu Kiều dạy cho cách nhớ.

Một hôm tôi lấy phấn viết đi viết lại chữ *xuân* là mùa xuân, miệng nói lần bầm : « chữ *nhật* và *tâm nhân* là chữ *xuân* ».

Ba tôi nghe được liền cười, bèn đưa quyển *Kim Vân Kiều*. Ba tôi đọc ba câu :

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Ba tôi cắt nghĩa :

— *Thiều quang* là ánh mặt trời ẩn với chữ *nhật*. Còn phần mà con gọi là *tâm nhân* tức hình ba cộng cỏ mọc lên ẩn với chữ *cỏ non xanh*. Khi nói đến chữ *xuân* con nên ngâm mấy câu Kiều này mà nhớ rằng mùa xuân có ánh thiều quang ấm áp và cỏ hoa tươi tốt.

Ba tôi lại thêm :

— Học chữ nhỏ con cần ngâm nghiệm cho hợp lý đúng

khoa học như những câu Kiều của cụ Nguyễn Du đã viết.

Tôi phục ba tôi quá. Tôi liền hỏi :

— Còn chữ *mai* là chôn, có bộ *thổ* là đất ghép với bộ *Lý* là làng là dặm vì lý do gì, xin ba cho con biết ?

— Ừ. Nếu con bắt nghe lời ba lấy Kiều ra ứng dụng thì chữ *mai* là chôn cũng dễ hiểu lắm. *Mai* là chôn, là hình ảnh ngôi mộ, nằm dất (ẩn với chữ *thổ* là đất) nằm bên dặm đường (ẩn với chữ *Lý* là dặm đường) đã chôn Đạm Tiên :

*Sè sè nằm dất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng
nửa xanh.*

Tôi đọc lại hai câu Kiều và nghiệm thấy lời thơ tả đúng nằm dất chôn Đạm Tiên quá, tôi càng phục ba tôi hơn thế nữa.

Tôi còn đang suy nghĩ cái tình diệu của những câu Kiều đối với chữ nhỏ thì ba tôi lại hỏi :

Con còn chữ nào đề hỏi nữa không ?

— Dạ có. Chữ *mộ* là chiều tối đó ba ?

— Thì con đọc tiếp Kim Vân Kiều đi.

Tôi tiếp tục đọc. Bỗng ba tôi bảo dừng lại ở câu :

*Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.*

Ba tôi giải nghĩa :

— *Mộ* là chiều tối, là ảo ảnh mặt trời (tức chữ *nhật* là mặt trời ẩn với chữ *bóng tà*, *bóng tà dương*) dường như lặn mất giữa vùng cỏ lau (tức chữ *mùng* là cỏ rậm ẩn với chữ *một vùng cỏ ấy*) xa mờ ở chân trời. Vớ hai câu Kiều trên, con đã nhận thấy hình ảnh buổi chiều khi bóng tà dương đã khuất giữa vùng cỏ ấy đúng với chữ *mộ* hay không ?

— Dạ đúng thì có đúng, nhưng con còn ngờ : Mặt trời nào có lặn mất vào đám cỏ rậm.

— Chính vì thế mà ba bảo đó là ảo ảnh chứ nào phải sự thật. Người xưa chắt phác thấy mặt trời mọc lên sau rặng cây ở phương đông lúc sáng sớm thì vẽ chữ *đông* với bộ *nhật* là mặt trời và bộ *mộc* là cây,

lại thấy mặt trời lặn mất giữa vùng cỏ ấy ở phương tây lúc chiều tối thì viết chữ *mộ* là chiều tối với bộ *nhật* và mặt trời là chữ *mùng* là cỏ rậm...

Dừng một chốc ba tôi hỏi :

— Con đã học chữ *giang* là sông chưa ?

— Thưa đã học rồi.

— Con có hiểu tại sao chữ *giang* là sông viết với bộ *thủy* và chữ *công* không ?

— Thưa ba, con nghĩ chữ *công* có quan hệ đến sông Mekông chảy suốt bán đảo Đông dương của mình lắm.

— Con cũng có nhận xét khá. Nhưng *giang* là sông là tất cả những con sông trên thế giới chứ đâu có riêng về một con sông Mekông của Đông dương ta. Đây con hãy nhận xét : Chữ *giang* là sông có bộ *thủy* là nước hai nét ngang chỉ rõ dòng sông có hai bờ và nét đứng chỉ rõ cây cầu. Dòng nước chảy giữa hai bờ và dưới cầu là hình ảnh con sông đúng như

Hồi cụ Nguyễn Du miêu tả
Kim Văn Kiều :

Nao nao dòng nước uốn
quanh,

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh
bắc ngang

Hàn gia ở mái tây thiên

Dưới dòng nước chảy bên
trên có cầu.

Tôi buột miệng khen nức nở :

— Tuyệt quá ! Ba giảng vừa
đúng khoa học vừa đầy thi vị.
Nhưng con e biết chắc có đúng
với ý của cổ nhân hay không ?

— Đúng với ý của cổ nhân
hay không hẳn là mình không
thề kêu cổ nhân dậy mà hỏi
được. Nhưng mình có thể suy
luận mà biết đúng hay không
đúng.

— Dạ.

— Con có nhận định tính
của người xưa rất chặt phác
giản dị hay không ?

— Dạ đúng như thế.

— Với tính tình chặt phác
giản dị, người xưa viết chữ *mã*
là hình con ngựa, chữ *điều* là
hình con chim, chữ *mặc* là hình

thân cây có cành và có rễ, chữ
san là hình ba chòm núi. Họ
viết chữ về vật gì thì vẽ hình
dạng vật ấy ra có phải không ?

— Dạ thưa phải.

— Thì viết đến chữ *giang*, họ
cũng vẽ hình dạng con sông có
sông có dòng nước chảy giữa
hai bờ và dưới cầu, còn gì mà
phải nghi ngờ nữa ?

Hồi đó tôi phục ba tôi quá,
tôi nhận tôi cũng là tay biện
luận rất c. Nhưng đến ngày
nay nhớ lại tôi mới biết ba tôi
đã dùng lối biện luận của Mạnh
Tử : Đưa cho kẻ đối thoại nhận
một sự thật hiển nhiên, rồi mới
đưa tiếp một sự kiện đồng loại
in khuôn cho kẻ đối thoại phải
nhận nốt.

Tôi xin trở lại câu chuyện
giữa ba tôi và tôi. Thấy kẻ đối
thoại nín lặng, ba tôi tấn công
liên tiếp mà hỏi :

— Chuyện Ngũ Tử Tư chỉ lo
buồn có một đêm mà đầu bạc,
đến sáng thoát ra khỏi thành vì
quân giữ cửa không nhận ra,
con có đọc hay không ?

— Dạ có.

— Nghĩa là hể lòng rầu thì
đầu bạc có phải không ?

— Dạ phải.

— Cho nên chữ *ưu* là lo
buồn có bộ *hiệt* là cái đầu và
bộ *tâm* là lòng. Đề nhớ được
chữ *ưu* là sầu buồn, con nên
ngâm hai câu Kiều của cụ
Nguyễn Du :

Những là đắp nhớ đôi sầu
Tuyết sương nhuộm nửa
máu đầu hoa râm

Tôi không còn lý do nào để
bất bề, tôi liền chép ngay lời
ba tôi dạy mà học với hai câu
Kiều trên. Ba tôi giảng tiếp :

— Nhưng chữ về tâm tình
không thể vẽ ra hình dáng được,
cổ nhân luôn luôn dùng lối suy
luận để viết ra thành chữ.

Ba tôi lại hỏi tôi một câu
dường như hơi ngớ ngẩn :

— Con có thương chị con
không ?

— Dạ con thương chị con
nhiều lắm.

— Tại sao ?

— Thưa vì chị là chị ruột của
con, đồng cha đồng mẹ với con.

Câu đáp của tôi tuy rất đúng,
nhưng dường như có điều chưa
đánh trúng chỗ dụng ý của ba
tôi, cho nên ba tôi hỏi tiếp :

— Vì chị là chị ruột của con,
đồng cha đồng mẹ với con
nghĩa là...

— Dạ nghĩa là đồng một
máu mủ với con.

— Ừ đúng đấy. Hể cùng
một máu mủ với nhau thì mới
có lòng thương xót lẫn nhau.
Cho nên chữ *tuất* là lòng thương
xót được cõ nhân suy luận,
nghiệm ra lẽ ấy mà viết với bộ
tâm là lòng và bộ *huyết* là
máu. Cụ Nguyễn Du cũng đã
suy nghiệm được sự thật ấy mà
thờ lộ ra ở câu nói của Thúy
Kiều nhắc nhở em Thúy Vân
lúc sắp ra đi :

Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ thay lời
nước non

Tôi phục ba tôi hết sức, tôi
không ngờ ông quá tài tình
đem chữ nho ra phối hợp với
những câu thơ Kiều đúng rầm
rập từng ý từng lời một cách rất
lịch động. Bỗng một ý kiến vụt
nảy ra, tôi nói vắn lại ba tôi :

— Thưa ba, tại sao cụ Nguyễn Du không viết :

*Ngày xuân em hãy còn dài;
Xót tình ruột thịt thay lời
nước non*

“Bởi” vì người ta thường nói *tình ruột thịt* hoặc *tình cốt nhục* hơn *tình máu mủ* ?

— Câu hỏi ấy chứng tỏ con thông minh lắm. Nhưng trong hiện tại ba không thể kêu cụ Nguyễn Du vậy mà hỏi, nhưng ba có thể đem những điều của cụ viết mà giải đáp thay cụ lời hỏi của con.

Với những chữ nho được phối hợp vào những câu thơ Kiều, cụ Nguyễn Du cũng là một văn tự học uyên thâm hoặc ít ra cũng là người thường đề tâm ngâm nghiệm sự cấu tạo từng chữ nho, bởi vì một người có tư tưởng như cụ hẳn nhiên không thể bỏ qua không tìm hiểu tại sao chữ *tuất* là thương xót viết với bộ *tâm* và bộ *huyết*. Cho nên môn văn tự học thường ám ảnh cụ và thường độ ra theo ngôi bút của cụ. Nếu cụ Nguyễn Du không phải là nhà văn tự học hoặc ít ra là

người thường đề tâm về chữ nho thì hẳn cụ đã viết y như lời con.

*Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình cốt nhục thay lời
nước non*

Con có tin như thế hay không?

Tôi còn ngâm nghiệm chưa kịp đáp lời, bỗng ba tôi nói tiếp :

— Con có học chữ *muộn* là buồn rầu không ?

— Dạ con định hỏi ba chữ ấy.

— Chữ *muộn* là buồn rầu viết với bộ *môn* là cửa và bộ *tâm* là lòng.

— Thì chữ *môn* làm hài thanh đọc ra *muộn*.

— Con nói chỉ có một phần đúng, vì tại sao không có nghĩa là vui mà lại có nghĩa là buồn.

Chữ *muộn* là buồn viết với bộ *tâm* là lòng và bộ *môn* là cửa là tình cảnh cha mẹ nhớ con thường buồn bã đứng tựa cửa đề ngó ra phương trời xa xôi mà trông đợi. Con có nhận định đúng thế hay không ?

— Dạ có, nhưng chưa thỏa đáng lắm.

— Vậy con có nhớ trong «Chinh phụ ngâm khúc» câu:

*Lòng lão thân buồn khi tựa
cửa*

*Miệng hài nhi chờ bữa
mớm cơm*

hay không ? Nếu con đã học câu này rồi, thì con phải nhận là đúng giải thuyết của ba ở trên và nhận là hợp lý câu sau đây của cụ Nguyễn Du :

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những
ai đó giờ*

Cụ Nguyễn Du còn được nhận thấy là một nhà văn tự học ở chữ *kỹ* là kỹ nữ, gái đi.

Chữ *kỹ* là gái đi sống với nghề bán phấn buôn son, viết với bộ *nữ* là gái và bộ *chi* là cành cây, con có đề ý mà hiểu tại sao hay không ?

— Dạ con chưa nghiệm ra.

— Thuở xưa có nàng Tiết

Đào lúc còn bé có thốt ra câu thơ :

*Chi nhành nam bắc điều,
Diệp tống vãng lai phong*

nghĩa là :

*Cành đón chim nam bắc
Lá đưa gió lại qua*

Vận theo khẩu khí của câu thơ này, cha mẹ của nàng đoán được ngày sau nàng ắt làm đi bán phấn buôn son. Quả thật ngày sau nàng Tiết Đào trở thành một danh kỹ. Vậy chữ *kỹ* là gái đi, hạng gái đưa người cửa trước, rước người cửa sau như những cành cây đón những con chim từ hướng nam hướng bắc bay tới đậu lên, và n.ữ.g.lá.cây.tha.thuốt.lả.lời đưa những ngọn gió thổi qua thổi lại dập dề. Sự tích nàng Tiết Đào đã ám ảnh cụ Nguyễn Du về chữ *kỹ* cho nên cụ ví cuộc đời phong trần ô nhục của Thúy Kiều bằng hai câu tuyệt bút :



1360/8X1/ĐPDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

*Dập diu lá gió cành chim
Sớm đưa Tống-Ngọc, tối tìm
Trường-Khanh.*

— Thật là tài tình!

— Ủ. Qua những chữ kê trên, truyện Kim Vân Kiều quả đã có những vần thơ tuyệt tác có quan hệ đến sự tìm hiểu chữ nho và cụ Nguyễn Du thật là một nhà văn tự học uyên thâm, con có nhận thấy hay không?

— Thưa ba đúng như thế. Cụ Nguyễn Du thật đã tài tình khi viết ra những vần thơ bất hủ mà bấy lâu nay hay có lẽ gần hai thế kỷ nay không có một ai hiểu biết được tường tận đường này. Con vẫn tưởng truyện Kim Vân Kiều chỉ để ngâm vịnh những vần thơ điều

luyện mà thôi, nào ngờ hôm nay nhờ ba chỉ dạy cho, con mới biết truyện Kim Vân Kiều còn giúp đám học sinh chúng con học được chữ nho nữa. Vì thế cái khéo léo là ở nhà tạo tác có bản lãnh, còn cái linh động là ở nhà xử dụng có chân tài, cũng như nhà chế tạo phi cơ thì thật là khéo léo, còn phi công biết xử dụng để lướt gió tung mây mới thật là linh động. Cho nên hãy nói cụ Nguyễn Du là tài tình thì phải bảo ba là linh động, một bên nữa cần một bên tám lượng mới đúng.

Nghe được lời nói nịnh này, ba tôi mỉm cười và thường lên đầu tôi một cái cóc.



Hỷ - Tín

Thân mến chúc đôi bạn

Hồng-Khắc Kim-Mai

và

Phạm - văn - Hanh

trăm năm hạnh phúc

NGUYỄN-VỸ

Khóc em Thủy

Dặng hiến hồn em nơi đất lạnh — người đã chết trong số 12 người đã bị Việt-Cộng pháo kích hỏa tiễn trong đêm 26-2-68 tại thủ đô.

*Bỗng chốc lòng tôi đau đớn quá
Ngậm ngùi nhớ lệ nhớ th trong ai.*

*Thủy em ơi! Thủy em ơi!
Hồn thiêng nay đã lạc loài về đâu?
Mệnh mang ôm nặng gót sầu
Đơn phương lẽ mộng máu trào hồn quê
Khăn tang nửa miếng đi về
Sầu giăng khói mộ thảm thê lệ tình.
Thủy em ơi! Thủy em ơi!
Lời xưa... còn vẹn bóng người cố tri
Sao chia ly! vội chia ly!
Sầu lên sỏi đá, khắc ghi lửa hờn
Thương em hẹn ước chưa tròn
Đáng trạng tình sử m i mòn năm canh.*

*Thôi hết! từ nay vĩnh biệt rồi
Ngàn đời ghi mãi hận chia phôi
Đêm đêm trở giấc nghe tim vỡ
Đau đớn hồn anh — lắm Thủy ơi!*

*Gió bụi giăng giăng cuốn khói mộ
Người đi để lại mảnh khăn sô
Ám dương cách trở hờn ly biệt
Một khối tình riêng lạc dưới mồ.*

*Biết nói gì đây, khi mộng vỡ
Khi tình đã mất giữa mùa hoa
Trời ơi — lưu luyến chi ngày ấy...
Đề phải giờ đây ánh lệ nhòa.*

THẾ-LAN
(Sài Đô một chiều buồn)



ĐÊM ĐỎ

● THU-MAI

Tuân đưa mắt nhìn về hướng Thị-xã :— Bây giờ ở thành phố đó họ làm gì nhỉ ? Cả Thụy nữa. Chắc họ đi chùa ? Đi chùa chi nhĩ ? Chắc lại cầu nguyện. Cầu nguyện gì ? Cầu nguyện cho gia đình bình an, mau thăng quan tiến chức, con gái không ế chồng, lấy được chồng sang, con trai không ế vợ, lấy được vợ giàu. Tuân mỉm cười :— Không hiểu cái sự họ cầu đó có mấy khi linh nghiệm không nhĩ ?

Tuân chợt nghe buồn, anh ngắt một cánh Sim vô nát trong tay. Ngày mai là mừng một Tết rồi, Tết với nhứt, rõ chán. Tuân nhớ Thụy đã điết, trước Tết anh có hứa với Thụy là anh sẽ về dẫn Thụy đi sắm Tết, nhưng bây giờ là ba mươi Tết, còn vài giờ nữa đến Giao-thừa mà anh vẫn còn ngồi đây — Thụy ơi ! Tha thứ cho anh nghe Thụy ! Nếu anh giữ đúng lời hứa với em, anh về thành phố, anh sẽ bỏ

ĐÊM ĐỎ

cái tiền đồn này lại cho ai ? Em à ! Cái tiền đồn này cũng là một trong những người yêu của anh, anh không thể bỏ nàng vì nàng yêu anh rất nhiều và ngược lại.

Đừng nổi giận nghe em. Anh có nhiều người yêu thật như em, nhưng trách cứ anh, những anh sẽ chỉ yêu có mỗi mình em, mình em thôi Thụy ạ. Em tin không ? Tin đi Thụy nhé, người đàn ông nào cũng có nhiều mối tình, nhưng chỉ có một mối tình duy nhất, bất diệt thôi Thụy ạ. Đêm nay đi lễ, Thụy nhớ cầu nguyện cho anh nghe Thụy.

Cầu nguyện cho chúng mình Thụy nhé !

Tuân trở vô đồn ra lệnh cho anh Trung-sĩ sửa soạn bãi đáp cho trực thăng, chiều nay có chuyến máy bay tiếp tế cuối năm. Trung sĩ Đức nhìn Tuân cười :

— Kỳ này chắc hẳn thế nào cũng có các em Nữ sinh Thủ đô ra thăm mình, mình chuẩn bị lần đi là vừa Trung úy ạ.

Tuân gắt :

— Cậu cứ lảm chuyện, lo thả khói màu cho trực thăng đáp đi. Chuyến này có thơ vợ mày đó.

Đức trợn mắt :

— Sao Trung úy biết ?

— Thế mà tao biết mới hay chứ, thôi đi đi cậu, à cậu kêu giùm Thiếu úy Chính cho tôi.

Đức dạ khẽ rồi đi nhanh, trông vẻ hơn hờ của Đức mà Tuân lo ngại, Trước Tết ở Tâm lý chiến có cho Tuân hay, chiều ba mươi Tết sẽ có một phái đoàn sinh viên học sinh ra thăm những sơn nhân ở cái tiền đồn heo hút gió này. Nếu họ không đến thì sao ?

Tuân đi chậm chậm ra bãi đáp của trực thăng, mặt Trung sĩ Đức bị xị :

— Họ không thèm ra thăm mình Trung úy ơi.

Tuân cau mày :

— Tại sao ?

— Em không biết, chắc bọn nó mắc đi phổ sắm Tết nên quên mất việc ra đây «ban bố ân huệ» cho tụi mình. Người sĩ quan đi theo trong chuyến tiếp tế cho Tuân biết phái đoàn không đi được là vì đến giờ chót có nhiều chuyện rắc rối xảy ra. Anh em binh sĩ ai cũng lộ nét buồn, vì cho là các em hứa cuội,

báo hai hôm qua anh giặt đồ sạch sẽ thơm tho để đón các em mà các em không đến, bây giờ anh diện với ai đây? Với chú khỉ của con nhà Toàn à?

Tuân cũng cảm thấy buồn trước nỗi buồn của anh em. Hơn ai hết, anh hiểu rõ sự cô đơn của mọi người, không cô đơn làm sao được với tháng ngày thui thủi ở rừng núi này, ải địa đầu của hai Tỉnh Cao Nguyên. Suốt nam, suốt tháng không mấy thuở có một bóng hồng phớt ngang đây, dù là một thoáng. Chỉ có toàn một giống thịt bắp, vai u, nhiều lúc quá ngứa chân ngứa tay, họ lại đánh nhau loạn xạ rồi lại ôm nhau cười hả hả. Nhưng khi có ai được đổi đến một đơn vị khác sung sướng hơn, đủ tiện nghi hơn họ lại không đi mà tính nguyện ở lại. Thử tình thương gian khổ đã kéo níu họ lại với nhau. Lần về phép trước, Tuân được đi sáu ngày, nhưng mới về được hai ngày Tuân lại cuốn gói trở về đồn. Mọi người xúm lại hỏi tại sao Tuân về sớm hơn hạn định, Tuân cười:— Tại nhớ tội bây chịu không nổi.—Trung sĩ Đức ôm lưng Tuân: Có thể mới được chứ, bọn này này,

Trung úy còn hơn nhớ bà xã nữa đấy, ở đây mãi quên mẹ nó cái gì của bà xã.

Tuân đi tìm Thiếu úy Chinh, Chinh đưa Tuân hai lá thư:— Thư của cô Thụy đấy Trung úy, có một lá thư lạ nữa, ở Thị xã. Sống ở núi mà Trung úy vẫn hào hoa ra phết, chẳng bù với bọn này, vợ đến con gái là nó chửi vào mặt, dạy chúng tôi bí quyết đi Trung úy.

Tuân nghiêm mặt:

— Đừng đùa, anh em đang buồn, cậu cho tập hợp anh em cho tôi.

— Đề làm gì Trung úy?

— Cậu không thấy anh em đang thất vọng vì sự thất hẹn của phái đoàn thành phố à?

Chinh gãi tai:

— Thấy, nhưng tội cho rằng không có gì đáng lưu tâm hết, họ đã quen rồi, bọn mình thì sao?

Tuân nhăn mặt:

— Cậu nói dễ nghe thật, họ khác, mình khác, cậu nên nhớ là ở đây mình có bốn phận phải lo cho anh em, ở trong làng hỏi trưa họ cho mình một đôi heo phải không?

— Vàng có cả một vò rượu cần nữa.

— Quà Tết và thư của các em gái hậu phương được bao nhiêu?

Chinh trở đồng bánh mứt:

— Bao nhiêu đó tất cả, của Trung úy hết phần nữa. Thư thì chỉ có 20 lá

— Ai gửi cho tôi?

— Của Lê - Quỳnh, Lê Thu, Ngọc Ánh, Minh, Hạnh và...

Tuân xua tay:

— Đủ rồi, anh đề đó lát nữa phân phát cho anh em, còn cái đùi heo cậu biểu thằng Đức đem đi làm tối nay bọn mình nhậu đón Giao thừa.

— Nhậu hả Trung úy? Mục này thì tôi hoan hô hết mình, chứ không lẽ Tết mà cứ khắc khổ hoài sao?

Tuân nhìn thật lâu những anh lính tóc tai bờm xờm, quần ống cao ống thấp, Tuân cau mặt:

— Tin, cậu ăn mặc gì kỳ thế? Tết tới rồi sao không bới tóc đi để đón chúa Xuân?

— Trung úy tha cho bọn này cái mục đó đi, ở đây làm đẹp để cho ai ngắm, cóc có em nào

ở đây hết, phải chi có các nàng Trung úy không nhắc bọn này vẫn bay bướm như thường.

Sau một lúc an ủi anh em Tuân về phòng mở thư Thụy ra đọc, luôn luôn lúc nào anh cũng vẫn dành cho Thụy sự ưu tiên, kể cả đọc thư nàng. Thư Thụy viết thấm thiết, dễ thương. Thụy có lỗi viết thư và lỗi nói chuyện thật đàn bà, loại đàn bà trẻ thơ. Tuân yêu cái nét đặc biệt đó của Thụy, yêu tha thiết, dù anh có một lúc gần 10 người yêu. 10 người yêu nhưng không yêu ai cả, Thành không hiểu mình muốn gì khi chơi trò ú tim đó, anh nhớ có lần Thụy đã nói với anh: Anh tham lam quá cô ngày anh sẽ chẳng có gì, kể cả Thụy, không ai chịu đựng được việc người chồng mình có hằng tá người yêu. Tuân nói:— Anh yêu nhiều, nhưng anh không yêu ai cả, em nên nhớ như vậy, ở rừng mãi anh sẽ chỉ yêu rừng thôi em ạ. Thêm khát đàn bà là chuyện thường đối với những thằng như anh, nhưng mỗi lần về thành phố anh không bao giờ đi tìm đàn bà. — Tại sao? Vì anh bất lực. Thụy bấu mép

Không có gì làm chứng có cả. Danh dự anh không đủ sao? Thụy không biết, anh là một nhân vật trong tiểu thuyết, lúc nào tác giả làm cho anh thật linh động và hấp dẫn, anh giả dối và dễ ghét lắm.

Tuân bắt chợt đặt môi hôn Thụy, Thụy òa lên khóc, Tuân nhìn như xoáy vào mắt Thụy:— Anh xin lỗi Thụy. — Anh không thể nói câu gì khác hơn sao? — Không, anh không còn ngôn ngữ. Tuân bỏ đi, theo sau anh là tiếng khóc của Thụy.

— Trung úy ơi! Gần giao thừa rồi,

Tiếng Thượng sĩ Chuột gọi Tuân, Tuân bước ra khỏi phòng.

— Bọn nó nấu xong rồi chứ? Bây giờ mới 10 giờ, thôi nhậu trước rồi lát nữa ăn bánh mứt đón Giao thừa.

— Đồng ý, hoan hô Trung-úy hết mình

Mọi người ngồi bẹp xuống, ăn thịt heo, uống rượu cần, có cả rượu đế của Trung sĩ Đức. bình nhì Hạ. Buổi tiệc thật linh đình vì quá đông người, thấy anh em quá vui Tuân nhắc:

— Các cậu uống ít thôi, nhờ

bọn nó công đồn mà các cậu say lúy túy thì bỏ bu.

—Hưu chiến mà Trung úy, đêm nay tại này có quyền bỏ súng để nhậu nhết cho nó sảng cái dạ dày, lâu ngày thiếu vắng mà phải chi bây giờ có mụn đàn bà nữa thì nhất.

Mọi người cười ầm, vỗ tay tán thưởng lời của Hạ sĩ Tới, Tuân:

— Phải đề cao cảnh giác, không thì chết tiệt các anh ra, hưu chiến cái gì, mình cứ tin vào mồm mép tại nó thì có ngày đi đoang cả lũ đấy các anh a. Năm rồi bọn nó làm cho một trận, đứt cả cửa... quí của thằng Hồng, quên rồi à?

Mọi người lại được dịp cười ồ ồ, mặc cho Tuân can ngăn họ vẫn ôm bình rượu cần uống liên tu bất tận. Tuân cau mặt, mắt anh đỏ ngầu, không nói, không rằng Tuân vứt phắc mấy chai rượu ra sàn, luôn cả bình rượu cần, mấy đĩa thức ăn. Người nổi giận đầu tiên là Thiếu úy Chính, anh nhìn Tuân, mắt đỏ lửa:

— Trung úy không được làm vậy, dù là thượng cấp, Trung úy cũng không có quyền làm như thế, ít nhất Trung úy cũng vị nể chúng tôi chứ?

Tuân nhìn sâu vào mắt Chính:

— Tôi hỏi anh, để cho các anh nhậu nhết say sưa rồi lát nữa bọn nó ủa vào đây rồi các anh làm đểch gì chúng nó? Lúc ấy các anh sẽ là những cây thịt vô dụng, anh hiểu chưa? Tôi không bao giờ coi thường anh em, ngược lại, tôi muốn bảo vệ tiền đồn này và sinh mạng của tất cả mọi người ở đây. Tôi cấm anh cãi lại tôi, anh đi nghỉ đi; bây giờ anh không đủ bình tĩnh để nói chuyện với tôi.

Tôi cấm anh không được uống nữa, anh nghe chưa? Thiếu úy đừng bắt tôi dùng Quân luật trong lúc này.

Mấy người nhảy vào can cũng bị Chính tần cho như tử, cuối cùng họ vẫn lôi hai người ra được, Trung sĩ Đức kéo Chính về phòng của hắn, Thượng sĩ Chuột lôi Tuân về phòng chỉ huy. Tuân:

—Mày đem nó nhốt trong phòng

khóa kín cửa lại cho tao.

Tuân móc khăn tay lau mặt, anh ra chòi canh đứng. Gió mát làm Tuân thấy dễ chịu, người lính canh nhìn Tuân :

— Trung úy, cái gì như bọn nó đi chuyển kia Trung úy. Tuân cau mày, anh giục cái ống nhôm trên tay người lính:—Cố thể lắm, anh đánh chuông báo động cho tôi. Tắt nhứt mà nó vẫn cứ muốn đâm đầu vào chỗ chết, muốn chết thì chuyển này ông cho chết, bố các con cũng chẳng gạt được ông nữa là các con, con ạ.

Ra lính cho anh em ở trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu xong, Tuân đi khuấy một ly nước đường đem vào phòng Chính, Chính ngủ như chết, miệng anh chửi lầm bầm. Tuân đỡ Chính dậy, đổ ly nước đường vào mồm Chính. Mười phút sau Chính tỉnh dậy, thấy Tuân ngồi trên giường mình, tay cầm cái ly. Chính ôm ngang hông Tuân cười hề hề :

— Mẹ kiếp, Vem nó đang rình ngoài rào ấy, ngồi đó mà cười, châu tổ sớm bây giờ.

Chính như cái máy, anh ngồi bật dậy và nhanh nhẹn nài nịt quên cả mang giày, Chính chạy ra đồn canh, cả tiền đồn im phăng phắc, không nghe một tiếng động, Chính cầm ống nhôm lên nhìn : — Bố tui bây, hừ chiến cái chó chết, nhào vô đi ông đưa về thăm Bác để chúc Tết Bác luôn thể, đi bằng 105 con nhé. Giữa đêm vắng, giữa không khí như đặc sến lại của núi rừng, nhiều tiếng nổ xé tan màn đêm làm cho những con vật đang ngủ giật mình choảng tỉnh, những tiếng kêu hoảng hốt trong đêm đen thật thảm nảo. Tuân nhìn Chính : — Chính xác chứ?— Yên chí, suyá một trăm phần trăm. Tuân : — Bố các con, cho ông ăn thịt heo thì ông ăn chứ đừng tưởng ông mê ăn đến nỗi phải đi mây về gió đâu. Đừng tưởng bố con ạ.

Chính cau mày : — Trung-úy nói gì ? — Bọn nó đem thịt heo bảo dân làng cho mình để cho bọn mình nhậu say túy lúy vì tin vào cái chuyện hừ chiến ấy mà.

— Tiên sư chúng bây, ông không hết cả lũ, dám cả gan cho ông đi tàu bay giấy thì họ hàng nhà bay đã tới số rồi đấy. Ông nường hết.

Tuân : — Cậu ở đây trông chừng, có gì gọi tôi ngay, tôi đi một vòng thử xem có thằng nào ngủ gật không.

Chính nắm chặt bàn tay Tuân : — Trung-úy, Trung-úy...

Tuân nhếch mép cười, nụ cười anh méo mó vì đau đớn :

— Cậu nhớ nói lại với Thụy giùm tớ rằng lúc nào tớ cũng vẫn mãi mãi yêu nàng, cả lúc B40 chui vào bụng tớ, tớ vẫn nhớ đến nàng, nhớ đôi môi lúc nào cũng chực cắn vào đùi non của tớ mãi nhớ nhé. Chính nhé.

— Vâng, tôi sẽ nhớ không bao giờ quên được lời dặn của Trung úy, làm sao có trục thẳng chỗ Trung úy về Cộng hòa ngay bây giờ.

— Trục thẳng, bọn nó đang tổng công kích khắp nơi đó, ở Tiểu khu họ trả lời vậy, mấy quên rồi sao chứ ? Tiên sư cha chúng nó, ông mà còn sống, ông tần cho chúng bây

bỏ mẹ. Tao thương mầy lắm Chính ạ.

Chính quỳnh quáng : — Trung úy ơi, bọn nó lại công phía này làm sao bây giờ? Chính ôm lưng Tuân. — Trời ơi ! Máu ra nhiều quá làm sao bây giờ?

— Chính, lúc nào anh cũng có cái thứ mất hồn mất vía đó, tôi chết rồi anh hỏi ai, liệu mà giữ lấy sự sống, cho bọn nó giữ kỷ mấy con gà cồ là đủ rồi, vòng đai ngoài bỏ mẹ nó đi, không cần-thiết lắm, cứ để họ hàng nhà nó đun đầu vào bắn cho sưng tay.

— Trung úy liệu có sao không Trung úy ?

Tuân gất :

— Mặc xác tao, mầy ra điều động bọn nó đi, ràng mà giữ sự sống, giờ phút này thì đừng mong có tiếp viện... Tại sao mầy không đi đi mà còn đứng xơ rơ đó ? Ở yên chí, à hay là thôi, Cậu đừng cho Thụy biết gì hết nhé, Thụy có gởi thư cho mình, cậu cứ giả tờ mà viết trả lời cho nàng nhé... Không sao đâu, chữ mầy với chữ tao giống nhau mà. Sao anh còn đứng đó?Đi không tao bắn nát óc bây giờ?



Ầm! trái đạn 81 ly rơi ngay chỗ Tuấn đang nằm, cả thân hình anh được nhắc bổng lên không, như một trái cầu. Khi Chính vào thì Tuấn không còn nữa, anh đã biến đi đâu mất. Trước mắt Chính chỉ có một đồng thịt nhầy nhụa. Chính hốt tất cả gom lại một đồng, xong anh quì xuống, gục mặt vào đồng thịt sượng nhóp nhụa. Chính cười, anh gọi: Trung-úy... Tuấn trung-úy. Chính lại cười, cười thật lớn. Trung-sĩ Đức từ ngoài vòng đai chạy vào

— Hiệu-úy! Trung-úy có sao không? Nó có rơi nhằm chỗ Trung-úy không?

— Đức... mà không thấy hay sao còn hỏi, rang ai ấy tức khắc cho lính bọn nó bắn thả, thằng nào để vượt mặt một thằng... Liệu hồn đấy, lời thôi thì không sống đâu. chúng mày ạ.

Trung-sĩ Đức đưa mắt nhìn đồng xương thịt của Tuấn rồi anh chạy vụt đi, tay anh bóp chặt cổ súng, miệng hét:

— Sát! Sát!

Mùa khói lửa Mậu-Thân.

1-4-68

THU-MAI

HẠNH CHÍ

SINH - SẢN

★ PHÙNG-LÊ-ÁNH (Philippines)

LỜI NÓI ĐẦU.— Với tình trạng chiến tranh hiện tại ở Việt-Nam, chúng ta không có tình trạng nạn-nhân-mãn vì số tử vẫn nhiều, nếu chúng ta không bi quan để nói nhiều hơn số sinh. Tuy nhiên chúng tôi đăng bài này của Giáo-sư Thạc-sĩ Hóa-Học Phùng-Lê-Ánh, vừa ở Đại-học Mamla gửi về, đề đọc giả theo sát tình hình hiện hữu trên thế-giới về vấn-đề tăng gia nhân số và cũng có lẽ để giúp một số đông gia đình đông con mà phương tiện sinh sống chật hẹp, phải giảm bớt sinh sản, để những đứa con đã chào đời được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành chứ không quá lam lũ chia sẻ sự bất hạnh đáng nhẽ không phải hưởng trong tuổi vô tư của lúc chào đời.

THỰC ra kiến thức về việc hạn chế sinh sản đã có từ thời tiền cổ Y học, nhưng vì năng lực y khoa loài người còn ấu trĩ, người ta coi vấn đề như một thể hiện huyền bí.

Với năng lực khoa-học tân tiến hiện đại. Vấn đề hạn chế sinh sản đều được áp dụng theo một phương thức hợp nghi căn cứ trên thực bản sinh lý nhân thể.

Có rất nhiều phương thức đã được đại chúng chấp nhận. Tuy mỗi phương thức được dùng một cách khác nhau, song đại cương chúng đều theo đuổi một mục đích. Vì thế, người ta xếp loại các phương thức dưới ba thể chính:

- 1) Phương thức cơ lý
- 2) Phương thức vật lý
- 3) Phương thức hóa học (sinh lý hóa).

Đề độc giả dễ hiểu, chúng tôi không đi sâu vào kỹ thuật về danh từ khoa-học cũng như về mô tả chuyên môn. Chúng tôi chỉ viết theo thể thường — nếu cần tìm bới tinh tế về chuyên môn, độc giả có thể trực tiếp với chúng tôi bằng thư riêng, chúng tôi xin sẵn sàng trả lời.

Năm 1955, Hội dự thảo gia đình Quốc-tế nhóm họp ở Đông-kinh (5th International Conferena on Planned Parenthood) đã bàn cãi sôi nổi rất nhiều dự trình về vấn đề hạn chế sinh sản. Mỗi dự trình đều được theo dõi và nghiên cứu bởi mỗi nhóm khác nhau.

1.- Phương-thức nội cung (Intra - uterine conception)

Theo nguyên lý của phương thức này, việc thụ thai hoặc tránh đậu thai có thể xoay chiều tùy ý. Người ta chỉ đặt một « ngoại thể y khoa » vào tử cung của một sản phụ, thai sẽ không bao giờ đậu ngoại trừ « ngoại thể » này không đặt ở tử cung của bà ta nữa. Phương thức không hấp dẫn hội thảo năm đó mấy. Đột nhiên năm 1962 người ta khởi hứng và cảm

thấy cần thiết đào sâu vào nguyên lý nội cung một cách tinh tế hơn đề sự điều dụng được chính xác và bảo đảm.

Người ta đặt ngoại vật vào tử cung loài khỉ và theo dõi mọi sinh hóa biến kiện của chúng. Người ta nhận thấy rằng sự có mặt của ngoại vật quả có thay đổi hiện tượng sinh hoạt của tử lộ (ống dẫn trứng) và tử cung.

Bình thường, noãn sào từ buồng trứng tới tử-cung-lộ quan trình thoang dong 3 ngày vì động phòng thiên chức có thể xảy ra trên đường quan lộ nếu noãn sào gặp thiên tử (tinh trùng).

Có giả thuyết cho rằng hiện diện của ngoại vật gây tình trạng nhiễm độc hoặc thay đổi hướng động của tinh trùng, do đó thai không đậu. Giả thuyết này không vững vì ngoại vật không hề thay đổi hướng động của tinh trùng mặc dầu đôi khi có gây độc.

Khảo nghiệm y học giảng giải rằng phương thức nội cung có hiệu quả trong sự ngăn cản thụ thai vì sự hiện diện của ngoại vật làm noãn-sào di chuyển

thần tốc qua tử lộ, ngăn cản sự giao hợp (thiếu giờ).

Ngày nay, « ngoại vật y-khoa » được biến chế bằng nhiều hóa thể, nghi dụng của mỗi loại hiện cũng vẫn còn tiếp tục theo dõi (1).

Ngoại vật làm bằng chất polyethylene có đặc tính co dãn và kéo thành chỉ suốt trong một liều, quản khác. Tiều quản này mềm dẻo có thể luồn qua cổ tử cung theo âm đạo rồi nhờ một cần thợ nhỏ, ngoại vật sẽ gọn gàng được đặt trong tử cung. Người mang ngoại vật không hề cảm thấy khó chịu khi mang nó.

Nhiều ngoại vật đã được biến chế rất hoàn mỹ và dễ dùng, đặt vào hoặc tháo ra khỏi tử cung bất cứ lúc nào cũng được. Khi ngoại vật đã được tháo ra, sản phụ có thể thụ thai như thường.

2. — Phương thức tính theo c.u.k.y

Căn bản của pháp lý này là tính sao cho noãn-sào và tinh trùng không gặp nhau trong kỳ hện.

Hơn 40 năm theo dõi độ

nghiệm của phương thức, người ta đã lược đồ được thời gian mau đậu thai nhất. Rồi người ta cũng thấu rõ thời gian sống tối đa của tinh trùng trong tử cung, trình độ thích hợp của sự rụng trứng, lộ trình khắc dụng của noãn-sào v.v... Tất cả điều kiện được tổng kết trên cùng một đồ thị. Do đó người ta tính được xác đáng độ trùng âm và sai biệt.

Giáo-nghiệm chứng minh rằng thai dễ đậu nhất, nếu giao hợp xảy ra trong khoảng 15 ngày trước có tháng, hoặc trong vòng 48 giờ trước giờ nóng mình nếu bạn muốn xác định hơn. (Nếu bạn đo nhiệt độ điều hòa mỗi ngày vào giờ bạn ra khỏi giường, bạn sẽ thấy một hoặc hai ba ngày trong tháng bạn có nhiệt độ cao hơn ngày thường. Sự tăng nhiệt độ là hiện tượng sinh lý cho bạn biết là noãn sào đang rụng).

Nhiều cặp vợ chồng hiếm con

(1) « Ngoại thể » đang được thông dụng trên thị trường quốc tế làm bằng những chất sau đây :

Polyethylene, Stainless steel (thép trắng) nylon, silkworm gut etc...

có thể không vì lý do gia truyền hoặc bệnh liễu mà nhiều khi chỉ vì giao hợp nhầm lúc.

Bình thường tinh trùng trong một môi trường sống thích hợp như tử cung, nó chỉ sống 18 tiếng sau khi phát tinh. Thai chỉ đậu và phát triển bình thường nếu sự giao hợp với noãn nang xảy ra trong khoảng 3 tới 4 giờ sau giờ noãn rụng. Quá 4 tiếng sau giờ noãn rụng, nếu có trùng hợp xảy ra, bào tử có thể phát triển khác thường 90%. quái thai xảy ra rơi vào trường hợp này.

Nhiều gia đình hiếm con ngoài lý do bất lực có y khoa xác nhận có thể có con điều hòa nếu tính toán cho đúng thời gian giao hợp.

Trái lại nhiều gia đình quá mau con, người mẹ muốn tránh thai đậu bằng cách kéo dài thời gian nuôi con bằng sữa mẹ.

Cách này không được bảo đảm mặc dầu y học có xác nhận rằng kích tố tăng sữa có tác dụng kiềm chế sự đậu thai.

3). — Phương thức dùng màng cản, áo lót...

Nguyên lý dễ hiểu, người ta

dùng màng mỏng hoặc độc tố nhờn (hại tinh tử) để ngăn cản tinh trùng xâm nhập tử cung.

Thời trung cổ, người ta dùng màng mỏng của ruột tròng loài vật che ngọc hành khi giao hợp. Ngày nay, người ta đã điều chế nhiều loại cho cả phái nữ và phái nam rất tinh vi và dễ lưu dụng.

Phương thức này được nhiều người theo nhất, chứng tỏ sự hiệu nghiệm của nó. Tuy nhiên, nếu chẳng may màng mỏng tách vỡ hoặc chế tạo cầu thủ, kết quả có thể đảo lộn.

Có nhiều người tránh có thai bằng cách vọt tinh ngoài âm đạo. Phương thức này đã kể trong Thánh kinh.

Tránh có thai bằng cách hạn chế dục vọng là phương thức lý tưởng nhất. Tuy nhiên mấy người đã có đủ nghị lực tuyệt đối?

Nhiều mỹ nhân dùng thuốc viên, thuốc bột, kem bọt... (Pills, tablets, Vaginal jellies, suppositories, etc...) có đặc tính hại tinh đồng thời làm bí tử lộ, ngăn cản sự giao thoa của tinh trùng.

Người Á-Rập đã dùng cách này từ lâu. Hiện nhiều nơi kém văn minh người ta vẫn dùng nhiều phương tiện cổ truyền để tránh có thai (ví dụ như dùng nón đẩy tử cung bằng bông hay bằng khuôn hình của vỏ một nửa quả cam đã lấy hết múi).

Ngày nay người ta đã sáng chế nhiều loại nón tử cung hoặc màng trinh rất tuyệt hảo. Tuy nhiên, cách dùng hơi cầu kỳ và cần nhiều sự săn sóc của y sĩ để tránh mưng độc vì nếu đặt sai hoặc mua nón sai cỡ.

IV) Ngưng thụ thai bằng Hoa-ken-to Sieroid

Phương thức ngăn cản sự thụ thai bằng « ngoại vật » là phương thức cơ khí. Tuy nhiên người ta không thoả mái mấy về phương thức cơ khí này. Hóa học gia nỗ lực tìm kiếm một phương thức mà sản phụ có thể kiểm soát sự thụ thai qua « ngôn đạo » hơn là « âm đạo ». Vì đó Hóa-kích-tổ ra đời.

Lịch sử y-học cũng đã chứng minh rằng hóa kích tố dù chỉ mới được xác định nhưng quan

niệm về hiện thể của hóa tố trong ổ noãn hay đúng hơn lưu noãn ở ổ noãn — (Corpus luteum) có thể ngăn cản sự rụng trứng đã được phân xét từ thế kỷ thứ 19.

Phức trình y học có viết rằng: « năng lực thụ thai có thể tạm đình chỉ ở loài vật nếu người ta cắt ghép ổ noãn nghiệm giao của một vật khác đồng chủng đang thụ thai sang một vật cái khác chưa thụ thai nhưng có tiềm lực thụ thai. Thai nghén của phương thức này được ra đời năm 1930. Liều thuốc uống noãn nang đầu tiên để ngăn ngừa thai đậu được dùng cho loài người.

Vì nghi dụng đơn giản mà thành quả dễ đạt theo ước vọng. Phương thức hóa tố được bành trướng nhanh chóng. Người ta say mê nghiên cứu và theo dõi sự hiệu nghiệm của thuốc để tới đầu năm 1955 người ta tung ra những bằng chứng cụ thể về sự thành công của phương thức.

Người ta đã bào chế hóa tố theo tổng hợp và vì thế đủ loại kích tố đã tràn ngập thị trường. Hóa kích tố tổng hợp có đủ đặc tính căn bản như hóa kích tố thiên nhiên.

Sự biện nghiệm rất chính xác nếu người dùng theo đúng lời chỉ dẫn :

« Liều thuốc có hai mươi viên nhỏ như hạt đậu — Bạn bắt đầu uống viên thứ nhất vào ngày thứ năm, kể ngày có tháng (có kinh) là ngày thứ nhất.

Tiếp tục nuốt mỗi ngày một viên vào buổi tối cho tới hết 20 viên — nghĩa là thuốc hết vào ngày thứ 25. Thuốc hết, sau 1, hai ngày bạn sẽ có kinh như thường.»

Nhiều nhãn hiệu bảo vệ rất tinh vi, có giản đồ ngày tháng — dưới mỗi ngày trong tuần có viên thuốc, viên thuốc chưa uống lịch chưa bóc đi, trái lại viên thuốc quên chưa uống, lịch ngày đó lẽ dĩ nhiên là chưa bóc.

Người ta giả luận rằng kích tố (nếu dùng đủ liều) có tác dụng thay đổi độ-nhơn của sinh-tổ nơi tử-cung và của tử cung. Sự thay đổi này bất hợp cho vi trùng di-chuyển và vì thế kìm-hãm sinh-lý tính của tinh-túng, ngăn cản sự giao-hợp với noãn-nang.

Nếu bằng quên một hai ngày trong thời gian dùng thuốc, thụ thai vẫn có thể xảy ra. Vì thế

nếu bạn chợt khám phá rằng bạn quên uống 1 viên, tốt hơn bạn nên dùng viên thuốc ấy ngay khi biết.

Nếu dùng thuốc trễ hơn ngày thứ năm kể từ ngày có kinh cũng có thể gây kém chính xác. Trái lại, nếu dùng thuốc rất khít lời chỉ dẫn bạn có thể tính khoảng cách tuổi cho các con của bạn (ví dụ đưa thứ hai cách đưa nhất 2 năm, đưa thứ ba cách đưa thứ hai ba năm v.v...)

Trong thời kỳ dùng thuốc bạn chẳng cần đóng cửa phòng và đẩy người yêu ra ngoài nữa.

Nhiều người thường nhầm lẫn, cho rằng rửa sạch tinh trùng trong cửa mình sau giờ giao hợp có thể tránh thụ thai. Phương thức này không bảo đảm và bất lợi.

Khoa học hiện đại đã phát minh nhiều nghi tiện trong mục tiêu hạn chế nạn nhân mẫn và bảo vệ quyền lợi mỗi cá nhân của gia đình theo tài lực mỗi gia đình có thể gánh vác. Tuy nhiên người dùng nó cần có một kiến thức chính chắn và minh chính. Trái lại hậu quả ngoài ý có thể xảy ra.



XÁC CHẾT VÒ NGƯỜI

● LÊ-HƯƠNG

MỘT buổi chiều mưa hạ, năm 1939 tại trường Trung học « Trung Sơn » ở Thượng-Hải sinh viên nội trú Hồ-Thanh cảm gió chết thình lình. Vì gia quyến kẻ bất hạnh ở cách tỉnh lỵ hơn trăm cây số nên nhà trường phải đề-xác chết một đêm trong gian phòng trọ chờ ngày mai thân nhơn đến tần liệm.

Ông Giám đốc Ôn-vân-Trung kêu gọi sự tinh nguyện của 4 sinh viên thức suốt đêm canh xác. Bốn người bạn thân của người chết: Tăng Quang, Vương Đạt, Quách Hồng, Lưu Sanh đồng lòng ở với bạn đêm cuối cùng. Để giết thì giờ họ đánh cờ mà chợp sau khi trò chuyện và ăn buổi tiểu-dạ (sím dề).

Gian phòng ngang 4 thước,

dài 6 thước, trong cùng kê cái giường để người chết nằm, mặt phủ tờ giấy bản. Đầu và chân giường có thấp 4 cây đèn cây và 6 cây nhang. Giữa phòng, ngọn đèn điện được thay bằng bóng 100 volts sáng sủa. Ngay dưới là cái bàn vuông, 4 cái ghế và 4 cái bàn nhỏ để ly nước, đồ đựng tàn thuốc.

Bốn sinh viên ngồi quanh bàn đánh bài. Tăng Quang ngồi phía ngoài đưa lưng ra cửa, nhìn thẳng vào xác chết. Lưu Sanh ngồi đối diện đưa lưng vào giường. Còn hai người ngồi hai bên có thể liếc qua lại dễ dàng.

Đêm càng khuya, thành phố bớt ồn ào. Cảnh vắng lặng tăng thêm phần ghê rợn. Căn phòng này ở cuối dãy lớp học, xa nhà

XÁC CHẾT

của người gát cửa, gần giống như là nhà chứa xác chết của một đường đường. Không ai bảo ai, vài cậu có vẻ sợ dù người nằm đó là bạn thân của mình. Thỉnh thoảng một cậu phải đứng dậy lại đốt thêm nến, hương. Ngoài sân, gió rì rào thổi qua các hàng cây nghe như lời than thở.

Trò giỡn tiền bắt đầu rồi rạc. Các cậu mỗi một, rất thèm được ngã lưng một chốc nhưng không ai dám nói ra và cũng không có chỗ để nằm. Bốn cậu vẫn phải tiếp tục chơi một cách uể oải.

Đồng hồ điểm 1 tiếng, Vương Đạt ngồi bên mặt của Tăng Quang, ngáp dài lắm bầm :

— Còn lâu lắm mới sáng.

Quách Hồng ngồi đối diện gát đầu :

— Ừ ! Buồn ngủ quá.

Tăng Quang ngẩng lên định nói một câu cho vui, chợt giật bắn người, nín lặng. Anh ta định hô hoán lên, nhưng suy nghĩ thế nào lại thôi, giả vờ như không có việc gì.

Trên giường; Hồ Thanh, đứng

ra là xác chết từ từ ngồi dậy. Tờ giấy bản rớt bên gối để lộ cái mặt xanh dờn điểm đôi mắt trợn ngược lòi hai trông trắng dã. Hân xoay mình bỏ chân xuống giường, ngồi đưa hai tay thẳng trước mặt quơ quơ, quơ lại y như bắt chước bốn cậu đang xoa mà chược.

Ba hôn chín vĩa lên mây, Tăng Quang giả vờ nói :

— Xin lỗi, cho tôi đi tiểu một chút.

Rồi đứng dậy ra ngoài. Xác chết vội xuống giường, tiến tới một bước, lại đứng im hạ mình xuống như ngồi trên cái ghế, hai tay vẫn đưa trước mặt như như đặt trên bàn. Đáng diệu của Hồ Thanh giống như cách ngồi của ba người bạn đang nghỉ tay chờ tăng Quang vào đánh tiếp.

Năm phút, mười phút, Vương Đạt, sinh viên ngồi bên mặt chắc lưỡi :

— Đi gì mà lâu thế ? Không chơi, buồn ngủ quá !

Lưu Sanh đề nghị :

— Chúng ta đánh tay ba vậy.

XÁC CHẾT

Chờn nào Tăng huynh vào sẽ tiếp. Chắc anh ta đi ra phố mua bánh kẹo gì đấy.

Vương Đạt và Quách Hồng đồng ý, xóc bài. Cuộc sát phạt trở lại khá sôi nổi.

Cạnh giường, xác chết, quơ quơ, quơ lại hai tay như ba cậu kia.

Lần lần, ba cậu lại đâm chán không thích đánh nữa. Quách Hồng xô bài ra giữa bàn, chung tiền và tuyên bố nghỉ chờ Tăng Quang. Cậu chăm thuốc hút, ngã mình trên thanh ghế thờ từng vòng khói tròn lên trần nhà.

Vương Đạt buồn ngủ nhiều hơn hai bạn vì đêm qua cậu thức xem hát quá khuya hồi trưa lại không được nghỉ.

Cậu đưa hai tay lên, uốn mình ngáp dài một cái. Đôi mắt cậu tỉnh có liếc vào phía trong, gặp cảnh tượng hi hữu nhất đời mình. Bạn của cậu vừa tát hơi hồi chiều đang ngồi trên cái ghế vô hình, mắt trợn ngược, trắng dã, quơ hai tay, uốn mình nhái theo cậu.

Tuy chết điếng trong ruột, nhưng vốn nhanh trí Vương Đạt hiểu ngay cái sự đi tiểu

quá lâu của anh bạn vừa rồi. Cậu giữ vững tinh thần, đứng dậy nói :

— Thằng quái họ Tăng đi lâu quá, để tôi đi gọi nó vào chơi.

Cậu đứng dậy. Xác chết vội đứng dậy. Cậu thoát ra ngoài. Xác chết tiến tới một bước, rồi đứng khựng lại, hạ mình như ngồi trên ghế, hai tay để thẳng trước mặt giống như hai bạn còn ngồi đấy. Lưu Sanh và Quách Hồng vô tình không biết bụng xấu của hai bạn, thần nhiên ngồi ăn hột dưa chờ.

Thì giờ chậm chậm trôi. Gió rì rào thổi lọt vào cửa, đóng đưa 4 ngọn nến chập chờn. Lưu Sanh vẫn tỉnh táo như thường, chăm điều thuốc nói :

— Quách huynh có chuyện gì nói nghe chơi. Hai anh kia chắc rủ nhau đi ngủ thì phải.

Quách Hồng ngáp dài, lắc đầu :

— Có nói cũng không nổi nữa. Mấy hôm tôi liệt rồi. Không có làm gì, ngồi không như vậy buồn ngủ từ trong ruột buồn ra.

Lưu Sanh cười :

— Anh muốn hết buồn ngủ không ?

XÁC CHẾT

— Muốn lắm. Làm gì anh chỉ tôi với.

— Anh lại thấp nhang, đèn cho Hồ huynh thì tỉnh hồn ngay. Quách Hồng gật đầu.

— Phải đó. Này giờ chúng ta quên chứ !

Cậu đứng dậy, xoay mặt về phía giường, chợt té ngồi xuống, cứng họng. Cậu thấy họ Hồ, xác chết đứng, cách chỗ hần nằm lối hai thước, hai chân rùn xuống, hai tay đưa thẳng trước mặt, mắt trợn ngược bầy lông trắng, mắt xanh dờn.

Lưu Sanh cười dài :

— Quách huynh ngủ rồi sao ? Thức dậy đi chứ !

Quách Hồng rán giữ tinh thần, nuốt nước miếng, nói :

— Ủ ! Tôi ngủ gục đây. Đèn, nhang vẫn còn cháy, không cần thấp bây giờ. Tôi đi tiểu cho hết buồn ngủ.

Cậu đứng dậy. Hồ Thanh đứng theo. Cậu ra cửa. Hồ Thanh

tiến tới một bước rồi cũng đứng lại, ngồi xuống, đưa hai tay trước mặt giống như người bạn đang ngồi.

Bây giờ Hồ-Thanh đã đến gần tới lưng Lưu-Sanh. Từ bàn tay xác chết đến vai người sống, cách nhau hơn hai thước. Họ Lưu không hay biết gì cả. Tin bạn, cậu thông dong ngồi hút thuốc mồm ư ử hát tay gõ nhịp trên bàn.

Đêm càng khuya, gió lạnh hơn nhiều. Tiếng cú rúc từng hồi nghe náo nùng như tiếng nấc đau thương. Thành phố hết ồn ào trở lại cho bóng đêm sự im lặng của cõi âm.

Lưu-Sanh hút đến hết bao thuốc mà không thấy bạn nào trở lại — Cậu tin chắc là bạn người bỏ rơi cậu với xác chết nhưng cậu không buồn giận, mỉm cười xoay mặt nhìn vào giường thăm chừng. Đôi mắt cậu chạm nhắm thân hình quái gở của người bạn xấu số.

Dũng midol Trị các chứng đau nhức
vã cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXT/PĐC

XÁC CHẾT

đang đứng chòn vòn như định vỗ mình. Cậu biết ngay nguyên cơ xui ba anh bạn bỏ trốn, và nhớ lại có lần ông Giám-đốc giải thích hiện tượng bất ngờ này. Lưu-Sanh bình tĩnh đưa hai chân ra ngoài bàn, thân mình và hai tay không cử động.

Xác chết vẫn đứng im. Lưu-Sanh liền nhảy đến ngồi trên ghế của Quách-Hồng thật nhanh.

Xác chết cũng nhảy tới một bước, còn cách ghế của họ Lưu vừa bỏ hơn một thước.

Lưu-Sanh từ từ đưa hai chân ra ngoài rồi thình lình nhảy ngồi trên ghế của Tăng-Quang, nghĩa là đối diện với xác chết.

Hồ-Thanh cũng nhảy tới một bước dài, vừa đứng vào cái ghế của họ Lưu. Hần ngồi trên ghế.

Lưu-Sanh xoay mặt ra cửa đưa lưng vào xác chết, cách cái bàn cậu giờ hai tay thẳng trước mặt cong mười ngón tay như định vỗ ai.

Ngoài sau lưng, Hồ-Thanh cũng nhai theo như thế, hai tay cong mười ngón để thẳng

trên bàn, mắt vẫn trợn trừng trắng dã.

Lưu-Sanh liếc ra sau thấy rõ ràng, liền phóng mình tới trước, vừa cúi đầu cắm hai tay xuống đất.

Hồ-Thanh cũng làm theo cử động ấy, mười ngón tay cắm lũng mặt bàn, đầu gục xuống « chết » lần thứ nhì.

Lưu-Sanh chạy tìm ông Giám đốc báo tin, nhờ cho người đến gọi Hồ-Thanh ra đặt lại trên giường

Sáng lại, ông Giám-đốc Ôn-vân-Trung gọi các sinh viên vào lớp, bảo bốn cậu thuật câu chuyện hồi hôm.

Lần lượt, Tăng-Quang, Vương-Đạt, Quách - Hồng, trình bày những gì mình đã mục kích. Sau cùng, Lưu Sanh vừa kể vừa diễn lại điệu bộ của xác chết và của mình đã làm.

Ông Trung giải thích rằng : « Các cậu đừng cho đây là chuyện ma, quái, nhập xác người. Ba cậu bỏ trốn là vì quá sợ, không nhớ những

XÁC CHẾT

lời tôi đã trình bày trong một bài học trước.

Đó là một trường hợp thỉnh thoảng lại xảy ra đúng vào hiện tượng của khí âm và khí dương. Người ta thường gọi nôm na là quỷ nhập tràng, nhưng theo phương diện khoa học là xác chết chịu ảnh hưởng của hơi điện của người sống đang ở gần nó.

Bạn của các cậu, Hồ Thanh còn mạnh khỏe, thân thể đang ở vào thời kỳ phát triển, tinh linh bị cảm ma chết, rất dễ bị luồng điện dương của người hay súc vật ở gần « điều khiển ». Có người bị con mèo hay chó nhảy ngang mình rồi bật ngồi dậy như hồi dương. Lúc ấy, xác chết cử động y như người ở gần nó. Người sống chạy, nó chạy theo, đi nó đi theo, ngồi nó ngồi theo. Điều nguy hiểm nhất là xác chết mạnh vô cùng, tay nó trở thành tay sắt, bấu vào ai thì kẻ đó không sống được. Chỗ yếu của nó là

hễ đụng vào người hay vật gì thì « chết » lại ngay. Trước đây đã có người thấy hiện tượng đó, hoảng sợ phát chạy, bị xác chết rượt theo bèn gót. May là người đó núp bên thân cây cồ-thụ; xác chết chụp hụp, mười ngón tay bấu lưng vào mình gỗ!

Hồ Thanh bị hơi điện dương của bốn người bạn làm cho « sống » lại vì trong phòng hẹp giữa đêm khuya sức điện của 4 người mạnh hơn hơi âm của 1 xác chết. Nếu bốn bạn cùng ngồi đánh bài không có ai bỏ đi thì xác chết vẫn ngồi trên giường cử động hai tay như xoa bài ma thôi. Đàng này Tăng Quang đứng dậy ra ngoài, xác chết tức thì đứng theo và bước tới. Khi Tăng Quang ra khỏi cửa, hơi điện mất ảnh hưởng, xác chết bị sức mạnh của 3 cậu còn ngồi, nên đứng lại và ngồi xuống. Đến lượt Vương Đạt và Quách Hồng, cũng vậy, mỗi lần một Cậu đi ra là « kéo » Hồ Thanh tiến thêm một bước đến gần bên lưng Lưu

XÁC CHẾT

Sanh. Giả như cái giường kê gần bàn lồi hơn một thước thì Hồ Thanh đã chụp trúng Lưu Sanh rồi.

Đến lượt Lưu Sanh nhờ bình tĩnh, nhanh trí khôn, nhất là đã thuộc lâu những lời tôi giảng trước đây nên mới lờ được xác chết cho tiến tới từng bước một và ngồi vào ghế của mình để lấy cái bàn làm mộc đỡ đòn. Nếu Lưu Sanh thoát chạy ra ngoài dù nhanh đến đâu cũng không thể nào tránh kịp vì lúc bấy giờ chỉ còn một mình Cậu trong phòng. Xác chết chỉ hành động theo mọi cử động của cậu, không bị hơi điện dương nào chi phối. Cậu làm một, nó làm hai, cậu nhanh một, nó nhanh hai.

Các cậu hãy xét kỹ sẽ thấy rõ ràng. Lúc Ba cậu kia ra ngoài thì Hồ Thanh đứng cạnh Lưu Sanh hơn hai thước. Từ ghế mình Lưu Sanh nhảy qua ghế Quách Hồng không đầy một thước thế mà Hồ Thanh bị « rút » theo đến hơn một thước; rồi một lần nữa Lưu Sanh nhảy qua ghế của Tăng Quang thì Hồ Thanh tiến hơn một thước nữa, ngồi hẳn vào ghế của cậu rồi.

Tôi cần mở một dấu ngoặc ở đây và nêu câu hỏi : « Tại sao Lưu Sanh không dùng cái ghế của mình cản đường Hồ Thanh để vùng chạy ra ngoài, nhanh hơn là nhảy qua hai lần ghế ? ». Tôi trả lời ngay là không thể được. Nếu Lưu Sanh mạo hiểm như thế thì hiện giờ đã nằm cạnh Hồ Thanh vì cái ghế không đủ ngăn sức mạnh khủng khiếp của xác chết « bị sống dậy » như thế. Hồ Thanh sẽ phóng theo, hất gậy cái ghế và chụp trúng Lưu Sanh tức thì. Các cậu có thể xác định sức mạnh của Hồ Thanh theo mười dấu tay bấm lưng mặt bàn. Trong phòng chỉ có cái bàn mới cản được Hồ Thanh và làm cho hắn « chết lại » lần thứ nhì. Lưu Sanh đã nghĩ và thực hành đúng như vậy, vừa cứu mình khỏi chết vừa tránh tai họa cho kẻ khác.

Các cậu có bằng lòng những lời tôi giải thích chưa ? Có cậu nào còn thắc mắc, cứ hỏi.

Toàn thể sinh viên đều tỏ vẻ hài lòng. Ông Giám đốc khen thưởng Lưu Sanh và đuổi ba cậu xấu bụng để làm gương.



Dùng Midol vị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXT/ĐPDC

Bạn Trẻ hôm nay nghĩ gì về Tuổi Trẻ hôm nay ?

*Tiếp xúc rộng rãi của một nhóm Bạn Gái « Phở-
Thông » với các bạn Nam Nữ Sinh-viên Học-sinh tại
các trường Đại học và Trung-học Toàn-Quốc*

(Tếp theo PT số 208)

Kỹ-Thuật Cao-Thăng HỢP BÁO

(Tiếp tục đăng những bài phỏng-vấn nhóm
Bạn-Trẻ Phở-Thông hôm trước Tết)

Chúng tôi đến trường Cao-Thăng lúc chín giờ một buổi sáng, tháng Janvier 68, giữa lúc các anh học sinh đang hì hục chữa máy, hoặc ngồi trong lớp nghe giáo sư giảng về « Kỹ-thuật ».

Trước phi tiếp chúng tôi, vị giáo sư phụ trách về thanh niên thể dục của trường cần thận đi uống một tách nước trà. Chắc là đề « lấy giọng ».

Cuộc thăm viếng của chúng tôi ở đây tự nhiên có tính cách long trọng bất ngờ, không như những cuộc phỏng vấn ở các trường khác. Ông giáo sư hướng dẫn chúng tôi vào phòng văn nghệ của trường. Phòng thật rộng lớn, trên có sân khấu, có cả màn nhung đỏ

nhóm Bạn Gái « Phở-
Sinh-viên Học-sinh tại
Trung-học Toàn-Quốc

TỪ-BỘI-DAO, LÊ-THỊ BẠCH-LIÊN, LÝ-THUY-Ý (Thủ Đốc)
THU-MAI, BẠCH-LIÊN, THU-THẢO, TUYẾT-HẠNH
(các tỉnh)

thảm, dưới là một dãy ghế dài, giống như một rạp hát nhỏ. Chúng tôi nhận thấy ngay rằng trường Cao Thăng có một phòng dành trình diễn Văn-Nghệ hách nhất.

Vị giáo sư mời chúng tôi ngồi sau một chiếc bàn dài, đặt trước sân khấu, đối diện với hàng ghế « Khán giả ». Thụy-Ý ngồi một bên, Bội Giao một bên, Thu Mai ngồi giữa,

« Cử tọa » trước mặt chúng tôi là các anh đại diện và các anh trưởng lớp, các anh ngồi ở hàng ghế khán giả, vị giáo sư ngồi ở một chiếc bàn bên cạnh chúng tôi, đề ủng hộ tinh thần rất ư . . . giống như lò lửa của các anh Cao-Thăng. Thu Mai cười, rỉ tai Thụy-Ý;

— « Tôi có cảm tưởng tôi là một ông Thủ-tướng chủ-tọa một cuộc họp báo đấy Thụy-Ý ơi !

Thụy-Ý nghiêng đầu mỉm cười :— Thế ông Thủ-Tướng bắt đầu cuộc « họp báo » đi, bọn này đã sẵn sàng để làm *porte-parole* khi ngài cần đến.

— Bỏ nhớ cho rằng tụi mình đến đây đề phỏng vấn các bạn học

sinh Cao-thắng. Mặc dù các bạn cho chúng ta cái vinh dự ngồi ở ghế « chủ-tọa-đoàn », chúng ta vẫn lì lợm tên ký giả quen có sự mạng đi phỏng vấn chứ phải ngồi đầy dề cho mấy ông Cao-Thắng « phỏng vấn » đâu nha !

Các anh đại diện quá đông, và với cách sắp đặt ngồi đạo mạo như thế này, chúng tôi không thể tiếp xúc riêng từ anh một được, vì thế chúng tôi đành phỏng vấn chung tất cả.

Và sau đây là những ý kiến nổi bật nhất của các anh học sinh Cao-Thắng về những vấn đề sống của tuổi trẻ hôm nay, theo bản tốc ký của chúng tôi...

Hỏi : Xin các anh cho biết ý kiến về vấn đề Quân-Dịch ?

(Lời tòa soạn. — Câu trả lời của các bạn Cao-Thắng về vấn đề này, trước Tết không có kiểm duyệt, tòa soạn có thể đăng nguyên văn được. Từ sau cuộc biến loạn của V.C. trong xuân Mậu-Thân, tình thế có thay đổi nhiều, những câu trả lời không thích hợp với hiện trạng quốc gia đều bị kiểm duyệt. Quân dịch đã trở nên một nhu cầu quân sự cần thiết, nên chúng tôi đành phải gác lại, không thể đăng được những ý nghĩ chân thật của anh em. Mong anh em thông cảm).

Hỏi : Về nền giáo dục hiện tại của gia đình, các anh thấy thế nào ?

Đáp : Tôi xin hét to lên rằng ngày nay người lớn không còn giáo dục trẻ con nữa, cha mẹ chỉ lo vùi đầu kiếm tiền mà quên hẳn trách nhiệm giáo dục con cái,

Người ta lo kiếm tiền, thật nhiều tiền để tạo tương lai cho con cái, nhưng họ quên rằng tương lai còn nằm trong sự giáo dục gia đình — Người ta đổ lỗi vì chiến tranh và sinh kế làm hư hỏng lớp người trẻ hôm nay, nhưng nhiều gia đình giàu không cần vất vả vì sinh kế

vẫn vút cho con một số tiền đóng tiền trường và giao cả cho học đường — Cha mẹ không ý thức được tầm quan trọng của sự giáo dục tinh thần.

Hỏi : Các anh nghĩ thế nào về giáo dục Học đường ?

Đáp : Hoàn toàn bất mãn — Thầy giáo bây giờ không còn là hình ảnh cao quý có nhiệm vụ dẫn dắt học sinh nữa. Thầy giáo chỉ là người mại bán, bán mánh, bằng kiếm tiền — Xã hội hiện tại đòi hỏi những người vị tha nhưng học đường chỉ đào tạo lớp người vị kỷ.

Cũng có những giáo sư không thiếu thiện chí nhưng họ có những lo âu riêng, lo kiếm tiền, lo vào quân ngũ nên họ đã xao lãng nhiệm vụ.

Chính trường kỹ thuật của chúng tôi, nơi sẽ đào tạo lớp chuyên viên kiến tạo quốc gia lại bị bỏ rơi rất nhiều — Ra trường rất đông nhưng chỉ có một số rất ít được vào đại học — nền giáo dục học đường ảnh hưởng ngoại lai chứ không thích hợp với Việt Nam.

Lối học qua từ chương, không áp dụng được, chúng tôi là học sinh kỹ thuật, có anh đi ngàn dặm điện mà điện ở nhà hư không biết đường sửa.

— Xã hội đầy những chiêu bài và huyền thoại. Người ta đưa ra cho xem để đến ngày đi cắt băng khánh thành... để chụp hình, quay phim — tóm lại nền giáo dục học đường hiện nay đầy những sai-lầm.

Hỏi : Các anh cho biết ý kiến về tóc dài của các bạn trai và váy ngắn của thiếu nữ Việt Nam.

Đáp : Đối với con trai muốn thì tùy ý, nhưng đừng nên để dài quá... giống như « khi ». Nước Việt hơn 4000 năm văn hiến đủ quá đủ dài và đẹp rồi.

Hiện giờ sự đồi trụy và căn bệnh của nền văn minh Tây Phương được đổ trút cả vào nước ta. Hiện tượng quái đản là tóc dài — váy ngắn.

Người ta vì thương mại, đã thần tượng hóa những hiện tượng quá; đần độn. Cảm nghĩ và nếp sống của văn minh Tây Phương hợp với mini-jupe nhưng với chúng ta là một sự phoir bày trơ trẽn, tổ cáo sự tai-hại của đời truy văn hóa Tây Phương xâm nhập. Làm suy tàn dân tộc tính, có điều lạ là những người có quyền thế vẫn làm ngo và đứng về phe những hiện tượng quái đần đó.

Hỏi : Ở V.N. hiện đang có một số thanh thiếu niên sống theo cái mà họ gọi là « Hiện-sinh ». Các anh thấy và hiểu thuyết đó như thế nào ?

Đáp : Phần nhiều người ta cho thuyết hiện sinh làm hư hỏng con người, thật ra Hiện-sinh đào tạo một con người hòa đồng và vị tha. Chính những người mệnh danh là mình sống theo hiện sinh mà không hề biết thuyết hiện sinh ra sao — Họ hoàn toàn áp dụng sai đường lối của J.P. Sartre đặt ra — Thuyết hiện sinh có thể thích hợp với thanh niên V.N. nếu áp dụng đúng.

Hỏi : Theo các anh thì lý tưởng của thanh niên V.N. hiện đại như thế nào ?

Đáp : Lý tưởng của giới thanh niên hoàn toàn bị « phá sản — Ai học nổi lên đại học cũng đều tìm nghề nhiều tiền, vì những người chung quanh không lý tưởng nên mình có nêu lý tưởng, nuôi lý tưởng cũng vô ích.

Chúng tôi cần một người đầy đủ tư cách và đức độ để dẫn dắt theo một lý tưởng vững chắc — Muốn những con người đầy đủ quyền hạn chứ không phải là những con vật — Đừng chụp mũ những tiếng nói đã nói sự thật.

Hỏi : Các anh nghĩ sao về nếp sống hoàn toàn tự do ?

Đáp : Tự do phải được giới hạn và hòa đồng, nhưng sự giới hạn đừng quá gò bó — Đừng biến gò bó thành nô lệ, còn nếu chúng tôi tiếp tục đòi hỏi tự do thì cao xa quá.

Tại sao được tự do để tóc dài mà không được tự do nói thật mà khỏi bị bác bỏ ? Tại sao có tự do đưa vào truy lạc mà không có tự do đưa đến Tiến-Bộ ?

Chúng tôi đến trường Cao-Thắng lúc 9 giờ, nhưng đến 11 giờ 35 mà chúng tôi chỉ hỏi các anh được có mấy câu, vì các anh trả lời tập-thể nên một câu hỏi được các anh trả lời rất lâu, rất kỹ-lưỡng, anh đại diện này có ý kiến thế này, anh đại diện kia không bằng lòng, bác bỏ, xong rồi đúc-kết lại những lời chúng tôi vừa đăng-trên. Cuộc phỏng vấn thật sôi-nổi và rất hào-hứng, các anh phát biểu ý kiến thật mạnh bạo và tự nhiên, có lúc anh hét to, đứng thẳng người, khua tay, trợn mắt để phát biểu ý kiến, làm bọn tôi cứ run-bắn cả người lên vì ngờ các anh sắp « xuống cường » ! Nhưng rồi cuộc, vui-vẻ cả làng, cuộc gặp-gỡ thật là thích-thú.

Thấy đã sắp đến giờ tan học, chúng tôi đành xếp bút-nghe-ra về. Trước khi tiễn chúng tôi ra cổng, Anh Tạ-văn-Cam, đại-diện trường, ngỏ lời cảm ơn chúng tôi. Anh nói : — « Tôi thay mặt cho ban đại diện trường, thành thật cảm ơn các chị và tạp-chí Phổ-Thông đã chú ý đến trường của chúng tôi, từ trước trường chúng tôi bị mọi người xem là trường chỉ có biết dao búa. »

Thu Mai cười đáp lời anh đại diện :

— Chúng tôi sẽ nói với mọi người là các anh chẳng phải « dân dao búa » các anh vẫn là những học sinh rất thông minh và rất đáng mến như học sinh các trường Trung-học khác. Bồng-bột, sôi nổi là những ưu-diểm của tuổi trẻ, chúng tôi rất thông cảm với các anh.

Sau khi chụp chung một bức ảnh kỷ-niệm, chúng tôi vui vẻ từ giã các anh ra về. Trong lúc đó, các anh được vị Giáo-sư phụ trách tuanh-niên của trường mời ngồi lại nói chuyện (— để kiểm-thảo phải không ?)

Thu-Mai, Thụy-Ý, Từ-Bộ-Dao

Tiếng vọng

(mến tặng chị Diệu-Nga)

Tiếng gọi hồi sinh vắng thiết tha
Vòng tay thân ái ngát hương hoa
Điêu em ra khỏi cơn mê đắm
Chị nhủ : đừng chôn tuổi ngọc ngà...

Em hãy nhìn kia dòng máu chảy
Hai mươi năm lẽ chưa ngừng trôi
Mang tình thương mến đi xa mất
Nên hạt Tì-Bí vỡ nát rồi ?...

Chị thương em lắm Diệu-Thanh ơi !
Thương cả cô nhi giữa bụi đời
Mắt biếc mới hồng không vương tới
Sao niềm đau vẫn vút lên khơi ?...

Lệ chảy cạn rồi em biết không,
Đã mười năm trước chị hằng mong
Xuân lên nhuộm thắm miền quê mẹ
Đốt tại lò hương sưởi lại lòng

Rồi đến Xuân này vui pháo nổ
Mai cười trong gió dấy niềm mơ
Ngờ đâu khói lửa tràn lan khắp
Máu chảy mười phương lệ đầm mờ

Chị thấy hoa Đào chưa nở hương
Vườn Xuân héo úa, hận còn vương
Bao nhiêu lâu nữa trời tưới lại,
Hòa hết thù sâu giữa Phật đường ?

DIỆU THANH

THAN-VAN

Một căn bệnh của

Tuổi trẻ ngày nay.

● THANH-VIỆT-THANH

MỘT buổi chiều, Thi sĩ Victor Hugo đứng trên băng đá ở mũi đảo Jersey, lặng lẽ đưa mắt về lục địa trầm ngâm nhìn bóng tà dương lặn mà suy nghiệm về đời... Khi sắp sửa về trại, Hugo nhặt một viên sỏi, quăng xuống biển. Một nhóm trẻ con đùa chơi gần đó, trong số có một em bé gái dạn dĩ nhất tò mò hỏi Thi-sĩ :

— Thưa ông Victor Hugo, tại sao ông quăng những hòn sỏi xuống biển như thế ?

Nhà Thi-hào lặng yên một lúc, rồi mỉm miệng cười đáp :

— Vật mà ta quăng xuống nước kia không phải là những viên sỏi đâu ! Đó chính là những lời ta vừa than van đấy, em bé à !

Ngày nay, cái hành động biểu tượng đó vẫn còn chứa đựng một bài học giá trị cho bạn trẻ chúng ta. Thật thế, biết bao người trong chúng ta, không những là kẻ khốn khổ mà thôi,

đều có chung một thái độ mềm yếu thụ động và ư than van.

Một triết gia ngày xưa đã nói : « Những người hay than van luôn luôn không làm được việc, mà sớm hay muộn gì rồi cũng trở nên hư hèn, nhu nhược. Và tất nhiên, đối với đồng loại, thái độ đó của họ cũng sẽ sinh ra cho họ một niềm tin hững hờ ».

Đúng thế, cái lòng ích kỷ của con người ta là cái nguồn gốc xấu xa của mọi xu hướng. Những ai hay tự mình than thân trách phận thì không bao giờ biết cảm động trước niềm đau của kẻ khác.

Nếu loài người ai ai cũng biết tin tưởng ở mình thì hẳn người ta sẽ không còn phải nghe thấy một tiếng phàn nàn nào trên thế gian này nữa. Nhưng mà, không ! Biết hằng bao nhiêu lần, trong phòng khám bệnh, các vị lương y đều đã phải nghe một cách

nhằm chán về những lời than van ảo não này :

— « Thừa bác sĩ, tôi cảm thấy khó chịu quá !.. Tôi không còn thiết gì nữa... Tôi không còn thích sống... Tôi.., Tôi... »

Tôi !.. Luôn luôn vẫn là những « cái tôi » ! Cái tôi hèn yếu, chỉ biết có thờ than, không biết phấn khởi, quật cường.

Qua một cuộc thăm dò ý kiến, trong phòng giảng dạy về thần kinh học, giáo sư Jung xác nhận rằng một phần ba (1/3) loài người trên quả địa cầu đã phải chịu đau khổ là vì chính họ hay than van một cách quá vô lý và tự họ làm tổn hại cho thân phận của họ. Sự ngờ vực chán nản, thụ động, là ba kẻ đại thù của tuổi trẻ chúng được sinh ra từ những bức màn đen của than van.

Những ai muốn vùng dậy, muốn chiến thắng, muốn thành công, muốn thực hiện một cách hoàn hảo một công việc gì, tất nhiên phải biết tách rời ý tưởng than van hèn yếu của chính mình và phải biết tin tưởng nơi mình trong lúc thực hiện và điều quan trọng hơn hết là phải biết quên

mình. Chúng ta hãy trầm tĩnh và ngừng bớt lại sự tung rai quanh mình và kẻ khác bằng những lời than van hay nguyên rủa số phận. Chúng ta hãy nên từ bỏ những sự nhieu loạn trong lòng để cố gắng chống lại với nghịch cảnh hiện tại, và ngược lại phải biết lợi dụng nó để làm động cơ thúc đẩy cho ta thêm phần can đảm, mạnh dạn tiến lên bằng cách là hãy khám phá ở ta những khả năng và những sức mạnh còn tàng ẩn trong ta để đối phó và chiến thắng nghịch cảnh ấy.

Thế rồi khi những thử thách, những thử thách thật sự đã thành công, thì lúc đó là lúc mà ta đã tìm được trong nghịch cảnh một chân giá trị xác đáng và rút tỉa được một phần kinh nghiệm vô giá. Nếu chúng ta nghĩ đúng và can đảm làm việc thì hẳn sẽ không còn một khó khăn hoặc một khổ sở nào nắm níu trong người ta vì ta có thể xoay trở và làm cho tiêu tan đi trước những thắng lợi của ta.

Một họa sĩ tài ba của Anh, đã bị thương trong lúc chiến tranh Âu Châu, phải bỏ nghề hội họa

đi vì anh bị gãy hết hai chân, bề xương sọ, làm tổn thương đến đôi mắt và phải bị mù. Sau khi anh rời khỏi bệnh viện, anh ngồi trên một chiếc ghế di chuyển được nhờ có gắn bánh xe. Anh vui vẻ sắp xếp một cách cẩn thận những thanh gỗ nhỏ trên mặt bàn. Nghe tiếng ai hỏi, anh dừng tay và tươi cười bảo :

— Từ khi tôi không còn có thể vẽ được nữa, tôi đã bắt đầu tự mò học lấy khoa kiến trúc đấy,

Và thời gian qua, ngày nay anh đã trở thành một nhà kiến trúc danh tiếng ở Anh quốc.

Và người ta còn gặp không biết bao nhiêu hình ảnh khác, dù là ở trong một hoàn cảnh khốn cùng, nhưng vẫn từ chối mọi sự chán nản, mọi sự giúp đỡ, chỉ tự mình cố gắng sinh sống lấy. Ta hãy nghĩ về Helen Keeler, lúc còn bé, luôn luôn phá rối xã hội bằng mọi hành động bất chính, nhưng nhờ biết sửa mình và tự tin ở mình mà ngày nay đã trở thành một trong những công dân rất tốt và xứng đáng nhất. Ta hãy nghĩ về Robert Louis Stevenson,

gầy còm vì chứng bệnh lao, mà vẫn bền chí sáng tạo ra được những tác phẩm văn chương giá trị. Ta hãy nghĩ về Linh mục Damien, luôn bị giày vò vì chứng bệnh phong hủi, mà vẫn cố gắng tiếp tục công trình truyền giáo của mình. Ta hãy nghĩ về những kẻ vô danh khác, họ đã chế ngự được những bệnh căn, những thử thách và những khổ đau một cách liên tục, hùng dũng và vẻ vang để âm thầm thực hiện những công trình vĩ đại...

Bạn hãy nghĩ thêm về những điều đã nêu ra ở trên kia đi, chỉ bấy nhiêu đó mà thôi, rồi tự khắc bạn sẽ thấy rằng mình sẽ không còn dám có ý nghĩ buông ra những lời than thân trách phận nữa.

Tư tưởng chúng ta có quyền sáng tạo chúng ta mà cũng có thể tàn phá chúng ta. Trên viên đá, chúng ta có thể trui rèn được những vũ khí để tự mình hủy hoại mình, mà cũng có thể chế biến ra được những dụng cụ để tự mình xây dựng cho mình một chỗ dung thân vui thú và yên lành.

Chúng ta có ý định rằng sẽ luôn nghĩ đến kẻ khác nhiều hơn mình không ?

Nếu không, thì dĩ nhiên là chúng ta đã lâm vào thất bại, đã vướng lấy một chứng có hiềm nghèo.

Vậy thì chúng ta hãy mau hồi nhớ lại cái hành động biểu tượng của văn hào Victor Hugo trong những buổi chiến xưa nơi một hóc đá tại đảo Jersey...

Và bạn trẻ chúng ta nên nhớ rằng tương lai rực rỡ, sự thành

công oanh-liệt, không phải ở trong tay những kẻ tự-phụ, kiêu căng, phách lối và không cầu tiến, mà, trái lại, chính là ở trong tay những kẻ biết kiên nhẫn, nỗ lực, quật cường trước mọi thử-thách của đời.

Kẻ than-van, hèn nhát, cũng như kẻ tự-cao, tự-dại, đều sẽ tự mình diệt mình, và sẽ biến mất trong thời-gian.

CẢM TẠ

Chúng tôi thành kính cảm tạ :

— Quý vị Tiểu Đoàn Trưởng, Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan và toàn thể chiến hữu Tiểu Đoàn I nhảy dù ;

— Quý bạn trong ban kịch « Đêm sân khấu » và đại-diện Trường Quốc-Gia Âm-nhạc ;

— Quý thân bằng quyến thuộc xa, gần ;

Đã có lòng tốt đến chia buồn, đưa linh-cửu con, em và chồng chúng tôi là :

Cố Thiếu-Úy ANTOINE TRƯƠNG-ĐÌNH-HẦU, 24 tuổi, Sinh-viên sĩ-quan khóa 23, Thủ-Đức

— Đệ ngũ Đảng Bảo quốc Huân-chương (với ngành dương liễu) đã hy sinh vì Tổ quốc ngày 1-3-1968, tại chiến-trường An-Phú-Đông.

Cha, mẹ, chị và vợ của gia-đình Ông TRƯƠNG-VĂN-PHÚ đồng bái tạ...

○ Xin thành thật phân-ưu cùng ông bạn Trương-văn-Phú, và cầu nguyện vong-linh Thiếu-Úy Antoine Hâu được an giấc nghìn thu trong Đất Chúa.

NGUYỄN-VỸ



DEGAS— Gia đình Mantel. Một cảnh như thường thấy, tự nhiên và không chứa đựng một ý nghĩa triết lý nào.

HỘI HỌA VIỆT-NAM đi về đâu ?

Mặc dầu có sự chú ý của chánh quyền khi Bộ Văn-Hóa được thiết lập, nhưng mấy tháng vừa qua, bộ môn hội họa không được phát triển đúng như sự mong ước của các họa sĩ cũng như giới có thiện cảm. Một vài năng đỡ lẻ tẻ, như việc thiết lập trụ sở của Hội họa-sĩ trẻ ở đường Lê-thánh-Tôn, hoặc giúp họa sĩ gởi tranh đi triển lãm ở Monaco, Mỹ và Ấn-Độ, chưa nói lên được tất cả nhiệm vụ mà Bộ Văn-Hóa phải làm.

Theo lời của nhiều người trong giới, thì Nha Mỹ-thuật nằm trong Bộ Văn-Hóa, đã có đưa nhiều đề nghị để phát triển nền mỹ thuật nước nhà, nhưng vì nhiều lý do, trong đó có vấn đề tài chánh là quan trọng hơn hết, khiến các dự án tốt đẹp đều bị hoãn lại. Nay, Bộ Văn hóa không còn nữa, nghệ thuật VN kẻ như bị xao lãng hơn bao giờ hết.

Chúng tôi vẫn biết, hiện nay các trường Mỹ thuật và Mỹ nghệ trang trí vẫn đào tạo hằng năm một số nghệ sĩ và nghệ công, và các cuộc triển lãm vẫn mở đều đều nơi phòng Thông tin đô thành, Hội Họa-sĩ trẻ, Alliance Française và Hội Việt Mỹ. Tuy nhiên, số lượng theo những người hiểu biết, vẫn chưa tương xứng với tổng số họa sĩ

VN hiện thời, và về phẩm thi cũng chưa lấy làm khá lắm.

Thỉnh thoảng có một vài phòng tranh tập thể do chánh quyền (Phòng tranh Quân đội, Bộ Thông tin...) hoặc sở tư (Esso) bảo trợ, nhưng cũng không mấy khả quan. Nhận định chung, chúng tôi xin đưa ra các nhận xét như sau :

Đối với các cuộc triển lãm cá nhân :

Người ta thường thấy xuất hiện các gương mặt cũ, với mấy tấm chân dung lụ khụ, mấy tấm sơn thủy kiểu Henri Mège, hoặc ngược lại mấy bức sơn dầu chứa đựng triết lý con cóc, hoặc trừu tượng bôi xanh trét đỏ. Lẽ dĩ nhiên, cũng có vài người có thiết tài, nhưng thường bị lấn áp vì thiếu khả năng ăn to nói lớn.

Đối với các cuộc triển lãm tập thể :

Hào hứng hơn nhờ sự pha trộn của nhiều trường phái, nhưng thường thiếu sự hiện diện của các họa sĩ đã nổi tiếng hoặc tự cho là nổi tiếng. Hơn nữa, nhiều khi gặp phải vấn đề *định hướng, chỉ huy* của cơ quan tổ chức triển lãm, các họa

sĩ trọng lương tâm nghề nghiệp đều tranh tham dự.

Tình trạng kém lạc quan của hội họa VN hiện nay theo chúng tôi có 4 lý do.

Lý do thứ nhất :

Lớp già lỗi thời. Các họa sĩ trên 40 tuổi, mà phần đông theo học mỹ thuật Hà nội hoặc Paris, đều rút lui vì không theo kịp đà tiến của nghệ thuật hiện đại. Tranh lụa theo lối LÊ VĂN ĐỆ, tranh dầu theo lối INGUIMBERTY, sơn mài theo lối NGUYỄN GIA TRÍ, đều thuộc về dĩ vãng rồi.

Lý do thứ hai :

Lớp trẻ đương bận rộn vì nhiều vấn đề. Vấn đề quan trọng nhất khiến các họa sĩ trẻ ít sáng tác là do việc quân dịch. Chưa đi, thì có thái độ chờ đợi, lúc đương đi thì không có thì giờ dành cho sáng tác riêng.

Vấn đề thứ hai là do sanh kế khó khăn hiện tại, khiến sự háng say phải giảm sút. Dụng cụ cần thiết thì hiếm và mắc.

Lý do thứ ba :

Vì tình trạng chiến tranh. Sự kém an ninh ở vùng quê hoặc hẻo lánh, những nơi gọi nhiều cảm hứng nhất cho họa sĩ, khiến cho công việc sáng tác bị hạn chế. Lớp người trí thức, có óc thưởng thức nghệ thuật, phải giảm các chi tiêu thuộc loại xa xỉ.

Lý do thứ tư :

Thiếu sự nâng đỡ của chánh quyền. Chúng tôi không muốn nói tới sự nâng đỡ có mục đích chánh trị của một đoàn thể, cơ quan, hiệp hội hay chánh phủ, dù trong nước hay ngoại quốc. Thử giúp đỡ *vụ lợi* đó không đem tới kết quả tốt đẹp nào, mà phải là sự giúp đỡ chỉ có mục đích duy nhất là nâng cao văn hóa VN.

Sự nâng đỡ có thể thực hiện trên phương diện :

— Học hỏi :

Mở rộng và nâng cao ngành giáo huấn mỹ thuật, cấp học bổng đi tu nghiệp ở ngoại quốc, lập bảo tàng viện.

— Tài chánh :

Đặt nhiều giải thưởng khích lệ, bổ dụng các họa sĩ vô nơi xứng đáng (1), cho nhập cảng ít thuế các dụng cụ và màu, sách chuyên môn.

— Tinh thần :

Động viên tại chỗ, hoặc sử

dụng hợp lý và thông minh các họa sĩ thi hành quân dịch, vì ta chờ quên tổng số họa sĩ được đào tạo mỗi năm chỉ có hơn 30 người ở cấp cao đẳng, Gia định và Huế, và nước VN, cho tới nay, vẫn chưa có một nền mỹ thuật thuần túy (2).

12/1967

(1) - Chúng tôi thấy có nhiều người chưa từng học vẽ mà làm giáo sư hội họa ở Trung học. Trong khi cựu sinh viên hoặc đã tốt nghiệp mỹ thuật lại dạy giờ hoặc thất nghiệp !

(2) - Mỹ nghệ thì có.



GREUZE : Con chim chết cử chỉ giả tạo như đóng kịch



Biển

Sóng xô biển táp cuộc đời
 Gọt bào năm tháng quên lời người xưa
 Bạc đầu sóng vỗ xa bờ
 Hải đăng nghìn kiếp vẫn trông vơ sầu
 Chảy hoài chảy mãi về đâu
 Còn nghe tiếng vọng bên lầu tịch sương
 Trời đêm ôm bóng trùng dương
 Gục đầu ta hát bên đường quá quan.
 Lạc loài trên đỉnh trường giang
 Vụt ôn biển sớm cho tàn cuộc chơi.

Đá

Tơ vơ giữa biển xanh ngàn
 Một thân ta đứng vọng ngàn biển khơi
 Đập tan mộng lớn cuộc đời
 Dốc đêm sóng núi qua trời tang thương
 Trời Nam nhỏ giọt phố phường.
 Săn tan tác đổ bên đờn nhân gian

NGUYỄN-PHÁT

Quân Trường Thủ Đức. 4/68.

Tìm hiểu

CỔ ĐÔ HUẾ

► ĐÔNG-TÙNG

Dân tộc Việt-Nam phát nguyên từ phía Bắc xuống, cho nên thủ đô của những thời đại xa xưa cho đến nhà Hậu Lê đều ở Bắc-Hà : Cồ-Loa, Hoa-Lư, rồi Thăng-Long (Hà-Nội).

Tới Vua Gia Long nhà Nguyễn thì cuộc thống-nhất Nam-Bắc đã hoàn thành, trong lúc giao thông chưa có phương tiện khoa học, việc đặt thủ đô ở Bắc rất bất tiện cho việc cai trị tới tận cùng miền Nam, cho nên Gia-Long mới đóng đô ở HUẾ, là trung-tâm địa-lý và hành chánh của Quốc-gia.

Đó là lý-do lịch-sử. Còn câu « Hoành sơn nhất dải vạn đại dung thân » của Trạng Trình Nguyễn-Bình-Khiêm bày cho chúa Nguyễn Hoàng, hay là bà Thiên-Mụ nào đó bảo chúa Nguyễn-Ánh trong một giấc chiêm-báo nên đặt

Kinh-đô ở Huế, chỉ là câu chuyện lợi dụng sấm-truyền và mê-tín để hợp-pháp và thần thánh hóa địa-vị « thiên-tử » của bọn vua chúa phong kiến mà thôi.

Chúng cứ là ông Trạng Trình tiên-doán nhà Nguyễn cai trị miền Nam Hoàng-Sơn được muôn đời, mà sao mới được bốn (Gia-Long, Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức) Tự-Đức vừa nhắm mắt thì Tây đã cướp nước mất rồi ! Còn từ Đồng-Khánh trở đi, đến Bảo-Đại thì chỉ là một thứ vong quốc bù nhìn, chứ không thể gọi được là cơ-đỡ để vương của nhà Nguyễn nữa ?

Khởi đoạn đặt cổ đô Huế

Năm 1687, Chúa Nguyễn-Phúc-Trần (Thường gọi là chúa Ngãi) lấy phủ củ ở Kim-Long làm miếu cho chúa Nguyễn - Phúc - Tần (thường gọi là chúa Hiền) và dùng

phủ mới ở Phú-Xuân, tức là vào hướng Đông-Nam trong Thành-nội Huế ngày nay. Nguyễn triều định đô Phú-Xuân khởi nguyên từ đó.

Vị trí cổ đô Huế

Cổ đô HUẾ ở vào khoảng giữa tỉnh Thừa-Thiên (1) có sông Hương-giang chảy ngang qua. Mặt biển có hai cửa Thuận-An và Tư-Hiền. Đường bộ có hai ải: Đèo-Ngang (ở Hà-Tĩnh) và Ải-Vân, (ở giáp giới Quảng-Nam) (2).

Không kể phạm vi ngoài thành, trong thành-nội Huế gồm có 10 phường sau đây:

- 1) Tây-Lộc
- 2) Tây-Linh
- 3) Trung-Hậu
- 4) Phú-Nhân
- 5) Vĩnh-An
- 6) Thái-Trạch
- 7) Trung-Tích
- 8) Huệ-An
- 9) Thuận-Cát
- 10) Tri-Vũ

Lịch-trình kiến thiết cổ đô Huế

Khởi đắp vào tháng Tư năm Ất-Sửu (1805). Cổ đô Huế choán mất địa phận của 8 làng là Phú-

Xuân, Vạn-Xuân, Diển-Thái An Vân, An-Hoà, An-Mỹ, Thế-Lại, An-Bửu. Nhưng làng Phú-Xuân bị mất nhiều đất hơn cả nên được cái tên gọi là Kinh-đô Phú-Xuân.

Sử chép rằng Chúa Nguyễn tạm đóng Phủ-Chúa ở làng Phú-Xuân, nhưng chưa có xây thành quách lâu dài. Phú-Xuân chưa phải chính thức là nơi Kinh-Đô. Mãi sau khi chiến thắng, và thống nhất sơn-hà, Nguyễn-Phúc-Ánh mới tính chuyện lên ngôi Hoàng đế và tìm địa thế cho Đế đô, (1802). Một buổi trưa, vua nằm mộng thấy có một Nữ thần xuất hiện trên một cái đồi cao ở phía Bắc Kim-Long, và chỉ cho Gia-Long địa thế giữa làng Phú-Xuân có núi Ngự-Bình đối diện, như một Bình phong của Vua. Vua theo lời mộng ấy mà xây kinh đô Huế hiện nay, và lập chùa thờ Nữ-thần trên gò Kim-Long, tức là chùa THIÊN-MỤ. hay là LINH-MỤ bây giờ.

(1) THỪA-THIÊN, có nghĩa là Thừa Mệnh của trời, chúa Nguyễn tự cho là Thừa Mệnh của Trời mà đặt Đế Đô nơi đây.

(2) Gọi Ải Vân vì trên ải này thường có mây bay thấp xuống đến lưng ải.

Kiến trúc xây thành thì theo kiểu thành Verdun của Pháp do kỹ-sư Pháp tên là Vauban (1678) vẽ kiểu mẫu, và do các người Pháp cộng-sự vua Gia-Long đã họa đồ cho Vua theo kiểu mẫu ấy. Tất cả các thành của các tỉnh, kể cả thành Hàn-ôi, đều được xây dưới thời Gia-Long, theo kiểu pháo đài Verdun của Vauban.

Đầu hết Thành chỉ đắp bằng đất. Tới năm Mậu-thân (1818) mới bắt đầu xây gạch hai mặt nam và tây.

Năm 1820, Minh-Mạng năm thứ nhất, mưa lụt lớn làm đổ nát 300 trường (1200m) phải bỏ, trúc lại.

Năm nhâm-gọ (1822) lại mưa lụt to nữa, làm hư 2057 trường (8228m) nhà vua giao cho Trần-văn-Năng, Nguyễn-văn-Vân làm đốc công tu bổ lại.

Chu vi Thành-Huế là 2487 trường, 3 thước 6 tấc (9.949m⁴⁴), mặt tiền dài 641 trường (256⁴m), mặt tả dài 608 trường 7 thước 9 tấc (2425m.16), mặt hữu dài 625 trường 8 thước 9 tấc (2503m.16), mặt sau dài: 611 trường 6 thước 8 tấc (2446m.72)

Thành cao một trường 5 thước (6m) và dày 5 trường (20m) xây toàn bằng gạch khối vuông, xung quanh thành đều có hào rộng 6 trường 7 thước (22m.80) và sâu 1 trường (4m).

Phía ngoài Kinh thành Huế về góc Đông-Bắc lại có xây một cái thành phụ nữa gọi là Thái-Bình-Đài. Đến năm Minh-Mạng thứ 17 (1836) đổi tên là Trấn-Bình-Đài. Tục gọi là MANG-CÁ vì trong thành này có hai cái hồ ở gần nhau và giống hai cái mang con cá.

Hoàng Thành

Hoàng-Thành, (Thành Vua, Thành của Hoàng-đế) cũng gọi là Thành-nội ở vào khoảng giữa phía Nam trong Kinh thành. Khởi công xây vào ngày 1 tháng 4 năm Giáp-tý, niên hiệu Gia-Long năm thứ ba (9.5.1804), do Nguyễn-văn-Trương làm đốc công và Lê-Chất nhĩ. Tất cả các miếu điện đều ở trong vòng Thành-nội này.

Thành nội chu vi đo được 614 trường (2.456m); Nam, Bắc mỗi chiều 151 trường 5 thước (606m) Đông, Tây mỗi chiều dài 155 trường 6 thước (622m)

Mỗi mặt thành có bốn cửa:

Trước là cửa Ngọ-Môn, đối diện với Núi Ngự-Bình, tả là cửa Hiền nhân môn, hữu là cửa Chương-đức môn; sau là cửa Hòa-bình môn.

Chung quanh Hoàng - Thành, phía ngoài có đào hồ gọi là « Kim thủy trì ». Hồ này dưới triều Gia-Long chỉ mới đào ở ba mặt đông, tây và bắc. Đến năm Minh-mạng thứ 14 (1833) mới đào thêm ở mặt Nam. Riêng ở mặt bắc hồ Kim thủy lan rộng vào trong Hoàng thành nữa.

Cửa Ngọ-môn

Ngọ là lúc mặt trời lên đứng thiên đỉnh, tức là lúc cao nhất. Vua là bậc chí tôn nên mới ví với mặt trời (nhật quân tượng) lúc đứng ngọ, và cửa của vua đi mới gọi là « Ngọ-môn ». Ngày xưa khi nào có vua Ngự mới mở cửa này. Cửa Ngọ môn ngó thẳng vào Ngai Rồng trong Điện, Thái-Hòa, nơi Vua ngự Đại-Triều.

Hiền nhân môn

Cửa này là cửa thường ra vào Hoàng thành. Cửa có 3 gian, 3 cửa. Cửa giữa cao 9 thước 1 tấc (3m64), rộng 5 thước 5 tấc (2m 20). Tả hữu giáp môn cao 8 thước

5 tấc (3m40), rộng 5 thước (2m). Khi nào vua băng-hà (chết); lễ định-lăng cũng dùng cửa này.

Chương đức môn

Chương đức môn bắt đầu kiến thiết từ năm Gia - Long thứ 10 (1811).

Cửa này thường dùng cho những người hầu hạ Hoàng-thái-Hậu ra vào.

Lễ định-lăng của Hoàng-Thái-Hậu cũng dùng cửa này.

Người ta có thể ghi nhận : Bên nam giới Hoàng tộc người ta dùng chữ « NHÂN »; bên nữ giới dùng chữ « ĐỨC » (Quảng - Đức, Chương-Đức)

Hòa bình môn

Cửa này bắt đầu xây cất từ năm Gia-Long thứ 10 (1811) gọi là cửa Cung-Thần.

Tới năm Minh-Mạng thứ hai (1821) đổi tên là cửa địa bình. Tới năm Minh-Mạng thứ 14 lại đổi tên lần nữa là cửa « HÒA-BÌNH ».

Cửa này nguyên trước có lầu. Đến năm Minh - Mạng thứ 20 (1839) tu bổ lại bớt đi tầng trên.

Ngày xưa cửa này thường đóng, chỉ mở lúc nào nhà vua đi ra Hồ Tĩnh-Tâm hay trường đua ngựa. Vua Duy-Tân thường ra Hồ Tĩnh-Tâm bằng cửa này để gặp Trần-Cao-Vân.

Miêu Điện trong Hoàng Thành Huế

- 1) Điện Thái-Hòa.
- 2) Thái-Miếu.
- 3) Triệu-Miếu.
- 4) Thế-Miếu.
- 5) Hưng-Miếu.
- 6) Điện Phụng-Tiên.
- 7) Cung Diên-Thọ.
- 8) Cung Trường-Sanh.
- 9) Vương Cơ-Hạ.

Di tích lịch sử trong Hoàng-Thành Huế đáng chú ý nhất là :

« Tử-Cấm-Thành ».

Sau điện Thái-Hòa có một cái sân lát đá, hai bên dựng hai cửa Phụng-Môn, bên tả là cửa Nhật-Tĩnh, bên hữu là cửa Nguyệt-anh (Xưa gọi là cửa Nguyệt-Hoa)-Năm Thiệu-Trị thứ nhất vì húy chữ « Hoa » nên mới đổi tên này.

« Tử Cấm Thành » có 7 cửa Nam là cửa Đại-Cung. Đông là cửa Hưng-Khánh và Đông-An. Tây là cửa Gia-Tường và Tây-An. Bắc là cửa Tường-Loan và Nghi-Phụng. Đây là nơi Cung-Cấm của các Cung-Phi.

(Kỳ sau tiếp những cổ tích trong Kinh-Thành Huế, nhất là chỗ Gia-Long chôn xương Nguyễn Huệ rồi làm rạc ngựa lên trên, đề chữ : « Nguyễn-Huệ thụ hình xứ » mà bây giờ có sử gia nói là « vết nhơ trong lịch sử phong kiến ».





Loại các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BV.T/ĐPDC



Cái bút và khẩu súng

● LAN-ĐÌNH

S A U khi thủ đô, và cả nước bị «tổng công kích», trong đám nhà cháy, người chết có cả những hiệu sách ra tro, những giàn chữ, bản vẽ đành «đắp chiếu đèn đậy». Tuy thế, bây giờ, người ta đã nhìn thấy triệu chứng hồi sinh, coi như một thái độ, thái độ văn-nghệ.

Thái độ?

Việt Cộng vừa triệt thoái, nhiều người đã lên tiếng, rằng trước hiện tình — hiện tình bị tổng công kích — văn nghệ sĩ

phải thế này, phải thế nọ.

Thế nào?

Nếu bảo «phải đi lính» thì văn nghệ sĩ vẫn đi lính nhiều rồi, lâu rồi. Nếu bảo «phải nhìn vào thực trạng» thì chiến tranh Việt Nam có từ mấy chục năm nay, chứ không phải mới có từ Tết Mậu Thân. Nếu bảo «phải làm nhân chứng» vâng «làm» nhưng chắc «làm» được không hay còn... bận việc khác!

Tôi cho rằng đặt vấn đề thái độ của văn nghệ sĩ — với thời

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

cuộc là thừa, sáo nữa. Thử lấy một ví dụ: nhà thơ đi quân dịch, chỉ đi với tư cách công dân, không đi với tư cách thi sĩ. Ngược lại, nằm ở mặt trận hẳn làm thơ, với tư cách thi sĩ chứ không với tư cách quân nhân.

Hai hành động chẳng can dự gì đến nhau. Mỗi người có hai tay, cầm bút bằng một tay, cầm súng bằng hai tay, thì không thể cầm cùng một lúc cả bút và súng.

Chừng nào tất cả văn nghệ sĩ... trong tuổi động viên từng phần đều được miễn dịch, hoặc đều được xung vào đoàn quân «đấu sĩ», chừng đó hãy đặt vấn đề «phải thế này, phải thế nọ».

Những người cầm bút rất dở (!) cầm súng, đề họ chiến đấu bằng nghề viết, giỏi hơn.

Quý lắm! Nền lắm! Nhưng lấy gì để... định tiêu chuẩn cho một văn nghệ sĩ? Cái thế nhà báo? Tầm danh thiếp không làm nên nhà văn. Tác phẩm? Có nhiều sách viết nhiều báo, những truyện nhảm nhí, lãng nhãng, cũng được

động viên tại chỗ hay sao? Chuyên nghiệp? Nếu ông tổng thư ký tòa soạn kiểu «coup de grâce» viết thành «grasse» sẽ đứng đầu danh sách xin miễn dịch.

Rồi người ta đồ xô đi «làm văn hóa». Đồ xô được chứ, cửa vào «văn hóa» mở toang, mỗi ông chủ nhiệm thường có con trai, con rể, em vợ, người quen. Chưa kể những ký giả «hàn» trong các tòa báo. Chưa kể những anh trốn quân dịch, đào binh, cũng được cấp thẻ «làm văn hóa».

Họ chiến đấu bằng nghề viết thì... giỏi thật. Bởi vì, đọc văn họ, Việt Cộng sẽ «chạy» hết!

Tôi sức nhớ, trong buổi họp báo đầu tiên, ông Nguyễn Khánh đã «dồn hoài» rằng: mỗi cây viết mạnh bằng một sư đoàn. Mị... ký giả đến thế là cùng. Khỏi người cứ tưởng bỏ, ăn phải bả, đã xúm vào hoan hô!

Chiến đấu bằng nghề viết hay nghề... bắn cũng là chiến đấu. Nhưng điều cần phải chiến đấu, thật tình, tài giỏi. Vấn đề chỉ ở đó thôi.

Cái bút đem hồn cho khẩu súng. Nhưng nếu một người viết về những tệ trạng của xã-hội, có thể làm quân đội lên tinh thần, thì cũng có thể làm mất lòng chế độ. Quân đội lên tinh thần bởi vì được nghĩ đến mình trong xã hội có mình. Chế độ mất lòng bởi vì « sự thật mất lòng ». Như vậy, giá trị đấu sĩ thuộc về mặt nào? Câu hỏi đặt

ra quan niệm « chiến đấu bằng nghề viết ».

Nói khác đi, văn nghệ sĩ sẵn sàng chiến đấu (bằng nghề viết) nhưng nên nhớ mặt trận chữ nghĩa khác hẳn sa trường. Ở sa trường chỉ có ta và địch. Ở việc làm của « đấu sĩ » đã đành cũng có ta và địch, nhưng còn có cả ta và ta.



Chia buồn

Đau-đớn chia buồn với bạn MARIA LINH, cùng quý quyến, và cầu nguyện cho hương hồn em DENISE, tử nạn tại Vĩnh-Bình trong đêm Xuân bi hận, được về bên Đức-Mẹ Maria.

NGUYỄN-VỸ

Cầu nguyện

Thành-thật cầu-nguyện vong-linh bạn BÍCH-VÂN, TÔN-NỮ DIỆU HUYỀN-AN tạ thế ở Huế đêm 3 Tết, được tịnh độ về Cực-lạc Thế-giới.

Đau đớn phân-tru cùng tang quyến,
Nam-Mô Đại-Tử Đại-Bi Quan-Thế-Âm Bồ-Tát
Ma-Ha-Tát.

NGUYỄN-VỸ

Dũng midol

1360/BX/T/ĐDĐC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PHÁT MINH KHOA-HỌC TRONG NGHÀNH ĐIỆN BÁO

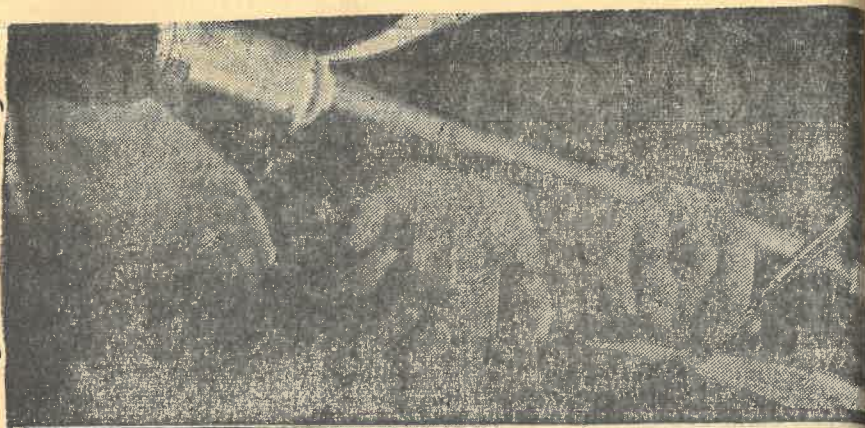
★ ĐĂNG-ĐOÀN

Dietrich lái xe như bay trên con đường đất đỏ chạy quanh co giữa rừng cây. Buổi sáng trời mát lạnh. Quang cảnh im vắng rất thích hợp với hoạt động gián điệp của chàng. Tới một khoảng đất trống, Dietrich cho xe dừng lại. Chàng đã thấy một chiếc Volkswagen đậu sẵn bên lùm cây cách chỗ chàng khoảng 20 thước. Dietrich bước xuống khỏi xe và tiến về phía chiếc xe lạ,

chàng huýt sáo làm hiệu. Blaniev từ một gốc cây bước ra với dáng điệu nghỉ ngơi, Dietrich cười trấn tĩnh Blaniev: « Bạn yên tâm. Anh Cả không thể nhận biết chúng ta ở đây. Chúng ta hiện ở cách xa làng mạc hai cây số và anh cũng đừng ngại là có những máy thâu thanh dấu sẵn trong lùm cây. Tất cả những gì anh nói với tôi đều được giữ bí mật tuyệt đối. »



Đa máy truyền tin với ba hình dáng khác nhau



Cây viết: Máy thâu thanh. Bao thuốc lá: Máy truyền tin. Chiếc gậy lớn: Máy thâu thanh « định hướng »

Cách xa chỗ Dietrich 800 thước, ẩn mình trong một ngôi nhà nhỏ Michelson nghe rõ 5 trên 5 cuộc đối thoại của Dietrich và Blaniev: « Anh yên tâm. Anh Cả không thể nhận biết chúng ta ở đây... » Bằng cách nào Dietrich có thể ghi âm được cuộc đối thoại ở cách xa 800 thước? Rất dễ. Một máy truyền tin nhỏ bằng hộp quẹt được giấu sẵn trong xe của Dietrich. Một bộ phận ghi tiếng nói được giấu kín ở một đầu cây viết máy mà Dietrich cài trên túi áo (cây viết này vẫn dùng để viết như thường). Tiếng nói từ bộ phận ghi âm truyền về máy truyền tin ở trong xe. Michelson chỉ cần điều chỉnh máy nhận tin là ghi được rất rõ cuộc đàm thoại giữa Dietrich và Blaniev, một gì n điệp Nga.

Trên đây là một trường hợp

« bắt mồi » chưa đáng kể là nguy hiểm so với các hoạt động gián điệp trong thời đại nguyên tử này. Tài năng và trí thông minh của điệp viên chỉ giúp một phần rất nhỏ cho kế hoạch. Vai trò chủ chốt ở đây lại là những chiếc máy do thám vô tri vô giác.

Nếu bạn đọc có dịp xuất ngoại, xin mời bạn hãy ghé thăm một cửa tiệm duy nhất ở Mỹ quốc, và có lẽ duy nhất ở thế giới này có bày bán đủ dụng cụ trang bị cho những điệp viên quốc tế. Cửa tiệm đó tọa lạc tại một khu phố hẹp ở Nữ Ước do ông Ben Jamil đảm nhiệm. Ông vừa là người sáng lập kiêm giám đốc Continental Telephone Supply.

Cửa tiệm của ông Ben Jamil, bên ngoài trong chỉ là gian hàng bán các loại máy thâu thanh và

NGÀNH DIỆP BÁO

truyền hình như những gian hàng khác. Nhưng khi được dẫn lên lầu hai, bạn sẽ lạc ngay vào thế giới của James Bond với những món hàng mang bí số 007 đến làm bạn sửng sốt. Một



Hộp quẹt để quên trong gạt tàn thuốc lá. Hãy coi chừng một trạm truyền tin ghi rất rõ những tiếng nói thì thầm.

miếng bia cứng để rơi trên mặt hàng. bạn đừng lầm tưởng là một miếng vỏ hộp bỏ đi, đó là một chiếc máy truyền tin cực mỏng (theo hình dáng). Và kia, một bình đựng trái Ô-liu, đúng ra chỉ nên bày trong tiệm thực phẩm. Sự thực mỗi trái Ô-liu là một bộ máy ghi âm khuếch đại đồng thời là máy truyền tin. Bạn đừng vội ghi sổ bằng chiếc bút chì để trên quầy hàng, đó cũng là là một chiếc máy truyền tin. Những chiếc đinh vít mạ kền dùng để ghép những tấm gương trong phòng rửa mặt cũng là những máy truyền tin được ngụy trang khéo léo.

Các bạn hãy theo ông Ben Jamil bước lại gần cửa sổ. Ông Ben Jamil hướng đầu một chiếc gậy về phía đám đông vừa bước ra khỏi một rạp hát và nói chuyện âmĩ. Tiếng xe cộ và người nói sẽ được ghi rất rõ vào chiếc máy ghi âm « định hướng » này.

Bạn có thể mua một cây viết máy thâu thanh, rất giống cây viết thường mà cái móc dùng để cài vào túi áo lại là dây trời (antenne). Một chiếc máy truyền tin chỉ lớn bằng con tem, dây chùng một phân, gồm đủ bộ phận thu và phát tin rất nhạy. Với loại máy này, bạn chỉ cần giấu cái vào túi áo người bị theo dõi, bạn sẽ nghe hết những gì họ nói cách xa hàng trăm thước. Với loại máy lớn bằng bao thuốc lá, bạn có thể truyền

những tin hiệu trên tầng số khác nhau ở xa hàng cây số. Để theo dõi một chiếc xe hơi, bạn có thể bí mật gắn một máy truyền tin tí hon mang bí số 008 vào dòng điện. bạn sẽ nhận được mọi tin tức chuyển về bất kể ngày đêm. Chiếc máy này tiêu thụ một số điện lực rất ít,

Bạn muốn nghe lên chuyện phòng bên ư? Bạn hãy mua ngay chiếc máy nghe chỉ lớn bằng chiếc nút áo. Bạn gắn máy lên tường, với hai ống nghe khuếch đại, bạn sẽ nghe hết những gì họ nói. Bạn tò mò muốn rõ những mẫu chuyện tâm tình của đôi vợ chồng trẻ trong đêm tân hôn ư? Bạn hãy mua tặng họ chiếc đèn ngủ có gắn sẵn máy truyền thanh. Không cần pin gì hết, khi bật đèn là tự nhiên hoạt động. Tất nhiên những chuyện về đêm bao giờ cũng lý thú hơn vì vậy khi mặt trời mọc, đèn tắt thì chiếc máy nghe cũng ngưng hoạt động. Bạn có đi chơi đêm cũng nên cẩn thận đấy. Không phải trời tối thì mọi con mắt đều mù hết. Có một loại máy ảnh sẽ chụp ảnh bạn rõ như ban ngày.

Cũng cần lưu ý các bạn quân nhân khoái dùng điện thoại để tâm sự vặt hay tiết lộ cơ mật quốc phòng. Định quân có thể nghe lên bằng một máy nghe mắc vào đường dây điện thoại ở bất cứ nơi nào, và máy nghe sẽ được biến chế như một máy thu thanh nhỏ, rất khó phân biệt hình dáng của nó.

Tuy nhiên bạn nên nhớ rằng không phải ông Ben Jamil chỉ chế tạo những máy do thám không thôi. Võ quít dây đã có móng tay nhọn. Do đó bạn đừng ngạc nhiên khi thấy chiếc máy do thám của bạn tự nhiên nín câm. Không phải máy hư mà do người bị theo dõi là tay tổ chức gián điệp hay ít ra một người biết rõ hoạt động của bạn. Người đó chỉ cần tới hăng của ông Ben Jamil là mua ngay được một máy chống do thám.

Những máy do thám trong gian hàng của ông Ben Jamil nhiều vô kể và được bán tự do cho khách hàng. Với số tiền 125 quan (khoảng 400 đồng VN), bạn có thể mua được một máy phóng thanh (micro) nhỏ bằng chiếc nút áo, rất cần cho các ca sĩ

hoặc một viết máy «micro». Một máy truyền tin lớn bằng con tem trị giá 750 quan. Một máy nghe lên trị giá 300 quan.

Ngày nay, không riêng gì những điệp viên phải cần tới những máy do thám này. Tại Mỹ hiện có 2.500.000 người đã sử dụng những máy do thám vào những lợi ích riêng tư, Còn chúng

ta, những bạn đọc yêu quý ơi, nếu có một lúc nào bà xã bạn học nói với bạn : « Anh coi chừng, tôi đã biết rõ con bò của anh rồi đó », thì bạn cũng đừng tưởng lầm rằng bà xã « bắt bóng ». Biết đâu trong sắc tay của bà có dấu sẵn một máy ghi âm tí hon mang bí số 007.



Tại sao đọc Anh văn không hiểu?

Tại vì bạn chưa biết có sách dịch Song Ngữ kèm nguyên-văn tiếng Anh và chú thích cẩn thận giúp bạn, vừa thích thú, vừa trao dồi Anh-Văn.

Sách Song Ngữ của **LƯU BẮNG** gồm toàn danh tác.
Cuốn thứ 10 mới nhứt.

ALI BA hay Cây Đèn Thần giá 18đ.

Nếu không tìm mua được xin thư cho **ĐOÀN HỒNG-BÁ 128 Hai Bà Trưng, Saigon.**



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/ĐDCC



● Cửa 5—NGỌC—5

Mỗi thứ hai hàng tuần, nếu có dịp đi ngang qua một vài công-sở lớn, gặp lúc chào cờ, bạn sẽ cảm thấy giờ phút tôn nghiêm qua mau quá!

Tại sao vậy?

Hãy nhìn! Trong sân nhẵn bóng của Công thự nguy nga... Ôi! Êm dịu làm sao! Cánh áo xanh, áo hồng như muốn mời mọc ta lại gần hơn... Để làm gì? Để đắm mắt trong những làn tóc thướt tha, những cái eo, cái mông phập phồng, của những nàng tiên nữ Công-sở,

đứng sắp hàng chào cờ.

Chắc có người sẽ chép miệng: « Đàn ông đi lính hết, để phụ nữ coi Công-sở, kể cũng tiện », rồi sẽ mơ màng tới những ngón tay búp măng khéo léo khi viết, khi xếp hồ sơ...

Nhưng bạn đã làm rồi?!

Bước chân qua ngưỡng cửa Công-sở, đây mới là lúc nên thơ. Bạn sẽ thấy tâm hồn dịu xuống, bước chân chậm lại để sửa soạn một bộ điệu lịch sự:

— Thưa cô, xin có vui lòng... cho tôi...

CÁC NÀNG TIÊN CÔNG SỞ

Chưa kịp nói hết câu, bạn sẽ nhận được những lời rất khả ái!

— Chờ một chút nào, vừa mới vào đã đến phá!

Bạn nhìn đồng hồ: 8g45 và tiêu ngấu đứng nép sang một bên.

Rồi bóng hồng sẽ thò tay khi kéo « cái rột » chồng hồ sơ và ném xuống bàn « cái bịch » như bao gạo rơi xuống sàn gỗ vậy, hỏi gắt:

— Xin gì?

Bạn vỡ mộng rồi chứ?!

Nhưng sẽ có bạn tự hỏi: sao các nàng dữ thế? Trong sở, các nàng phải cang đáng những sự mạng lớn lao gì?

Cứ hỏi mấy ông già làm Chủ sự, ọ vào trường hợp trên thì



biết. Các vị ấy sẽ gãi đầu gãi tai mà than rằng:

— Loạn rồi ông ơi!

— Sao lại loạn?

— «Thưa, cái nghiệp «Chủ sự» mà không coi nổi nhân viên thì đau lòng lắm. Nhưng thử hỏi, các cô toàn « cá mè một lứa », ham chơi, ham làm việc riêng, cây tài, coi Chủ sự chẳng sơ mui gì thì thánh thần nào điều khiển được!

Lời biện bạch là như vậy, nhưng người ta thường nói: « ai nữ đánh người đẹp, dù chỉ bằng một bông hồng ». Nên quý vị cầm đầu nhiều khi cũng cảm động trước khoẻ mắt của các nường, sự quá trớn, từ đó càng tăng thêm? Vả lại eác nường khéo đỡ đòn lắm!

Ai cũng công nhận càng, nàng có làm việc chứ không ngồi không. Nhưng các nàng (một thiếu số) còn làm những cái gì nữa?

Viết giấy tờ riêng

Ngó vào Công-sở, nhiều lúc ta thấy các nàng quá bận bịu trong Công-vụ. Các nàng

thư ký thì cầm, cúi cúi viết
Các cô đánh máy lách cách
liên hồi.

Hồi ông tùy phái, chú lao
công, mới biết rằng ở những
giỏ rác, sổ thư tình rách, sổ
giấy tờ hội hè, học hành nhiều
gấp mấy chục lần các giấy vụn
mang danh nghĩa công vụ.

Những bữa tiệc thân mật

Có khi, bước vào một phòng
nào đó, ta sẽ ngạc nhiên :

— Ô ! bàn trống còn nhiều,
sao các cô, các bà không ngồi.
lại vây quanh cái bàn kia kia !

— A hiểu rồi !

Người ta đang dự tiệc mà
lại ! Những chiếc miêng xinh
còn vàng màu khoai lang bỏ,
đang cặp những trái me chua
hoặc ngòm ngòm miêng biscuit
mặn... Ô ! sao lại tự nhiên thế
nhỉ ? ! Nhẽ nhại làm sao !

Ngây thơ quá ! Vâng, các nàng
rất ư là ngây thơ ! Các nàng
dành chiếc bàn lớn để đặt
những phần bánh ngon, ngọt,
chua cay đủ vị.

Ông cầm đầu ngồi ngó mà
lòng tan tành từng mảnh ! Ừ !
người ta đoàn kết thì thắng còn
minh cô đơn thì bại.



Cuộc đàm đạo sôi động

Cũng cái bàn đó, người ta có
thể ngồi lo việc hội hè, mở
quỹ tiết kiệm, cho nhau, vay
mượn; như hế là nhất rồi
còn gì.

Bàn luận về việc góp tiền
hồi hội thật sôi nổi, đáng mặt
nữ nhi thời nguyên tử.

Tiến bộ hơn nữa, các nàng
còn thay nhau thuyết trình
những đề tài thật hay ho như :

— Cái con mẹ đó mới được
làm Chủ sự mà ra bộ ta đây
lắm, có ngày vạch mặt chỉ tên
cho các chị coi.

— Cái thằng đó thiệt là dè.

— Sáng qua 9 giờ em mới
tới, ông ấy làm hết công việc
rồi. Ông tức lắm, nhưng sức
mấy mà dám động tới em.

— Chồng em biết em có thai
rồi, mà hấn cứ... hoài hà !

— Tuần trước em giả bộ
đau, thằng cha bác sĩ khám
xét thế nào, lại cho em nghỉ
việc tới ba ngày lận !

— Em sắp được nghỉ hộ sản
hai tháng rưỡi rồi, chị ơi !

Còn nhiều đề mục hấp dẫn
nữa, sức người không kể xiết.
Àu cũng là một vinh dự lớn
lao về đề tài ăn nói siêu tuyệt
của một thiếu số phụ nữ
nước nhà.

Cuộc du ngoạn hào hứng

Đàm đạo chán rồi, ngồi trơ
ra chẳng ích gì. Bây giờ tới
món du ngoạn.

Hai ba nàng nắm tay nhau lả
lướt bước ra ngoài sở làm.

— Có lẽ họ đi cầu ?

— Không, cầu tiêu trong
vòng rào sở.

— Vây đi đâu thế ?

— Đi dạo phố.

Thực vậy, con đường phố
thênh thang với những cửa
hàng bóng loáng, hai bên lề,
xe nước mĩa mát dịu... quyến
rũ bội phần. Những ly kem
ngọt lạnh ở đây, quả ăn dứt

chén nước trà đắng ngắt trong
những sở.

Cứ thế, ngày lại ngày, chiếc
áo eo, chiếc mini-jupe được
dịp phỏ ra ánh nắng mặt trời,
giữa phố Saigon đông đúc.

Có của mà chịu ngồi bất
động trong sở, trước những ông
già hom hem thì uống quá !

Nên đi bát phố một vòng cho
thiên hạ lác mắt chơi !



Thế mới văn minh !

Thế mới chóng hòa bình !

Học hành

Siêng quá ! Siêng quá đi thôi !
Nàng (1 vài nàng) học say sưa
đến xanh xám cả hình hài.

Nàng chán đời, chán công
việc. Các chồng hồ sơ trước mặt
như tan biến vào hư vô.

— A ! Nàng đã mất trí rồi ư ?

— Không ! Không ! Bộ óc, trái tim nàng bây giờ đang trang trí những mảnh bằng Tú-tài, Cử nhân. Tất cả thế giới của nàng bây giờ là sách giáo khoa, mộng ước tương lai. Công vụ chỉ là món sinh nhai qua ngày.

Ôi ! Những chồng hồ sơ thông tư, sắc lệnh sao mà vô nhiều đến thế !

Du học

Hiếu học nhất trần gian !
Hiếu học nhất trần gian !

Đem bài vô sở học, chưa đủ ! Phải phóng một đường Honda tới trường nghe giảng mới ăn chắc !

— Hôm nay có giờ ngữ học, tôi đi đây ông chủ sự.

— Tôi đi nghe ông ?... nhỏ nhẹ, nàng thêm : « Ông có buồn tôi không ? » (ông cầm đầu cảm động : « đi học thì không buồn » mặc dù sau đó ông buồn thối ruột gan vì công việc bề bộn).

Phần thưởng các nường tặng ông chủ sự là câu nói ngọt ngào : « Ông Chủ sự em dễ thương lịch sự lắm cơ ! Lúc nào cũng bình nhàn viên ».

Độc tiểu thuyết kiếm hiệp, diễm tình .

• Cô gái Đồ-Long, Lệnh xé xác, Tiểu ngạo giang hồ, Vòng tay học trò, Đôi mắt người xưa... sao mi có duyên thế ?

Từ các nhà sách, hiệu cho thuê sách, bỏ vô công sở mà Chi ?! Ta ghen với mi rồi đó ! Mi được tung tiu, mi được ấp vào ngực, vào môi, in hình trong ánh mắt xanh lơ của các nàng. Lòng xuân nàng rạo rực vì mi ! Điện loạn cũng vì mi ! Còn ta !... Còn ta !.. Tập hồ sơ đầy ắp nghị định, sắc lệnh tượng trưng cho công lý lại nằm bẹp dưới bàn tọa hôi hám, nhớp nhúa của các nàng, tui ơi là tui ! ! Nhiều lúc ta còn bị xé nát thân để gói mũi tiêu đơm rũi của các nàng ! Nhục thế thì thôi ! »

Cầm mồm đi, hồ sơ ơi ! Người ta vào đây làm đầu phải vì mầy, mà vì lợi ích của người ta. Không tin, cứ cuối tháng mầy ngắm các nàng coi ? Mặt mầy tươi rói ! ngồi đếm tiền không chán tay. Còn mầy là thằng hủi, cổ bầm vùi lấy nàng tiên, để ăn những cái xách tai lôi xềnh xệch bị gạch xóa nát bấy. Thôi ! đừng mơ mộng nữa, hồ sơ ạ ! Đừng so sánh thân phận bèo bọt của mình với những cuốn thánh kinh ấy

mà có ngày tự tử.

OE ! OE ! O ! O !

Đôi khi, bầu không khí trong sở đang êm ả, bỗng... oe ! oe ! oe ! o ! o !..

Bạn sẽ giật mình đánh thót một cái : ô hay ! cô nào để rơi ra đây nhỉ ?

Không phải thế đâu ! Hãy nhìn về phía góc phòng, trên chiếc bàn nhẵn thín, cậu bé kháu khỉnh bù lu, bù loa cầu cứu mẹ, vì cậu lỡ tiêu tiền ra đó rồi...

Từ ngoài, một bà mẹ non tha thướt đi vào, trên tay còn khư khư hai cây cà rem. Thì ra, hôm đó cô nương cao hứng đem con vào sở khoe. Khát nước, cô bỏ mặc con chồm hồm trên bàn, tự tiện đi mua kem.

Bạn đừng ngạc nhiên nữa ! Đây tuy không phải là nhà người ta, nhưng ai dám cấm ! Ai dám cấm. Ông cầm đầu làm ngơ vì không nỡ nói, vì người ta sẽ than :

— Cho người ta ăn vàng bạc gì mà gay gắt !

— Hôm nay cô ở cô về quê, không ai coi cháu.

Đấy, tôi đã nói rồi mà ! Người

ta coi việc nhà mình mới là chính. Yêu gia đình đến thế là cùng ! Khen thay ! đáng khen thay.

Sắm đồ Tết.

Cứ bàn tới chuyện Tết là mặt mũi các nàng rạng rỡ cả lên. Một sức sống mãnh liệt như đã tiềm tàng hàng thế kỷ, nay được trào ra lai láng từ vành môi, cửa miệng các nàng.

Sắm đồ Tết mà không đem khoe với chị em thì có gì thích thú, nên muốn hong ngán tia đang được phơi bày trên cái bàn kia kia.

— Cha ! đẹp dữ ta ! chị mua thứ hàng này ở đâu thế ? Trông nhả quá !

— Thứ này mà may mini-jupe thì tuyệt !

— Bộ tóc ni-lông Nhật-bản trông như thật ấy nhỉ ? Nhưng sáu ngàn thì hơi mắc !

— Mời các chị ăn thử. mứt tôi làm đó !

— Cầm cái giỏ này đi Tết, thật sang !

— Tết này em mặc đê, mất cả vui !

— Bữa tất-niên, chúng mình

CÁC NÀNG TIỀN CÔNG SỞ

rủ nhau đi ăn bò bầy món nhé !

Vọng-cô sáu câu là nhiều rồi. Ở đây tôi đã nêu ra những bảy câu thì cũng khá đủ, nhưng thăm thắp vào đầu với những cuộc đàm đạo cả giờ, hàng ngày của một số nàng tiên Công-sở.

Tết đến rồi đây, nhưng mấy thằng đàn nghèo chúng tôi chỉ biết mần ăn, dầm đầu găm vóc với lụa là. Hoặc vả có làm ra tiền, thì cũng cung phụng cho mấy bà xã, còn gái chúng tôi thôi (họ là các nàng tiên Công-sở đó). Mấy bà mãi thì đua theo thời trang, đến nỗi cái lương công sở của mấy bà, cô chưa đủ lấy đầy miệng, đầy thân mình, còn phải ăn bám vào lưng chồng, cha.

Đấy ! Chúng tôi là chồng, là cha một số nàng tiên Công-sở « đợt sống mới » còn phải chịu nhượng bộ một cách cay đắng, tủi nhục (chịu ăn cơm với mắm cho bà vợ quý, con hiền sấm đờ) thì .. Mấy ông Chủ sự ời ! Dù cho ông là thánh cũng không buộc mấy bà xã, mấy cô con chúng tôi vào vòng kỷ luật được đâu.

— Giờ tay lên !

Nếu ông chưa chịu hàng, thì đây : 1 nén hương, một đĩa xoài xanh, đĩa cóc, đĩa mắm ruốc, muối, tiêu ớt. Chúng ta đặt đàn cầu khấn giữa trời, quỳ xuống, lạy tứ phương mà rằng :

« Xin các tiên nương đã quá vắng hầy vì món lễ vật này mà thương chúng tôi. Xin ngài truyền cho đàn em quý ngài từ đây phải biết kính trên nhường dưới; Cải tà, quy thiện!

Thằng đàn, cũng xin trình lời thỉnh nguyện lên các nàng tiên công sở như sau :

Dân tôi thỉnh nguyện quý bà.

Gót sen da phấn con nhà hiếm hoi.

Chúng tôi là phận tôi đòi,

Khẩu đầu trăm lạy, có lời phân bua.

Xoài xanh, cóc đắng, còn chưa,

CÁC NÀNG TIỀN CÔNG SỞ

Xin thêm muối ớt cho vừa Tiếng oanh tỏ thể chỉ đường
lòng nhau. ra vô.

Rồi đây ta bắt nhịp cầu, Thì em dù có ngáy ngợ.
Mặn mà mắm ruốc, ngọt Cũng xin trăm lạy nhân nhơ
ngào cá-rem. đủ đường!...

Giấy tờ em vốn lem-nhem, (À quên : Cũng xin trăm
Mắt xanh chiếu rọi cho thêm lạy, nhã nhơ đủ đường)

Miệng hoa hả nụ cười Cửa 5— Ngọc —5
hương,

Phân ưu

Xin thành kính chia buồn cùng gia đình của

Giáo-sư H.G KRAINICK

và Bà,

Bác-sĩ Tây-Đức, Giáo-sư Đại-học Y-khoa Huế,
đã bị Việt-Cộng thảm sát tại Huế trong đêm Xuân Mậu-
Thân vừa qua.

NGUYỄN-VỸ

Dũng midol
1360/BYT/DDC
trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

MỘT SỰ THẬT về con người

DUY-TÂN

* MỘNG-LINH

Tôi là một thanh niên, cũng như trăm ngàn thanh niên học thức khác, cũng có một tấm lòng yêu nước sâu xa được truyền lại bởi truyền thống anh dũng của Ông Cha. Viết bài này, mục đích của tôi không phải là muốn đề cao lòng ái quốc của mình, cũng không phải muốn chỉ trích một ai, song, mục đích chính là để làm sáng tỏ một sự thật đã được che giấu từ bao năm nay. Sự thật đó, chính tôi cũng không thấy, không chứng kiến tận mắt vì là một kẻ hậu sinh, mà là do một vị thức giả đã nhiều năm lần lộn học hỏi nơi đất Pháp cũng như tại nhiều nơi kẻ lại, làm cho tôi đã phải sửng sốt kinh ngạc và biết mình lầm từ bao lâu nay. Nhưng sự phán đoán chính còn chờ ở những vị học giả và các vị Sĩ gia chân chính.

Sự thật đó là thế nào? Tôi xin đặt câu hỏi cho đề bài: Vua DUY-TÂN có phải là một nhà

Vua ái quốc không?

Thật là một câu hỏi dễ dàng cho đến em bé mới học qua lịch sử Việt-Nam cũng có thể trả lời được. Ai trong chúng ta lại không biết đến hành động của một vị Vua mới có 17 xuân xanh đã dám cầm quân chống lại binh lực hùng mạnh của quân đội Pháp, nhưng vì thất bại đã phải bị đày nơi đất khách quê người. Và, để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy trở về giai đoạn lịch sử của đầu thế kỷ 20 này.

... Cách đây 56 năm, nghĩa là vào năm 1907, sau khi Vua Đồng Khánh mất, Pháp đặt BỬU LÂN con Vua DỤC-ĐỨC lên ngôi, lấy niên hiệu là THÀNH-THÁI. Nhưng Vua THÀNH-THÁI lại không chịu theo ý người Pháp, nên lấy cớ nhà Vua mắc bệnh điên, chính quyền bảo hộ bắt ngài thoái vị và đày sang Đảo RÉUNION. Hoàng tử VĨNH-

CON NGƯỜI DUY-TÂN

SAN mới 8 tuổi lên nối ngôi lấy hiệu là DUY-TÂN. Tuy còn ít tuổi Tân quân thông minh lỗi lạc và có chí lớn. Đau lòng vì cảnh nước mất nhà tan, Vua DUY-TÂN tìm cách liên lạc với các nhà Cách-Mạng và năm 1916, lợi dụng việc Pháp bận đánh nhau với Đức, nhà Vua âm mưu khởi nghĩa (các tài liệu này trích trong quyển Việt-Sử của Ông Bà Tăng-Xuân-An).

Sau nhiều cuộc hội kiến giữa Vua và TRẦN-CAO-VÂN người đã tham gia Phong Trào chống thuế ở Trung-Kỳ và bị đày ra Côn-Đào, sau trở về được Vua DUY-TÂN phong cho chức Thống Lãm quân-đội, đem mặt chiếu đi liên kết với các nhà ái quốc — kế hoạch sau đây được đặt ra:

Đêm mùng 2 tháng 5 năm 1916 (tức mùng 1 tháng 4 năm Bính Thìn), Vua DUY-TÂN sẽ bỏ cung điện xuống thuyền ra sông PHÚ-CAM lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Hiệu lệnh là một tiếng pháo lớn. Lực lượng chính là đám lính mộ đóng ở Huế đợi ngày xuống tàu sang Pháp dự chiến tranh chống Đức. Đa số

bị bó buộc ra lính nên trước khi bỏ nước ra đi họ bịnh rịn nhớ vợ con, làng nước. Thêm vào đó những tin đồn về các cuộc bại trận của Pháp về những tàu chở lính mộ bị tàu ngầm của Đức đánh đắm làm nao núng tinh thần binh sĩ. Lợi dụng yếu điểm trên, các nhà cách mạng tuyên truyền cho họ quay súng bắn lại giặc và được nhiều người hưởng ứng.

Ở các Tỉnh, nhất là Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, nhờ sự tuyên truyền của các nhà chí sĩ Cách-Mạng, lính khổ đở, khổ sanh hưởng ứng cuộc khởi nghĩa rất đông và đợi ngày nổi lên chiếm đồn Pháp và Tỉnh Lỵ.

Nhưng gần ngày khởi sự, vì lo cho sự an toàn của gia-đình, một số binh lính cho vợ con về quê. Việc này làm Pháp sinh nghi. Rồi ở Quảng-Ngãi, một binh sĩ có chân trong đảng chống Pháp phải thuyền chèo đi nơi khác. Trước khi lên đường hẳn khuyên em là lính cơ trong Dinh Tuần-Vũ nếu đêm mùng 1 tháng 4 thấy tiếng súng thì đừng ra khỏi nhà mà mang họa. Tên Lính cơ đem câu chuyện đó trình với Viên Tuần Vũ

Tên này vội vàng trình với Công sứ Pháp và viên Công sứ Quảng-Ngãi đánh điện báo cho Khâm Sứ ở Huế.

Thấy công việc bại lộ, Võ-văn-Trứ, thư ký Tòa Khâm ở Huế, bèn ra thú và kể tỉ mỉ kế hoạch của cuộc khởi nghĩa. Khâm-Sứ Charles ra lệnh tước khí giới của toàn thể binh sĩ Việt-Nam và không cho phép một người nào ra khỏi trại. Đồng thời quân Pháp được lệnh bố trí những nơi hiểm yếu.

Theo đúng chương trình hoạch định, đúng 10 giờ đêm Vua Duy-Tân cải trang ra khỏi Hoàng-Thành và được Trần-Cao-Vân tâu rõ cơ mưu đã bại lộ, rồi đưa Vua lên ẩn ở một ngôi chùa gần Đan Nam-Giao.

Theo « Phổ-Thông tạp-chí » số 6 và 7 năm 1952, thì ngày 6 tháng 5 năm 1916, thám tử báo tin cho viên Khâm Sứ biết vua Duy-Tân còn đang ẩn trú tại một ngôi chùa ở trên Núi gần Nam-Giao, cách Kinh-Thành Huế mấy cây số. Ông liền phái Le Fol và viên Chánh Liêm Phóng Léon Sogny đến đây tìm Ngài. Hai người này đến nơi vào lúc sáng,

không gặp Vua. Nhưng Trần-Cao-Vân và hai đồng chí đều bị bắt tại đây. Hỏi vua đâu, họ không chỉ. Sogny trông thấy xa xa một bóng người mặc y phục của dân quê, đang đứng chăm chú nhìn mặt trời rạng Đông tươi đỏ. Le-Fol và Sogny tiến tới, người trẻ tuổi đang mơ tưởng một Bình-Minh rực rỡ, nghe tiếng động quay lại. Le Fol cất nón chào hỏi vua :

— Thế nào, Hoàng-Thượng ngự giá đến đây là hết rồi chứ ?

Vua Duy-Tân nhún vai, cũng đáp lại bằng tiếng Pháp :

— Các Ngài chả hiểu được đâu.

Ngay lúc ấy, Võ-Văn-Trứ, cùng đi với hai Ông Le Fol và Sogny, tiến đến trước mặt vua :

— Tâu Bệ-Hạ, tôi là người cùng với Trần-cao-Vân hội kiến với Ngài đêm mùng 1 ở Hồ Tĩnh Tâm, chẳng hay Bệ Hạ có nhớ mặt không ?

Vị Hoàng đế 17 tuổi, từ nãy giờ vẫn giữ nét mặt điềm nhiên lạnh lùng bằng cặp mắt trêu người.

— Phải, ta nhớ mặt mi ! Đồ phản vua phản nước !

Rồi vua ngoảnh mặt đi một cách khinh bỉ. Lúc bấy giờ ông Léon Sogny trông thấy vua giấu dưới áo một vật gì khả nghi. Một khẩu súng lục chăng ? Có lẽ nhà vua trẻ tuổi dùng nó bắn những người đến bắt ngài, hay là để tự sát. Viên chánh liêm phóng hỏi. Ngài mỉm cười chua chát :

— Ông tưởng tôi giấu khẩu súng sáu ư ? Ông đừng sợ. Tôi làm việc đại sự lỡ bị thất bại còn cần chi những việc của tiểu nhân ?

Rồi ngài đưa cho xem : hai ấn vàng của nhà vua.

Ông Le Fol liền bảo người chạy kiếm một chiếc kiệu và một cây lọng để rước vua Duy-Tân xuống xe hơi đậu trên đường cái lớn ở chân đồi. Nhà vua làm thỉnh nghiêm nghị từ chối kiệu và lọng vàng, lui thủ đi bộ. Le Fol và Sogny lẻo đẻo theo sau với đoàn tùy tùng. Đúng 10 giờ sáng, xe đưa nhà vua về đến Tòa Khâm. Ông Khâm sứ Charles mỉm cười bắt tay ngài :

— Bệ hạ bằng lòng cuộc du ngoạn chứ ?

Vua Duy-Tân trả lời bằng một

câu bằng tiếng Pháp :

— Không ! Bởi vì nó đã thất bại ?

Từ đó vua Duy-Tân không một lời. Ngài giữ thái độ oai nghi lạnh nhạt. Cho đến khi ngài bị đẩy qua đảo Réunion ở Phi-Châu, ghé lại Vũng-tàu để thăm đức Thành-Thái cũng đang bị giam lỏng tại đây. Bị phụ hoàng rầy la, ngài vẫn cuối đầu kính cần, nhưng cũng không hề miệng nói một câu. Nhà vua bị đẩy sang đảo Réunion sống ở đó trong gần 30 năm. Năm 1946, Pháp đưa Duy-Tân về nước song phi cơ rớt và nhà vua tử nạn năm 47 tuổi..

Đọc qua giai đoạn lịch sử trên đây, ai còn nghi ngờ rằng vua Duy-Tân không phải là một nhà vua ái quốc, một vị vua trẻ tuổi can đảm đã hy-sinh mạng sống cho đại cuộc. Nhưng chữ Nhưng thường bao giờ cũng ác hại, có ai ngờ đâu một sự thật về con người Duy-Tân còn chìm trong bóng tối, một sự thật mà chúng ta không bao giờ nghe nói đến, cả đến bọn Thực dân Pháp sau khi đã thất bại và rút về nước cũng không phơi nó ra ánh sáng. Cứ chỉ cho chúng ta biết Duy-Tân bị đày ở Réunion

CON NGƯỜI DUY-TÂN

30 năm, nhưng thật sự là trong thời gian đó nhà vua có ở Réunion không? Và trong thời gian ấy, nhà vua đã làm gì?

Như tôi đã nói, một sự sững sốt kinh ngạc đến với tôi khi vinh dự được một vị thức giả cho biết về cuộc đời đi đày của Duy-Tân. Tôi không thể chép lại tất cả chi tiết, nhưng cũng xin ghi lại nơi đây những điều có thể gọi là đầy đủ mà tôi nhớ được.



«... Mỗi khi đọc đến trang sử hoặc những bài văn ca tụng, nói đến công nghiệp của Duy-Tân, tôi cảm thấy một cái gì vừa nghiền ngẫm vừa đau khổ, nghiền ngẫm vì dường như có một cái gì làm cho mình tung tức trong lòng, đau khổ vì thấy một sự thật phũ phàng đã bị giấu nhem làm lạc hướng một số đông người, cả đến những nhà trí thức. Nói như thế không phải là tôi tự hào rằng mình đã hiểu rộng biết nhiều hơn mọi người, vì không phải chỉ có mình tôi biết sự thật đó, mà còn một số ít người cũng biết rõ như tôi, nhưng chính là vì tôi muốn khơi nó ra ánh sáng cho mọi người đều

thấy rõ. Từ lâu tôi vẫn muốn làm công việc đó, nhưng chưa có dịp hoặc điều-kiện thuận-tiện để thi hành... »

Năm 1945 là năm thời cuộc VIỆT-NAM đã phải nhiều phen biến chuyển. Từ cuộc đảo chánh của NHẬT-BẢN đêm 9-3-45 đến cuộc đấu hàng vô điều-kiện ngày 16/8 từ cuộc cướp chính quyền của Việt-Minh đến cuộc tái chiếm Nam-Bộ của Pháp. Thật là một năm chỉ đầy chiến-tranh để giành quyền chính.

Lúc bấy giờ, tôi còn là một sinh viên ở Pháp, tất nhiên, tuy ở phương trời xa, tuổi trẻ cũng thúc giục mình hăng hái lo lắng cho vận nước nhà đang hồi biến chuyển. Một hôm, đang đi trên xe điện ngầm, tôi bỗng gặp một người đàn ông trạc ngoài tứ tuần, vóc người nho nhỏ, nước da ngăm vàng, mặc y phục của một sĩ quan Pháp và đeo lon Chuẩn Úy, với một hình dáng cho tôi biết đó là người Việt-Nam. Ở nơi xứ người không gì vui sướng bằng khi gặp một đồng bào, nên tôi bước lại gần ga chuyện.

Sau những lời chào hỏi xã giao,

CON NGƯỜI DUY-TÂN

thông thường với giọng nói đặc biệt tôi biết ông ta là người Trung và ông ta tự giới thiệu mình là người ở Huế. Chúng tôi nói chuyện « lang bang » cho đến khi xe điện dừng lại tại ga PARIS, tôi từ giả và bước xuống, ông ta cũng xuống đây theo tôi. Khi hai người còn đứng nơi chờ đợi, ông ta bỗng nói với tôi một câu mà tôi vẫn nhớ muôn đời.

— Tôi là DUY-TÂN.

Tôi giật mình ngạc nhiên, có ngờ đâu này giờ đứng nói chuyện với vị Vua củi què hương mình mà tôi vẫn cứ tưởng Ngài đang bị đày ở RÉUNION. Tôi sung sướng hỏi với một giọng cung kính.

— Nếu Ngài là DUY-TÂN, tôi xin hân hạnh được tiếp chuyện Ngài lâu hơn.

Ông ưng thuận gật đầu. Tôi bèn xin danh thiếp. DUY-TÂN

rút từ trong túi một quyển sổ nhỏ và lấy đưa tôi một tấm thiếp. Những chữ PRINCE VINH-SAN, in chữ hoa đậm làm cho tôi càng tin chắc ông ta là DUY-TÂN hơn.

Thế nhưng, đôi mắt tò mò của tôi lại bắt gặp trong quyển sổ tay của ông ta có địa chỉ của một số người Việt Gian làm tay sai cho thực dân hiện ở tại PARIS. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cho đó chỉ là chuyện thường và bỏ qua đi. Trước khi từ giả, tôi xin DUY-TÂN cho biết một nơi hẹn đề cố ý báo cho tất cả mọi người yêu nước ở ngoại quốc hay đề đến gặp.

Bây giờ, các sinh viên VIỆT-NAM thành tài ở PARIS khá đông, có cả một số thuộc giới thương mại. Họ là những thanh niên trai trẻ, trong người đầy nhựa sống, tuy ở nơi xa xôi mà vẫn muốn hoạt động để giải phóng



Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/641/ĐDCC

nước nhà. Khi được tôi báo tin họ náo nức hân hoan dường như sắp gặp một vị cứu tinh.

Theo địa chỉ, chúng tôi đã mời Duy-Tân đến một gian phòng nhỏ chứa độ hơn 40 người. Chúng tôi sung sướng khi gặp một vị Vua ai nấy đều tin tưởng rằng ông sẽ trở về giải thoát cho quê hương thoát ách thực dân. Duy-Tân đến nơi chúng tôi với một vẻ mặt điềm tĩnh, trang nghiêm, làm cho chúng tôi vừa sung sướng vừa kính cẩn. Thế nhưng, sự phấn khởi lúc đầu đã biến mất ngay sau đó. Người ta thường bảo tính nết người Thanh-Niên hay thay đổi; sự phấn khởi của tôi đã thay đổi thật nhanh đến sự tức giận, muốn xông tới đâm ngay mặt con người đang đứng trước mặt chúng tôi (vị thức giả dẫn mạnh với một giọng tức bực), vì con người Duy-Tân không còn là một con người ái quốc, một quân vương can đảm dám mưu đồ chống lại quân lực hùng mạnh của Pháp xưa kia nữa, mà chỉ là một con người nhu nhược, một bộ mặt của một tên Việt gian phản quốc. Suốt gần 3 giờ đồng hồ, Ông chỉ

thuyết cho chúng tôi theo Tây-dự đồ chúng tôi hòa theo bọn người thực dân cướp nước trở giáo chống lại đồng bào, chống lại Tổ-Quốc thân yêu. Ông trưng ra những lý lẽ thu phục chúng tôi, những binh lực hùng mạnh, những khí giới tối tân của quân đội Viễn chinh Pháp. Ông luôn luôn lặp đi lặp lại: « Làm sao mà đuổi Tây được... Làm sao mà đuổi Tây được... Bây giờ các anh phải theo tôi, Việt-Nam không có khí giới, tàu bè, xe tăng thiết giáp... » Những lời ấy như những nhát búa chém vào lòng tin tưởng của chúng tôi. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy lúc ấy mình cũng hăng say quá đáng. Nhưng sự hăng say ấy có lý do của nó. Khi quá tin tưởng vào một việc gì, một đối tượng nào mà không được như ý, tất nhiên ai cũng như ai đều có một phản ứng cuồng nhiệt.

Sau buổi gặp mặt ấy, chúng tôi đã gần như mất cả hy vọng. Không phải là mất hy vọng quốc gia mình rồi đây sẽ không độc lập, tự do, nhưng là vì con người mình mong ước nhận lãnh trách nhiệm giải phóng quốc gia

lại quá ương hèn, dễ thay lòng đổi dạ, mà con người ấy là một vị Vua, đã có một thời ngồi trên ngai vàng thống lĩnh cả một dân tộc.

Thế nhưng, chưa thất vọng hoàn toàn, vì lúc trò chuyện, chúng tôi thấy nơi Duy-Tân còn mang một chút ý chí, thưở ban đầu chỉ tiếc con người như thế mà lại bị thực dân đầu độc. Giả như ông còn giữ được con người ái quốc xưa kia, thì bây giờ nước Việt-Nam sẽ ra sao? Không ai có thể biết được! Vì vậy, tất cả chúng tôi đều bàn muốn gặp lại Ông một lần nữa. Lần gặp gỡ thứ hai cách lần trước khoảng 2 tháng. Trong thời gian đó, chúng tôi chia nhau đi điều tra. Dần dần chúng tôi càng thấy rõ bộ mặt mưu mô xảo quyệt của thực dân.

Tâm lý của Pháp vào năm 1945 là rất căm hờn Nhật, vì nước này đã đánh bật họ ra khỏi Đông-Dương, làm họ phải chịu sự nhục bèn trời Đông nên đã dọn đường lấy lại Đông-Dương bằng một mưu mô phỉnh gạt. Họ định truất phế Bảo-Đại, cho là người liên kết với Nhật và

là tay sai của quân đội Phát-Xít rồi lợi dụng lòng mong ước một vị cứu tinh đứng lên giữ lại Chánh quyền của dân Việt-Nam để đưa Duy-Tân về nước, lấy danh hiệu là một cựu quân vương bị lưu đày trở về, đến tiếp tục chế độ thực dân. Họ đã đề mặc cho dư luận lầm tưởng rằng DUY-TÂN đang bị đày ở Réunion, trong khi đó, họ đang giáo hóa cho ông ta yêu mẫu quốc, trở thành tay sai cho mẫu quốc. Tuy nhiên ông ta vẫn còn yêu Việt-Nam, yêu đất nước của ông, nhưng ông đã mất lửa khi lầm tưởng rằng nếu muốn Việt-Nam độc lập phải nhờ đến xe tăng, thiết giáp, tàu bè... của Pháp.

Lần chúng tôi gặp mặt thì Duy-Tân lúc đó không còn một chút dấu vết gì của Duy-Tân thời xưa nữa. Sau khi đã giáo dục, bọn thực dân muốn cho ông từ chức Chuẩn-úy lên đến Đại-tướng. Với chức Đại-tướng này, Ông sẽ cầm quân viễn chinh Pháp trở về đuổi quân Nhật và cai trị Việt-Nam, và sau đó ông chỉ là một ông Vua bù nhìn đề cho thực dân chọn quyền thao túng.

Sau khi tìm hiểu ra sự thật, chúng tôi trở nên chán ghét con người Duy-Tân lạ lùng. Lòng kính cần triu mến không còn ở lại trong chúng tôi, mà chỉ thấy nơi ông ta một bộ mặt Việt-Gian cũng như bao tên Việt Gian khác lúc bấy giờ, mà càng đang ghét hơn những người này nữa vì họ chỉ là những người dân phản bội chứ không phải như là một ông Vua phản quốc rước voi về đầy mỡ. Tôi nghĩ Duy-Tân chẳng khác như Lê-Chiêu-Thống ngày xưa rước quân Minh về đầy xéo què hương đất nước. Một con người mà dân chúng Việt-Nam cứ tưởng đang bị chôn chân nơi chốn lưu đày vì đại cuộc thì lại thành thoi tại đây mưu toan phân lại dân tộc, nước nhà.

Ngẫu nhiên, sáu tháng sau lần gặp gỡ thứ hai, một ngày kia tôi bắt gặp trong một tờ báo Pháp, đăng nơi tít thật nhỏ nếu người không chú ý khó mà nhìn thấy, báo tin Duy-Tân khi về đảo Réunion thăm vợ con thì bị rơi máy bay trong một cánh rừng Phi-Châu. Lúc đó ông

ta chỉ mới đến chứ. Thiếu-tá. Số mệnh đó do trời sắp đặt, theo tôi nghĩ, có lẽ là một sự mai mắn cho dân tộc Việt. Nếu ông ta vẫn đi về bình yên thì có thể nước ta bây giờ đang ở trong một tình trạng khác. Thế mà, tìm trong sách sử, chúng ta chỉ thấy nói, năm 1946, Pháp đưa Duy-Tân về nước, song phi cơ rớt và nhà Vua từ nạn năm 47 tuổi.

Chúng ta có nên ca ngợi Duy-Tân không? Có nên là ca ngợi thời ông đã chống đối Pháp. Một thanh niên mới 17 tuổi đã dám kinh địch lại thực dân. Khó mà tìm được một thanh niên khác có bạo gan như thế; con người Duy-Tân đáng lẽ phải là một con người ái quốc, nhưng chỉ vì thiếu ý chí, thiếu nghị lực và thiếu tự tin khi thấy quân lực võ trang hùng hậu của thực dân mà quên đi sức mạnh của dân tộc mình đang hồi quyết thắng.

Tôi cảm thấy đau khổ khi phải nhắc lại câu chuyện này. Nó cũng là một điều đau khổ cho dân tộc Việt-Nam, và mỗi lần nhớ tới là mỗi lần tôi ghen ngào bức tức.

oOo

Kể lại câu chuyện trên đây, không phải tôi muốn dả phá một ai, chỉ trích một người nào, nhưng chỉ muốn phơi bày sự thật ra ánh sáng, sự thật về hành động của một nhà Vua, của Duy-Tân trong thời gian mà sách sử Việt-Nam và hậu thế vẫn cứ tưởng đang phải ở chốn lưu đày. Tôi chỉ được biết những sự kiện trên đây, viết chúng ra để mọi người thấy rõ và chờ sự

phán đoán của các sử gia, của các nhà trí thức; song tôi tin chắc rằng còn nhiều sự kiện nhiều tài liệu quan trọng khác mà một vài vị thức giả, hoặc không muốn khơi lại một chuyện quá khứ, hoặc chưa có dịp thuận tiện để nói ra. Chúng tôi xin chờ sự bổ khuyết của các vị ấy.

MỘNG-LINH

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ Lão - SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
Saigon số 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Điung midol
1360/BXT/SPDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

HỒ - XUÂN - HƯƠNG



*Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho*

NGUYỄN - VỸ

(Xem P.T. từ số 202)

V.—Kiêu-hãnh-tính của Phụ-nữ trong bài thơ « Đèo Ba Dội »

(Tiếp theo P.T. số 208)

Bạn đọc đừng nghĩ rằng tôi muốn đề cao thi tài Hồ-Xuân-Hương nên tôi đã cố tình giảm giá trị một bài thơ tả cảnh rất nổi tiếng của Paul Verlaine, thi hào Pháp ở cuối thế kỷ XIX. Tôi không phải là một Chauvin văn nghệ.

Nhưng, trong thế giới thơ lãng mạn bắt nguồn từ cuối thế kỷ XVIII, người ta không thể không công nhận hoàn toàn vô tư, và phê bình khách quan, rằng Hồ-Xuân-Hương là một bậc tiên phong

xứng đáng nhất, và độc đáo nhất. Đây tôi mới nói về phương diện lãng mạn thuần túy trong văn nghệ mà thôi, chưa nói đến trạng thái khác của lãng mạn Hồ-Xuân-Hương, mà ngay cả Apollinaire và Verlaine, hai nhà thơ cự bút của Pháp, cũng không vượt lên tới. Trạng thái mà tôi đã đặt cho một danh từ riêng biệt là « Trực giác Hồ-Xuân-Hương », là một hiện tượng không những trong văn học sử Việt-Nam, mà cả trong lịch sử văn chương và tư tưởng thế giới từ xưa đến nay.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Tả cảnh ĐÈO BA-DỘI, như trong tất cả các bài tả cảnh thiên nhiên của Hồ-xuân-Hương, cô nữ sĩ trẻ và lãng mạn của thành Thăng Long đã không cần vận dụng một xảo thuật nào của văn chương.

Nhưng mỗi chữ, mỗi câu rất giản dị của cô là một « hột mè » huyền ảo đã mở rộng cái cửa cấm của người đàn bà. Đó là một « Strip-tease ». — một thoát y — tác động với một phong độ tao nhã tuyệt vời. Đó là nghệ thuật thuần túy, nghệ thuật vĩ đại, mặc dầu những kẻ có ác ý chỉ cố tình nhìn nơi đó một khía cạnh tục tĩu dâm ô.

Từ câu mở đầu của « Hột mè ơi, mở cửa! » (1) Hồ-X-Hương đã đề cho chúng ta ngỡ ngàng thích thú với một nghệ thuật mà ta có thể gọi là « giải phẫu tả cảnh » (Anatomie descriptive).

Đúng ra, đó là nghệ thuật tượng trưng pha trộn nhiều màu sắc nghệ thuật cảm giác.

MỘT ĐÈO. MỘT ĐÈO.
LẠI MỘT ĐÈO. Với ba tiếng
dội dội Hồ-xuân-Hương muốn
chỉ dẫn cho độc giả từ đèo Ba

Dội ở Quảng-Bình nhìn thấy một cảnh đèo khác cũng thực tại, cũng thiên nhiên, nhưng chỉ nhìn qua tường tượng và cảm giác mà thôi. Thì ra, một bài thơ tả thực của Hồ-xuân-Hương còn là một bài thơ tượng trưng nữa. Người ta không thể tìm được trong văn chương Đông, Tây, Kim, Cổ, một thi tài nào siêu đẳng như thế.

Nhưng cái đèo thiên nhiên, vừa thực tại, vừa tường tượng đó ở nơi nào vậy? Bất cứ một người đàn bà hay một cô gái nào khác ở trên trái đất này cũng đều đỏ mặt thẹn thùng khi ý thức đến nó. Nhưng cô Hồ-xuân-Hương, và chỉ độc nhất có cô thôi, với ngọn bút tài hoa trinh tiết của cô, đã phác họa ra 3 nét, đề còn cố ý ám chỉ cho ta thấy rằng cảnh đèo đó có đến ba cái eo núi hiểm hóc cheo leo! Tuy hiểm hóc cheo leo, nhưng đẹp lắm, hấp dẫn lắm, cho nên nữ-sĩ đã phải khen:

(1) Theo sự tích « Sésame, ouvre-toi! » của cổ học Tây-phương.

KHEN AI KHÉO VẼ CẢNH CHEO LEO ! Cô khen đề « trấn an » những ai nhút nhát, sợ sệt, vì đây không phải hang hùm bang rắn mà là một cảnh trí rất là khéo léo nên thơ mộng. Cô khen « ai » ? Ta hiểu ngầm rằng « ai » đây là Thượng-đế, là đấng Tạo-hóa tài hoa thượng thặng, đáng tác giả siêu phàm mới khéo bày ra một cảnh đào Ba-dội cheo leo tuyệt tác như vậy. Ý cô muốn nhắn nhủ : chứ đừng tưởng do một bàn tay phàm tục nặn nọt ra đâu. Đó là KIỀU HẠNH TÍNH CỦA NGƯỜI PHỤ-NỮ phản ứng lại ý thức tục tĩu và khinh miệt của bọn phàm phu bên nam giới.

Đó chỉ là mở màn. Hồ-xuân-Hương muốn « thanh minh » về dụng ý của bài thơ của cô, trước khi phác họa một vài chi tiết. Như tôi đã nói trên, cô đã dùng ngòi bút Tiên đề gọi : « Hết Mè, mở cửa ! » và cửa đã mở,

ĐỎ-LOÉT BÙM-TUM MỐC.

Bức tranh thần tiên ấy đập ngay vào mắt mình một *Cửa son đỏ - loét* (cửa ải đào Ba-Dội) và cũng là cửa ải tượng trưng trong trực giác Hồ-

xuân-Hương. Với một vài danh từ và tính từ nổi bật, cô đã thi vị hóa một cửa ải, mà khách bàng quang nhạy cảm có thể tưởng tượng được liền.

Nên nhớ rằng chỉ có đền đài cung điện và các nơi oai nghiêm như các nhà quan, các đình chùa miếu, các thành lũy, các đồn lính các quan ải, mới được dùng *cửa son*. Vì theo nghi lễ thuở xưa, nhà thường dân, dù là nhà giàu, phú hộ, hay điền chủ, cũng không phép dùng cửa son. Cho nên có từ ngữ « *Sơn sơn thép vàng* », và *son* là màu mực đỏ riêng cho Thầy chấm bài, cho Vua, quan phê vào giấy tờ quan trọng. Một điểm *son* là một điểm tốt, một ấn *son* chỉ là ấn nhà Vua hay ấn quan mà thôi.

Thế mà cô Hồ-xuân-Hương, một thiếu nữ bình dân, làm thơ, chơi thơ, dơn với thơ, vẫn kiêu hãnh dám khoe với tao nhân mặc khách cái « *cửa son đỏ loét* » của cô, mặc dù nó « *bùm tum mố* », nó « *lún phún rêu* » nó có « *lắt lẻo cảnh thông cơn gió thoảng* », nó « *đầm đĩa lá liễu hạt sương gieo* ».

Nét bút tả cảnh và tả chân của cô, một hình thức « siêu chân »

rất tài tình, tế nhị, rất kín và rất hở, rất thiết mà rất hư luôn luôn pha nhuộm một màu sắc *kiêu hãnh*, sắc thái kiêu hãnh của phụ nữ, nhất định phải đề cao cái ở dưới thấp, phải thi vị hóa, thanh-tạo hóa cái mà người phàm trần cho là tục tĩu, thô hèn.

Thô hèn cái « *lắt lẻo cảnh thông cơn gió thoảng* » ?

Tục tĩu cái « *đầm đĩa lá liễu hạt sương gieo* » ?

Đâu là tục tĩu, thô hèn, cảnh trí thiên nhiên ngay trước *cửa son đỏ loét bùm tum mố* ? Tôi đã so sánh hai câu thơ này của Hồ-xuân-Hương với mười hai câu thơ của Verlaine, cùng một thi hứng trữ tình, ngập tràn ảo mộng. Nhưng đến khi đi sâu vào siêu thực của thể-chất thì « ánh trắng trắng » bên Tây phương bị lu mờ, mà trải qua thời gian và không gian « *hạt sương gieo* » cứ còn mãi *đầm đĩa* trên lá liễu ở cửa son của cô gái Thăng Long.

Nhưng ta phải tìm hiểu cô nữ-sĩ họ Hồ có dụng ý gì khi cô ám chỉ một « *cảnh thông* » lắt lẻo bên cạnh hòn đá xanh rì lún phún rêu kia ? Chỗ cửa son vào đào Ba-Dội, bao trùm chung quanh bởi cả một rừng rú hiem hốc, sao

Xuân-Hương chỉ mơ tưởng đến cây thông ? chỉ thấy có một cảnh thông ?

Đĩ nhiên, khách yêu thơ đã được truyền cảm trực giác Hồ-xuân-Hương. Trực giác và truyền cảm đều mãnh liệt đến mức độ không cần giảng-giải cũng trực nhiên hiểu rằng sự hiện hữu của cảnh thông nơi cửa son đỏ loét là tượng trưng cho dụng ý khéo léo tài tình của tạo hóa.

Nếu là cây tre đầy gai góc, hay cây lim to lớn kình kàng, thì còn gì là thơ mộng nữa ? Chỉ có cảnh thông mới hợp cảnh hợp tình, vì cây thông suông đuộc, thẳng thắn, không cao, không thấp, tuy nó cứng nhưng nó vẫn đủ sức dẻo dai để lắt lẻo du dương trong những cơn gió thoảng đêm ngày. Nữ-sĩ Xuân-Hương dùng chữ luôn luôn biết yêu chữ; chữ nào hợp với sự vật cô mới đặt vào đúng chỗ, để nó gọi được một cơn trốn say mê trong tiềm thức.

Tôi đã nói : cái trực giác của Hồ-xuân-Hương chính là bí quyết của thiên tài Hồ-Xuân-Hương. Thiên tài độc đáo chỉ ý thức phong độ của một *cảnh thông* và một *lá liễu* đủ làm nổi bật bức tranh cảm giác (tableau impressionniste) vô cùng linh động ấy.

(còn nữa)

ĐÁNH VỢ

★ NGUYỄN-ĐÔN-MÃN
(Giáo-sư Trung-học)

Tôi còn nhớ mang máng trước đây, trên mặt báo chí có một nhóm phụ nữ NTT nào đó đã phàn nàn trước dư luận về cái tục đánh vợ cổ truyền của dân tộc Việt Nam!

Nguyên nhân sâu xa của cái « tục » đánh vợ này phải chăng đã bắt nguồn từ văn hóa ngoại lai với chủ trương « Nam tôn nữ ty »?

Trước hết, tôi xin kể ra một giai thoại ngộ nghĩnh để chứng minh cái thói coi rẻ người đàn bà ở cõi Đông-Á.

Đời xưa, bên Trung-Hoa, có Phu-Công và Trương-vận-Sứ là hai bạn tâm phúc, thường giao du đi lại để uống rượu, ngâm thơ. Cái thú của hạng người trưởng giả, ăn không ngồi rồi, là vậy đó. Phu-Công có cô hầu đẹp, sắc nước hương trời và Trương-vận-Sứ thì có con tuấn mã, đi được ngàn dặm. Nếu đem so sánh thì bên kia được tám lượng, bên này

cũng nửa cân Nhưng khổ nỗi Phu-Công thấy ngựa tuấn của bạn cũng muốn và Trương-vận-Sứ thấy vợ bạn đẹp cũng ham! Thật là vấn đề nan giải. Nhưng rồi hai đảng cũng đi đến cái quyết định táo bạo « trao đổi hàng hóa » để thỏa mãn thị dục của mình.

Trương-vận-Sứ, khi rước được giai nhân về, mừng quýnh, làm một bài thơ tứ tuyệt, ghi lại một biến cố quan trọng và nên thơ xảy ra trong đời mình. Thơ rằng:

*Bất tích sương mao vũ tuyết
đề,*

*Đẳng nhân phân phó tặng
nga mi*

*Tuy vô kim lạc tề minh
nguyệt,*

*Khước hữu giai nhân bằng
ngọc bi.*

Tạm dịch:

*Tiểu gì con ngựa đẹp như
mây,*

ĐÁNH VỢ

*Ơn bác cho tôi đôi gái
này.
Giờ mất nhạc vàng rung bóng
nguyệt,
Nhưng thêm má phấn bạn
làng say.*

*Quán như thiên thượng vân.
Thiếp như lò trung yến.
Cao đề tuy hữu di,
Nhất phóng tiễn vô biên!
(QUÁCH-PHÁT)*

Tạm dịch:

*Chàng như mây mùa thu.
Thiếp như khói trong lò
Thấp cao tuy có khác,
Một thả cung tuyệt vời!*

Đứng về mặt Dịch lý mà bàn thì lúc khai thiên lập địa xa lắc xa lơ ấy, trong việc an bài vạn vật, Thượng-Đế đã có định kiến muốn nâng đỡ chị em quần thoa rất nhiều. Chúng ta thường nghe nói « âm dương » chứ không nghe nói « Dương âm » bao giờ. Như vậy thì cái trật tự nguyên thủy là « nữ tôn nam ty » chứ có phải đảo lộn xà ngang như Khổng-học là « nam tôn nữ ty » đâu! Nguyên do chính của cuộc đảo điên ấy âu cũng tại các bà phụ nữ thiếu tinh thần đấu tranh cho nên mới ra cái nông nổi bi đát này! Thật cũng đáng thương xót vậy thay!

Nhưng các bà sẽ tự hào và tự an ủi phần nào khi đọc bài thơ của một thi sĩ Tàu, nội dung đề cao giá trị người phụ nữ và nói lên tinh thần cảnh giác của người đàn bà đào tơ liễu yếu đang sống thoi thóp trong cảnh áp bức của bọn râu mày. Thơ rằng:

Trong lá thư « SOS » bỏ ngõ của nhóm phụ nữ NTT nói trên, họ có kể lẽ dài dòng, kêu ca ầm ĩ rằng chị em phụ-nữ, nhất là phụ nữ ở nông thôn thường bị bọn đàn ông « mất dạy » làm tàn, ra tay đập liễu vùi hoa tơi bời! Theo tôi thì đây là vấn đề nội bộ của các bà. Sự thật thì trong gia đình Việt-Nam ta, cái hiện tượng chồng đánh vợ không phải không có. Câu chữ Hán « Triều bất thực quả, dạ bất đắc thê », câu tục ngữ: « Khi giận thì đánh, khi quanh thì yêu » và câu ca dao:

*« Giận em anh đánh anh
lo,
Nộ bất cập lượng đánh rồi
anh lại thương ».*

ĐÁNH VỢ

đã chứng minh sự việc này một cách hùng hồn rồi.

Quả là trái ngược với cái « tục » nịnh đầm cô truyền của người phương Tây. Nơi đây, các gã đàn ông « ga-lăng » họ không hề đánh vợ, cho « đùa với một cành hoa ». Thì ra dân tộc nào tục lệ ấy.

Nhưng ngoài trường hợp vì « nộ mà đánh mà loi » thì thắng hoặc cũng có trường hợp vì « yêu » mà loi mà đánh chứ ? Bởi vì, nếu không, sao lại có câu nói đầu mỗi chót lược này : « Yêu nhau lắm cắn nhau đau ». Các bà chỉ thừa trường hợp thứ nhất mà dìm đi trường hợp thứ nhì.

Cái nguyên nhân nữa là ở như các bà không biết tự trọng mà ra. Nhưng lập luận như vậy là liên hệ đến vấn đề giáo dục phụ nữ. Nhất là phụ nữ ở nông thôn. Sở dĩ chị em phụ nữ ở miền đồng chua nước mặn, vì không ý thức được nhân phẩm, nhân cách của mình, cho nên mới « chịu lép mọi bề » âm thầm cắn răng chịu đựng mọi sự hành hạ bất nhá, vô phu của đức lang quân.

Người đàn bà ở xã hội cũ họ khéo ăn khéo ở với chồng con lắm họ biết nhường nhịn. Nhưng nhịn chứ không phải phục tùng.

biết làm lành trước cơn thịnh nộ của đức phu quân. Hai câu ca dao sau đây :

« Chồng giận thì vợ lùi lời,
Cơm sôi bởi lửa chả g rơi
hột nào »

và
Chồng giận thì vợ làm lành
Miệng cười hờn hờ rằng anh
giận gì ?

Thưa anh ! anh giận em chi ?
đã biểu hiện được rõ ràng điều ấy.

Nếu các bà có được tác phong : ôn, lương, khiêm, nhượng của các bậc nội trợ đáng kính ấy, thì chấn trong gia đình luôn luôn có sự êm ấm, thuận hòa và không bao giờ có nổi bất bình. sự cãi vã hoặc xảy ra những trận lôi đình, ầu ầu giữa chồng vợ.

« Dĩ hòa vi quý » là hơn. Bất dĩ trong sóng còn động, huống nữa là đạo vợ chồng ăn đời ở kiếp với nhau, sao cho khỏi có lúc « thượng cẳng chân, hạ cẳng tay » được ?

Vợ chồng khôn dại đóng cửa « dạy nhau » hay « đánh nhau » chớ đừng nêu vấn đề đánh vợ ra trước công luận coi nó kỳ cục quá ! Thưa, có phải không ạ ?

Và chẳng, đời nay người ta thấy cảnh vợ đánh chồng nhiều hơn là chồng đánh vợ. Có phải phụ nữ đời nay trả thù cho phụ nữ đời xưa ?

TRẦN-CAO-VÂN

Một thi nhân làm cách mạng

★ ĐẶNG-THỊ-SÍNH

MỞ 1 một dân tộc đều có những đặc điểm riêng của lịch sử. Lịch sử có bề sâu trong quá khứ, thì có có chiều xa trong tương lai. Lịch sử là tổ hợp tính chất sinh hoạt của từng cá nhân qua nhiều thời đại và rút từ đó ra những trọng điểm. Đó là những cuộc vận động của lịch sử. Không một dân tộc nào trưởng thành mà không có một lịch sử oai hùng. Các nước văn minh trên thế-giới tìm tòi và đưa ra ánh sáng những danh-nhân gọi là cha đẻ của cái này, cái nọ. Chúng ta ngày nay vừa đọc đến một khúc quanh của lịch sử, một tác-phẩm trường thiên và vĩ đại của dân tộc, nếu có bồi hồi và kiêu hãnh xin hãy dừng lại, và cũng hãy kiêu hãnh, trích một chi tiết rất nhỏ và rất xứng đáng của tác-phẩm ấy. Đó là bộ não và trái tim của một nhà chí sĩ : Trần-Cao-Vân.

Tuy không đi sâu vào sự nghiệp chính trị và cách mạng của ông, chúng tôi cũng xin phép ghi lại vài dòng tiểu sử. Sinh vào thời buổi nhiễu nhương của đất nước (Bình dân 1866) năm kinh kỳ bình biến (1885) Trần cao Văn đã từ giã quê nhà, ra đi để mưu đồ sự nghiệp cách mạng. Năm 23 tuổi, ông cùng Võ Trứ khởi nghĩa ở Bình-Định và Phú-Yên, nhưng bị thất bại (1898) bị tù 3 tháng. Sau đó ông lại bị tù 3 năm về tội lập thuyết « Trung-thiên-Dịch ». Đến năm 1909 ông bị đày đi Côn-đảo, 5 năm sau mới được trả tự do. Chưa hết, ông cùng Thái Phiên chủ xướng cuộc Cách Mạng Bình thìn (3-5-1916) với vua Duy-Tân nhưng vẫn bất thành (16-4 Bình thìn.)

Trần-cao-Vân, một thi bá:

Trần-cao-Vân quả có một bộ óc tổng hợp. Trên bình diện

thi ca, ông là cây bút trào phúng rất linh hoạt, ngoài những bài thơ có tinh thần cách mạng, thuật hoài... Dĩ nhiên thi ca của ông không có một ý niệm gì về « thơ mới » hiểu theo nghĩa hiện đại. Ông viết nhiều nhất là phú, ca trù, thất ngôn bát cú (nôm hán) và thỉnh thoảng ông cũng có viết lối thơ song thất lục bát. (1)

Thi ca của ông có một phong thái rất đặc biệt, bao gồm những tính chất của những nhà thơ Việt-Nam, hay rộng hơn, Á đông. Dù ở khía cạnh nào, những bài thơ của ông đều mang một thần thức của con người suốt đời làm con của một nước nô lệ. Nền có bao nhiêu bài thơ, với bao nhiêu đề khác nhau, chung qui cũng chỉ dưới một đề duy nhất, đó là những cảm hứng chân thành trước hoàn cảnh đất nước. Những rung cảm ấy rất cô độc, nhưng cũng rất xung động « Một bản tường ca dài 20 năm ấy (2) nào có kém gì bản tường ca 24 thiên của thi sĩ Homère ?

Nhưng có hạnh diện, chúng ta cũng lấy làm ngậm ngùi, vì tác phẩm của ông gần như hoàn

toàn thất lạc, với một số ít còn lại cũng đủ làm tiêu chứng cho lịch sử thi ca của ông.

Trước hết, thi ca của ông trên bình diện tổng quát, không chịu ảnh hưởng của ai, những sáng tạo độc đáo đã bao gồm hết những sáng tạo của các nhà thơ Việt-Nam. Ta thử xem một bài thơ của ông trong cuộc đối thoại giữa ông Bồ Chính tỉnh Phú-Yên, Bùi-xuân-Huyền, nhân có một con cóc đương nhảy ra :

*Muôn vật thân ta nghĩ lại
càng*

*Nội mình trông thấy cóc ngồi
hang*

*Áo sồi một tấm trời che đây,
Hang thâm mấy tầng đất*

mở mang

*Giếng ếch nỏ thềm đua lặn
hup,*

*Cung thiềm riêng ở mặc
ngình ngang,*

*Nghiến rắn sấm dậy chùng
ra cửa,*

*Lưỡi quét xong ruồi, kiến
thấy tan.*

(1) Xin xem « Cự Trần-cao-Vân » của Hoành Sơn.

(2) 20 năm làm cách mạng »

« Một hôm nọ, tại nhà một đồng chí, nhân chờ đợi đến giờ khai hội, các cụ bày ra cuộc đánh cờ, cụ Cao Vân thắng luôn mấy bàn, nhân đấy cụ Vịnh bài thi đàn đề, bàn cờ thắng ». (1)

*Đừng quen pháo mạnh vọt
ngang cung,*

*Mệnh tướng truyền ra sĩ vẫy
vùng.*

*Voi ngự thân chinh toan mở
nước,*

*Binh triều ngự giá giục sang
sông.*

*Xe liên vạn sát kinh tài cả,
Mã nhứt song trì mặc sức*

tung.

*Sau trước trong tay rảnh
rời nước,*

Cờ cao Hán tử dễ đưa cùng.

Có những bài ông khẩu chiếm rất độc đáo không giống một sắc thái nhà thơ nào, chẳng hạn :

Vịnh con tôm :

*Loài ở lộn bùn cũng mọc râu
Ngo nghoe nỏ biết mồi gì*

đầu

*Cong lưng chỉ ỷ tài đâm bắn
Lổ mắt không dò lạch cạn*

sâu.

*Ngoài ủ lồm xồm cang múa
gọng,*

*Trong oi sùi sụt đit co đầu
Giờn rỗng ta bảo đừng quen*

thối

Một nhủi là xong lọ tát, câu.

Nhưng mai mĩa hơn, di dỏm hơn, thích thú hơn, khi ta đọc qua bài, (không có đề) :

*Không lẽ trời sinh một cục
gì,*

*Cục gì ủa lạ cái chi chi !
Chi chi ai hỏi chi chi rừa,*

*Rừa rừa mình theo rừa
rừa ỉ !*

*Ỉ đại khôn gì ai cũng trời,
Trời khen che mặc lúc ra rì.*

*Ra rì ra rừa ở không lẽ,
Không lẽ trời sinh một cục*

gì ?

Hoặc như :

Cũng có nhiều bài tha thiết mới nghe như tưởng Trần tế Xương viết trong lúc buồn :

*Xe trở bánh gần hết khúc
eo*

*Trông chồng chi lắm mặt
buồn teo*

(1) trích « Cự Trần cao Vân » của Hành Sơn trang 120

Thân chàng chắc vững không
 nao núng
 Dạ thiếp đừng lo chút meo
 meo
 Trương liễu xú nàng khuyển
 hãy giặc
 Vườn đào sẵn giống để rồi
 gieo
 Thung dung mặc sức cùng
 nhau sẽ...
 Chóp núi thôi đừng ngó
 mỗi theo.

Không khi ấy bằng mắt. Hình
 như ta lại thấy Lê thánh Tôn
 hiện ra dưới ngòi bút Trần cao
 Vân, với những bài thơ khẩu
 khí duyên dáng.

Vịnh cối xay
 Khen ai xưa đã khéo trên
 bày
 Tạo cối này ra vốn để xay
 Gốc tí cần khôn trồng giữa
 rốn,
 Cán dẫn tinh dầu vẫn trong
 tay.
 Nghiến răng tựa sấm i ầm
 dậy
 Mở miệng dường mưa lác
 rắc bay
 Từ trụ dưới nhờ chân để
 vững
 Cùng trên phụ bật sẵn hai tay.

Có một hôm, nhân đi qua tỉnh
 Phú Yên, thấy hai quả núi cao
 vút, một tên là Hòn Ông, một
 tên là Hòn Bà. Đương lúc hứng
 ông đọc luôn tám câu :

Đất nén trời nung khéo định
 đòi
 Hòn chông đực cái sánh hai
 ngôi
 Ông xây nên đồng cây trời
 sụt,
 Bà đúc y khuôn đá mọc chồi.
 Mây núi phủ giăng màn tỉnh
 túc
 Nước khe hầu rót chén giao
 bôi
 Non thề giao lão trơ trơ đầy
 Gió chẳng lung lay sóng
 chẳng đổi

Hoặc như Nguyễn-công-Trứ
 lúc hàng hải muốn ra giúp nước :

Chi quyết tang bồng võ bốn
 phương
 Chông năm chi để ghé râu
 vương
 Ba thù quyết trả đền ơn
 trọng.
 Một giận mong ra gỡ tiếng
 ương
 Nợ nước đã toan tròn nghĩa
 vụ

Tình nhà đành gác nỗi tư
 lương
 Nam Mô nguyện trả xong
 rồi nợ
 Mỗi thánh đem về cõi Hạ
 Thương.

Nhưng dù ý nguyện không
 thành, cũng như Nguyễn-công.
 Trứ, ông vẫn tha thiết :

Năm Quí Sửu tuổi vừa bốn
 tám (1)
 Tóc râu đã tuyết điểm hoa
 râm
 Năm gương soi nghĩ tới buồn
 thăm,
 Nhỏ rồi lớn, lớn rồi già
 Một hạt cát nổi chìm trong
 đáy bể
 Cánh chim hồng cao thấp ở
 bên trời
 Từ một mươi, hai mươi, ba
 mươi
 Đến năm, sáu, bảy, tám, chín,
 mười mươi
 Rồi một kiếp cũng ngang
 tàng cho mãn kiếp !

Vậy có câu thơ rằng :

Nhập thế cực bất khả vô
 công nghiệp
 Xuất mẫu hoài tiện thị hữu
 quân thân

Lúc thiếu niên đã lỡ bước
 thanh vân
 Nay lão mao phải cam bề
 bạch hổ
 Nơi nhà mạc gái trai đều đủ
 Có vợ có con có thầy có tớ
 Chữ tề gia là chữ tiểu kinh
 luân
 Sẵn ngày xuân rượu thịt một
 vài tuần
 Minh gục gác một mình coi
 cũng thú
 Say dựa ghế ngâm thơ cho
 vợ ngủ
 Buồn chong đèn đánh kiệu
 với con chơi
 Gia đình này cũng đủ thú
 mình vui
 Lọ là phải xanh vàng cho
 nhọc xác
 Đường thế sự xưa nay đổi
 khác
 Gấm bắt tài khó nổi bòn
 chôn

(1) Bài này viết trong đêm ba
 mươi tháng chạp năm Quí Sửu
 (tháng giêng, 1914) tại nhà giam
 Hôi An trong lúc ông sắp sửa
 được gặp lại gia đình. Trước đó
 vài giờ, ông còn ở trên chuyến
 tàu phóng thích tội nhân từ Côn
 đảo về.

Giăng tay một bức hoành môn
Rồi đây khôn đại, đại khôn
vời đời.

Nhưng chưa hết, thi ca của
ông còn chất chứa nỗi lòng của
một Phan-chu-Trình hay một
Phan-Kh i sau này :

Vấn dư hà sự đảo côn lân
Tứ vọng thương mang ỷ
ngục môn
Trung quốc vị thù nam tử
trái
Hiếu gia du hãm lão thân
tồn
Ngư thơ hải ngoại truyền
lâm huyết.
Kính hống thiên biên tỉnh
mộng hồn
Hồng lạc hồi tư khai Việt
Tò
Thử thân thế hữu thử càn
khôn

Chúng tôi xin mạn dịch :

Ta đến côn lân ý nghĩa nào
Dựa tù trông biển ruột nao
nao
Nam nhi nợ nước chưa đền
trả,
Lão phụ tình nhà biết nói
sao,
C m khái, cá mang vào

biển rộng,
Tĩnh hồn, sóng vô dưới
trời cao
Ngàn năm Hồng lạc ơn từ
trước
Nguyễn vời trời xanh tấc
dạ hảo.

Và như

Phương châm vị định khôn
tâm huyền
Đa tích nhiệt thành dĩ hữu
niên
Bất đảo Côn lân chân lạc
địa,
Yên trí hoàn hải đại toàn
thiên
Ngô đồ lạc lạc hưu đa thân
Tạo chủ thương thương tự
hữu quyền
Tối thị anh hùng mà luyện
xử
Cồ kim kỳ cục hữu kỳ
duyên

Chúng tôi xin dịch :

Chưa vạch đường đi khó
đứng ngồi
Đồ mưu chữa vện đã già rồi
biết
Quê tù chẳng đến sao mà
Đất lạ không vào cũng uống
thôi

Bạn nhé ! cần chi than với
trách,
Trời kia, đã sẵn thứ cùng
ngồi
Xưa nay cuộc lạ sanh diễm
lạ
Quả thật anh hùng thăm
luyện tôi

Với bao nhiêu hình ảnh ấy,
ông vẫn chưa toại ý, ông còn
thấp thoáng bóng dáng nhà thơ
cách mạng Phan-bội-Châu chạy
ngược chạy xuôi :

Toan liệu mần răn chẳng
lẽ ngồi
Đá vàng lâu cũng đồ mồ hôi
Ngược lên sơn lãnh mưa
tuôn ngược,
Ngó xuống Trường an nước
chảy xuôi
Còn nước còn non còn vô
tru
Có trời có đất có vua tôi.
Cậy ai nhần hỏi anh hùng
khách

Toan liệu mần răn chẳng lẽ
ngồi ?

Trên lãnh vực thi ca, với tư
thế hiên ngang đó, ta không
lấy gì làm lạ lắm. Vì cuộc đời
của ông, lúc đi tu, lúc làm cách
mạng, lúc vào tù, lúc làm thầy

dạy học, lúc bói quẻ... cũng đã
nói lên tính chất ấy rồi. Còn
gì nữa mà không thiết lập một
chỗ ngồi đặc biệt trong lịch sử
văn chương ? Kết luận mục này
chúng tôi xin chép ra đây một
bài thơ của ông làm trước khi
ra pháp trường Huế :

Trung lập kiên khôn bất ỷ
thiên
Việt-Nam văn vật cổ lai
truyền
Quân dân cộng chủ tinh
thần hội
Thần tử tôn châu nhật
nguyệt huyền
Bách Việt sơn hà vô bạch xỉ
Nhất xang trung nghĩa hữu
thanh thiên
Anh hùng để cực hưu thành
bại
Công luận thiên thu phó sử
biên (1)

(1) Chúng xinlời dịch :

Đứng giữa càng khôn chẳng
ngửa nghiêng
Việt Nam văn vật tự xưa
truyền
Vua dân một dạ xây bờ cõi
Con cháu ngàn năm giữ
mỗi giềng

Đề lại núi sông người nghĩa
 khi
 Phù cho trời đất tấm trung
 kiên
 Anh hùng đầu luận câu
 thành bại
 Phải trái muôn đời có sử
 biên

Bây giờ xin mời đọc giả cùng
 chúng tôi đi vào bài thơ dưới
 đây của ông :

VỊNH TAM TÀI

Trời đất sinh ta có ý không
 Thuở sinh trời đất có ta
 trong
 Ta cùng trời đất ba ngôi
 sánh
 Trời đất in ta một chữ đồng.
 Đất nứt ra ta trời chuyển
 động
 Ta thay trời đất mở mênh
 mông
 Còn trời còn đất còn ta mãi
 Trời đất ta đây đủ hóa
 công (1)

Chúng ta đã thấy gì trong
 bài này ? Hãy yên lặng để
 cảm thông.

Trước hết, một quan niệm về
 bình đẳng của con người trước
 thiên nhiên, Trần Cao Vân đã

đặt lên hàng đầu, đó là gần là
 máu, là tim, là hơi thở của tự
 do, không bị cấm đoán bởi một
 quyền lực nào. Những thiêng
 khi kết tụ lại thành hiện hữu.
 Dù trời đất có ý, dù trời đất
 không ý, con người vẫn hiện
 hình — Ta vẫn hiện hình, và
 đối tượng của hiện hình là thoát
 hình đó là một hiện tượng sinh
 hóa. Ngay đây tác giả đã tổng
 hợp hai quan niệm siêu đẳng
 của Đông và Tây phương.

(1) Trong « cụ Trần Cao Vân »
 của Hành Sơn, trang 102 ghi :
 « Trời che đất chở ta thông
 thả ». Chúng tôi xin đính chính
 điểm này :

Cuộc đời Trần Cao Vân là một
 chuỗi ngày đầy hoạt động bất
 chấp nguy hiểm. Thế ông đâu
 dòi hỏi đến sự thông thả tiêu cực
 ấy. Hơn nữa khi vị và ý nghĩa
 câu thơ này đã không hợp với
 toàn bài mà lại giảm giá trị nữa
 là khác. Chúng tôi tuy không có
 chính bút của cụ Trần Cao Vân,
 nhưng một môn đồ của cụ hiện
 nay còn sống và có cho xem bài
 thơ ấy do ông ta chép lại khi cụ
 đọc. Trong « Hương bình thi
 phẩm » một tác phẩm được nhiều
 người biết đến, cũng chép như
 của Hành Sơn.

« Thuở sinh trời đất có ta
 trong » là một câu trả lời chân
 xác cho câu đầu, cũng nói lên
 một quan niệm căn bản của nhà
 Phật : Vô thủy. Đối tượng của vô
 thủy là vô chung. Cùng một lúc
 nói lên thuyết tương đối, không
 có cái nào sinh trước cái nào.
 Đối tượng của tương đối là tuyệt
 đối. Tuyệt đối của một trạng thái
 siêu thực : chưa có gì hết là
 tuyệt đối theo quan niệm vô
 thủy. Nhưng không thể chưa có
 gì được. Đó là tuyệt đối đã bao
 trùm một tuyệt đối của tương
 đối : tuyệt đối siêu thực.

Con người dù nhỏ bé, nhưng
 con người vẫn là một tiểu vũ
 trụ, dĩ nhiên có những cấu tạo
 bí mật, mà những cấu thể là
 do sáu công năng tạo ra theo
 nghĩa nhà Phật. Những bí mật
 đó không biết bao giờ con
 người mới tìm hiểu hết nguyên
 nhân sinh cấu của nó. Đối
 tượng của tiểu vũ trụ là đại
 vũ trụ — là vũ trụ. Một vũ trụ
 đương nhiên sánh với một vũ
 trụ, nói khác đi, con người hòa
 vào thiên nhiên, hòa vào vạn
 vật — hòa vào vũ trụ đó là đại
 hòa. (1). Cao hơn đại hòa, là
 đại nhập. Đó là bậc của những

vị toàn giác.

Chính câu 3 và câu 4 đã nói
 lên quan niệm ấy. Từ chỗ hòa
 đồng đi đến chỗ tương quan
 của con người và tạo vật :
 « Đất nứt ra ta trời chuyển động »
 Nhưng cũng từ khởi điểm
 tương quan ấy, đi lên tức là tạo
 những khám phá : « ta thay
 trời đất mở mênh mông », đứng
 trên lập trường Nho giáo đó
 là « kinh bang tế thế » nhưng
 đây, trời đất đã mênh mông,
 còn gì mà mở mênh mông nữa ?
 Mở nước ư ? Giúp đời ư ? Hiểu
 như thế rất hẹp 'hỏi theo y
 nghĩa của bài thơ này. Ở đây,
 có một tinh chất triết học :
 tâm thức con người diễn biến
 hường thượng. Cái gì cũng còn,
 cái gì cũng mất « không có cái
 gì tự sinh cũng không có cái gì
 tự diệt » (Rien ne se perd,
 rien ne se crée) : « còn trời
 còn đất còn ta mãi » : quan
 niệm vô chung của nhà Phật,
 mà câu thơ thứ nhì tác giả
 muốn nói đến.

Câu cuối cùng dĩ nhiên đúc
 kết những tư tưởng trên. Một
 bài thơ tám câu, 56 chữ đã bao

(1) giống như « lục hòa » của
 Phật giáo.

gồm được các nền triết học của Đông Tây kim cổ. Biết thế, chúng ta không lạ lùng gì khi Trần cao Vân chủ xướng thuyết « Trung thiên dịch » một tổng hợp hai tư tưởng của hai triết gia phi thường của Trung-Hoa cổ đại. Phục Hy đề xướng « Tiên thiên dịch », Châu văn Vương đề xướng « Hậu thiên dịch ».

Không Từ, về sau lại sang định lại 2 dịch ấy, gọi tắt là Kinh dịch. Khổng Minh và Trang Trình đã trở thành bất tử khi đi vào hai dịch này. Trung thiên dịch ngoài sự tổng hợp, còn thêm vào đó một sáng tạo, đó là một học thuyết mới mẻ nhất xưa nay, Trần cao Vân đã nắm được « Trục vận động ». Điểm cố định - Trung thiên. Có cố điểm, mới có quan điểm. Cố điểm là khởi điểm để đi vào 2 dịch.

Nhưng ta thử cho rằng, Trung thiên dịch là một thuyết sai lầm, nhưng có ai, phủ nhận giá trị hiểu biết của ông. Muốn làm Trung thiên dịch, dĩ nhiên ông phải thấu triệt hết tiên thiên dịch, và hậu thiên dịch. Chẳng

đó đủ sánh ngang vai với một Khổng Minh với Trung quốc, với một Trang Trình của ta chưa ?

« Nhưng thông dịch, giới quốc chưa phải đủ điều kiện để khởi xướng thuyết dịch thứ ba nếu không phải một thiên tài » (1).

« Trần cao Vân biết trước quả là một lời đồn không ngoa (hiện nay còn một vài nhân chứng của con người phi thường ấy). Nhưng có người cho rằng, Trần cao Vân biết trước mọi việc mà sao vẫn bị thất bại ? — Biết là một việc, làm là một việc khác nữa. Phạm-Tăng há không biết Hạng-Võ không phải là mình chủ đẩy tr ? Sao Phạm-Tăng vẫn một lòng phò giúp. Khổng Minh cũng biết được sự nghiệp Lưu-Bị không thành, mà vẫn không nản lòng.

Rủi thay, Trung-thiên-dịch này đã thất truyền ! Vì những tài liệu sơ khởi đã bị đốt và bị tịch thu. Ý nghĩa và công dụng của nó, ông đã ôm trọn và chôn vào hư vô.

(1) Cụ «Trần cao Vân» của Hành Sơn trang 155

CÁ BIỂN VIỆT-NAM

► LÊ-QUANG-NAM

(K.B.C. — 4714)

CÁ là một nguồn lợi thiên nhiên vô tận của các quốc gia trên thế giới, trong đó Việt-Nam có thể hãnh diện đứng hàng đầu các quốc gia khai thác loài hải ngư.

Việt-Nam có khoảng 2500 cây số bờ biển từ Mong-Cáy (Bắc-phần) đến tận Hà-Tiên (Nam-phần) với một diện tích 326.000 cây số vuông.

Bờ biển V.N. có hình thể giống hình chữ S và nhô ra Đông Hải nên được mô tả như chiếc bao lon trông ra Thái-bình-Dương. Một vài đặc tính của nó cho ta thấy những nơi nào có đồng bằng thì bằng phẳng, bờ biển nông cạn, có lắm cồn cát hay đầm rộng như bờ biển Bình-Trị-Thiên (Bình-Định, Quảng-Trị và Thừa-Thiên). Những nơi có núi thì bờ biển khúc khuỷu và sâu nhô đó mà sự giao thông bằng đường bằng hải rất an toàn

Trong khuôn khổ khuyếch trương kinh tế, bờ biển VN được ghi nhận là nơi có nhiều cá tôm nhất và còn lắm ruộng muối bao la như các đồng muối Nam Định, Nghệ-An, Khánh-Hòa, Ninh Thuận, Bình-Thuận, Phước-Tuy Rạch-Giã, Do đó ngành hải ngư nghiệp VN hội đủ điều kiện thiên nhiên để phát triển, kỹ nghệ nước mắm phần lnhnh cùng sự giao thông hàng hải với ngoại quốc rất thuận tiện dễ dàng.

Với địa thế như vậy, bờ biển VN được chia ra làm 4 đoạn như sau :

* Đoạn thứ nhất : Từ Mong-Cáy đến mũi Đồ-Sơn (dãy núi Đông-Triều ra tận biển) : bờ biển khúc khuỷu tạo thành những vịnh đẹp đẻ như vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long. Ngoài ra còn hai hải cảng quan trọng như Hải Phòng, Hòn Gaĩ

và nhiều đảo lớn Cát Bà, Kế Bào, Cái Bàn, Cái Bàu, Bạch Long Vĩ cùng những Hang Hanh, Hang Đầu Gỗ, Động Ngạc Nhiên ngoạn mục.

★ *Đoạn thứ hai* : Từ Móng Cáy đến mũi Phương Mai — hay mũi Én — (Bình Định). Bờ biển đa số là đồng bằng nên địa thế tương đối bằng phẳng. Một vài nơi cũng có những mũi đá nhô ra tận bờ biển hay ngoài khơi như một hòn tiêu đảo.

Ở đoạn này có những mũi đá chính như các mũi Đồ Sơn, Sầm Sơn, Mạnh Sơn, Mũi Lài, Mũi Rạn, Mũi Chân Mây, bán đảo Tiên Chà và Mũi Ba Làng An. Song Song có nhiều đảo đáng kể như Biện Sơn, Hòn Cỏ, Hòn Sóc, Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré, quần đảo Tây Sa và một hải cảng Đà Nẵng quan trọng bậc nhất nhì. Quần đảo Tây Sa cách Đà Nẵng 300 cây số, với 10 cây số vuông diện tích có 2 nhóm :

— Amphitrite có đảo Boisée lớn nhất.

— Criissant có đảo Pattle to hơn cả.

Nguồn lợi chính ở đây là phân chim.

★ *Đoạn thứ ba* : Từ mũi Phương Mai đến Mũi Dinh : khúc khuỷu vì miền núi và Cao Nguyên Nam Trung phần ăn ra tận biển tạo thành những vịnh thiên nhiên và đảo. Những mũi đá chính như : Phương Mai, Cù Mông, Dinh, Diêu (hay mũi Nây) và các vịnh quan trọng là Nha Trang, Cam Ranh (Ba Ngòi). Cuối cùng có nhiều đảo đáng kể là Hòn Tre, Hòn Thanh và Hòn Lớn.

★ *Đoạn thứ tư* : Từ Mũi Vinh đến Mũi Hà-Tiên. Đoạn này chỉ khúc khuỷu từ nơi xuất phát đến mũi Lại Sơn và bờ biển Hà Tiên còn kỳ dư thì bằng phẳng. Ngoài khơi về phía Đông Hải có nhiều đảo quan trọng như Hòn Chàm, Trường Sa, Lao Câu, Cận Địa, Phú Quý, Côn Sơn và trong vịnh Thái Lan có đảo Phú Quốc, hòn Rái, hòn Khoai. Thêm vào nhiều mũi đá chính là mũi Né (tục gọi là vịnh Vi Nê), mũi đá (hay đá Ông Địa), mũi Kê gà và mũi Kỳ vân. Ngoài ra còn có hai vũng lớn là Vũng Tàu, vũng Cà Ná.

Những yếu tố thiên nhiên trên được kết hợp lại tạo cho hải phận V.N. thành một kho tàng hải ngư to tác và bất tận với gần

400 loại cá khác nhau mà miền duyên hải tỉnh Bình Thuận được coi là quan trọng nhất.

Nói đến Bình Thuận người ta nghĩ ngay nước mắm và vô số loại cá danh tiếng như : cá Thu, cá Mòi, cá Nục, cá Bạc má, cá Chim, cá Mai, cá Hồng, cá Mú, cá Chép, cá Hanh v.v... cùng nhiều loại hải ngư có tên ngộ nghĩnh : cá Bàng chạch, cá Bàng sa, cá điện giật (hay cá nức) cá ướp giấy, cá sạo, cá gùgung...

Sự cấu tạo và cơ thể cá

Cá thuộc loài có máu lạnh.

Cá có hình dáng đẹp ở hai bên (giống cái thoi) và nhờ thể cá mới tiến nhanh trong nước được. Mình cá có vây che quanh và thêm một lớp da mỏng (biểu bì) bao ngoài. Sự sắp xếp của vây cá trông như mái nhà lợp ngói. Hai bên mình là lớp vây lớn, mỗi cái mang ở giữa một ống nhỏ phủ đầy thần kinh của cá. Vây không dính liền thành một lớp da bọc như các loài bò sát (do biểu bì sinh ra) mà là từng cái vây rời. Như loài cá Mập (nhám — Requin) cá Đuối (Raie) lớp vây gọi là Placoides không khác gì răng có chất ngà

ở trong, ngoài có lớp men bao bọc, chân nở ra chôn trong da và tiếp nhận mạch máu cùng dây thần kinh.

Da cá có hai phần : biểu bì ở ngoài và nội bì ở trong. Biểu bì có nhiều lớp tế bào kết thành trong đó có một số tế bào hạch sinh ra chất nhờn giúp cho vây luôn luôn trơn và ướt, ngoài ra còn đóng vai trò bảo vệ sinh tồn nữa. Những cuộc thí nghiệm đã chứng minh : chùi sạch chất nhờn của một con lươn rồi đem bỏ vào nước thì nó sẽ chết sau đó chẳng bao lâu.

Phần nội bì có thớ thịt, gân, mạch máu và các tế bào màu sắc (Choromato phores). Tế bào được xếp thành lớp ngang dọc như lá ván ép nên chắc nịch như da loài cá nhám chẳng hạn.

Thứ đến là vi kỳ và cái đuôi đẹp. Vi (vây) có 2 loại :

— Vi kép ở bụng và ức.

— Vi đơn ở lưng và tận hậu môn. Vi cá là một số xương mềm hình rẽ quạt có 1 lớp màng thật mỏng dính chặt nên có thể xòe ra hay xếp lại.

Công dụng của vi đơn là giữ cá được thăng bằng. Vi kép thay

thể tứ chi của loài có vú dùng trong việc bơi lội.

Trong việc xếp loại cá, vi giữ vai trò quan trọng. Người ta tìm ra công thức (formule radiare) trong đó các mẫu tự A, C, D, P, V để chỉ cho :

— Vi hậu môn (A) : có 2 xương cứng và 8 xương mềm (sụn)

— Vi đuôi (C)

— Vi gáy (D) : 2 vi gáy có 1 vi 14 xương cứng và 1 vi có 1 xương cứng, 15 xương mềm.

— Vi ức (P)

— Vi bụng (V).

Đầu cá có hình hơi nhọn trên chót nón, miệng chẻ đôi, môi nhô ra, bơi mắt tròn lớn ở hai bên đầu và không có mí. Cá có 4 lỗ mũi, ở mỗi cặp mũi có 1 lỗ cho nước ra và một lỗ rút nước vào. Sau mắt có hai cái nắp lớn gọi là xương mang dùng để bao và che chỗ go. Cá cũng có lỗ tai nhưng ta không thấy được.

Mình cá ăn liền với đầu, hai bên mình hiện ra 1 đường rõ rệt chạy từ mép mang đến chân đuôi do một số vây có lỗ tạo thành. Dưới vây có dây thần kinh quy tụ để báo cho cá biết các luồng sóng cùng những sự

rung động rất nhẹ của nước do các con mồi hay kẻ địch gần nó chuyển lại.

Cũng như các động vật có xương sống, thân thể của loài cá cũng mang một :

— Bộ xương.

— Bộ máy tiêu hóa.

— Bộ thần kinh cùng các cơ quan sinh dục. Ngoài ra còn có 1 cái bong bóng giúp cho mình cá bớt nặng có thể lướt nhanh nhẹn trong nước.

Ở bộ xương sống của cá, ta thấy xương sống ở giữa, phía lưng và bụng có những hàng xương nhỏ hơn gọi là xương « hom ». Còn các loại xương khác phụ giúp cho vi cá có chân bám cứng.

Đầu cũng có nhiều xương nhỏ tạo thành. Xương cá cứng hay mềm tùy theo loại :

— Loại có xương cứng thì đầu có lẫn xương và sụn.

— Loại xương mềm thì đầu toàn bằng sụn dính nhau như chiếc hộp. Số xương đầu của cá bằng 5 lần số xương của đầu người.

Bộ máy hô hấp của cá gồm có mỗi bên mang 4 lá go (như

go vệt vải) dùng để thở. Cá hút nước vào miệng, nước sẽ chui qua go màu đỏ (vì chứa nhiều mạch máu). Chất oxy tan trong nước được máu tiếp nhận và chất acide carbonique do máu nhả ra được nước cuốn theo ra mép mang.

Trong bộ máy tuần hoàn thì tim của cá nằm dưới go có 2 ngăn :

— Ngăn tai để thần nhận hồi huyết quản.

— Ngăn bụng, đẩy máu qua go để theo phát huyết quản phân phối máu đỏ đi nuôi cơ thể.

Bộ máy tiêu hóa của cá rất ngắn, gồm có 1 cuống họng nhỏ, 1 bao tử hình bầu dục và 1 chum ruột cụt nhâm ở mặt trong.

Răng cá có nhiều hình thể tùy theo loại như răng cá mập (Requin) nhọn, hình tam giác và rất mạnh xếp thành nhiều hàng song song lớp trong thay thế lớp ngoài. Lớp răng trong nghiêng đầu vào bên trong chờ đến lúc lớp răng ngoài rụng để thay thế. Răng cá đuối bằng mặt như hàng gạch dùng để xây nghiêng vỏ ốc sò.

Loại cá có xương cứng đều có răng nhọn giống nhau, mọc thành nhiều hàng trên hàm, có khi mọc cả ở miệng trên và dưới. Ngoài ra còn có 1 loại răng nữa mọc ở tận đáy miệng tại hai bên họng gọi là răng họng (dents pharyngiennes)

Bộ thần kinh của cá gồm có cả đầu não và tủy cùng các dây thần kinh để báo hiệu cho não tủy đồng thời ra lệnh cho các bắp thịt cử động. Cá cũng có khứu giác thần kinh và vị giác thần kinh. Đầu vị giác là những mụn nhỏ ở miệng, râu, đầu và cả trên mình.

Các cơ quan sinh dục và bài tiết của cá có lỗ hậu môn, lỗ sinh dục và lỗ tiểu tiện. Tất cả đều xếp hàng ở dưới bụng kế sau vi hậu môn. Trong việc bài tiết, thận cá giữ vai trò quan trọng làm điều hòa độ mặn trong máu. Bộ sinh dục có liên hệ sinh lý với các hạch nước tiểu do đó tinh dịch và nước tiểu cũng tiết ra cùng một chỗ.

Thường thường cá đẻ ra hàng trăm ngàn trứng để rồi nẩy nở ra cá con. Tuy nhiên cũng có một vài loại sinh ngay ra cá con như cá Torpille (cá điện giật hay điện ngư ; tiếng địa phương

của ngư dân tỉnh Bình Thuận gọi là Cá Nức). Loại này cá con nằm trong bụng mẹ mấy tháng liền mới sinh ra ngoài.

Tinh dịch của cá có khi phủ trứng trong bụng cá mẹ hoặc phủ trứng đã sinh ra ngoài như cá chép. Cá cũng có hai giống đực và cái, nhưng lại có loại lưỡng tính đồng thể (nửa đực nửa cái) như cá Perche. Loại này hạch sinh dục vừa gây ra trứng vừa tạo ra tinh dịch để trứng nở ra con trong lòng cá mẹ.

Ngoài ra còn có chất kích thích tố chấp chứa ở trong cá đực gọi là màng động phòng để cho trứng thụ tinh mới nở ra cá con. Đến thời kỳ phát dục, da cá cũng thay đổi hoặc dày thêm như ở con lươn hay nổi lên nhiều nốt nhỏ và đen trên đầu như ở cá chép. Đồng thời cũng trong giai đoạn này mình mẩy con cá cái có màu sắc rực rỡ như cá chép vây ngà màu cam hay vàng.

Tuy nhiên khi có bệnh ngoài da thì màu sắc cá cũng thay đổi và phần lớn cá có thể điều hòa màu sắc cho thích hợp với nơi sinh sống.

Và thị giác của loài cá có phần liên hệ đến việc thay đổi màu sắc. Muốn biết chắc chắn thời kỳ phát dục của cá, người ta có thể dùng tay để biết nếu là cá thì cơ thể mềm mại, rất nhơn, và thấy nhám đó là cá đực. Ta có thể phân biệt được cá đực hay cái là nhờ ở bộ phận sinh dục:

— Cá đực, lỗ sinh dục nhỏ và lõm vào.

— Cá cái hơi lồi ra và có chất nhơn.

Trong khi phát dục cả hai thường có vẻ hấp tấp.

Bong bóng cá là một cái túi chứa đầy không khí ăn thông với cuống họng và thất lại ở bụng, nên coi như có hai phần 1 lớn 1 nhỏ. Cá chép dùng bong bóng để nổi lên hay chìm xuống. Về mùa lạnh, cá chép ẩn mình dưới bùn nhện ăn hàng mấy tháng, đợi nước ấm mới trở về đời sống bình thường.

Bong bóng cá có 4 công dụng:

— Giữ thể đứng trong nước, ở nước ngọt, tỷ trọng cá tương đương với tỷ trọng của nước.

— hô hấp: ăn thông với bộ máy tiêu hóa và miệng cá. Gặp

trường hợp trong nước thiếu dưỡng khí, cá không dùng go để thở được thì nó sẽ dùng số dưỡng khí chứa sẵn trong bong bóng có thể kéo dài sự sống một thời gian ngắn.

— Giác quan: ăn thông với lỗ tai và còn giữ vai trò áp xuất kế.

— Phát thanh: đặc biệt hai bộ răng ở đôi bên họng thường cọ vào nhau và phát ra tiếng kêu đồng thời được bong bóng phụ họa thêm cho to ra. Khi nằm để cá thường phát ra tiếng kêu để báo hiệu khi có kẻ địch lại gần.

Các màu sắc của cá

Cá sống ở biển miền nhiệt đới và ở những đám san hô thì có nhiều màu sắc rực rỡ hơn cả. Thông thường do bộ thần kinh làm biến đổi màu sắc hay làm cho da cá nhả lại thành lột màu. Còn kích thích tố có thể làm cho các sắc tố nở ra để màu cá nổi bật lên.

Cá có màu đỏ, màu cam, màu vàng, màu đen và màu xanh.

Màu đỏ cùng một nguyên chất (như màu củ cà rốt) gọi cá Truite (cá dòng) không có thức ăn chứa chất sắc tố thì mất hẳn phần nửa

màu đỏ. Cá có màu đen thường là loại cá sống ở tận biển sâu.

Ngoài ra các tế bào màu sắc còn có một loại tế bào chất chứa hạt muối có nhiều cạnh óng ánh như kim cương. Ánh sáng rơi vào các hạt muối biến hóa ra màu xanh dương, cam, vàng, đỏ v.v...

Ngoài màu sắc ra còn có chất chiếu sáng của nhiều giống hải ngư. Trong một vài trường hợp người ta nhận thấy nước biển óng ánh sáng về đêm vì có loại vi khuẩn chiếu sáng sống trong các chất bài tiết của các hạch hay vì sự oxyt hóa chất luciferine của các hạch da cá.

Mặt khác, hệ thống răng cũng nắm giữ vai trò không kém phần quan trọng trong cơ thể cá. Như loài cá vù, bộ phận răng của cá chỉ cho ta có thể phân biệt chúng dùng thức ăn gì. Thí dụ với răng nhọn như cá mập, cá xà thì ăn thịt, cá ăn rong rêu thì răng mòn giống hình cây lược và loại cá ăn tạp lại có hai thứ răng.

Vị trí miệng cũng có liên hệ mật thiết đến sự sinh hoạt của các giống cá. Nếu miệng hướng xuống tức là cá phải tìm thức

ăn dưới đáy nước và trái lại loại nào thường đớp thức ăn trên mặt nước (như cá mè) thì miệng rộng như cái phễu. Có loại miệng không có hàm như cá Lamproie giống này hình dạng như con chình lớn, miệng ở bụng tròn giống ống giác có sức hút con mồi đến ăn.

Tóm lại, người ta có thể phân tích thức ăn của các giống hải ngư bằng mang cá, nếu gò nằm khít lại thì cá ăn rong rêu hay phiêu sinh vật, bọt biển và nếu gò thừa đồ là loài ăn thịt. Ruột cá cũng thế, ruột dài là cá ăn rong rêu và ngắn hay ít khúc hơn là giống ăn thịt.



Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưới hay là đang bành kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 1—9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó không phải thoa phết sài ngoài da mà hết uống **Giải phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon
(K.N. BYT. số 3—9.5-63)



Đi các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/ĐPDC

Huế điều tàn ời!

(Xem tiếp trang 10)

Hàn ghé học trò, nhưng tuyệt nhiên không thấy, mà nhiều khi có Thanh cũng không nhìn thấy được, cảnh trước mắt như có vẻ lơ mờ. Chỉ có chiếc bảng đen đang nằm khỗ sở bên mền chiếu ngồn ngang, chiếc bảng như có linh hồn, màu đen bóng láng như đôi mắt đang ngược nhìn và Thanh cứ nghe như có tiếng thì thầm: « Buồn ghê chị Thanh hí! chị đứng đó để cảm thấy buồn mà em ở đây cũng không vui chi. Chiến tranh đó chị ơi! khi mô mới có được những ngày bình thường xưa cho em ngày ngày đón nhận nhiều chữ viết và nhiều bàn tay lau chùi... Mặc kệ những con mắt nhìn tò mò, một vài cô gái đang mỉm cười có lẽ để điều cợt. Thanh vẫn muốn đứng im lìm ở nơi đây, nơi khuôn cửa mà những buổi chiều ngồi trong lớp học Thanh vẫn thường hay lên giáo sư để được nhìn ra khoảng sân đang vương vất màu khói lam và ngấm vùng cỏ xanh im mát dịu dàng...

Khi bước ra dãy hành lang,

tiếng một người đàn ông ngồi gần đó làm Thanh giật mình: « Trước kia cô học ở lớp đó hay sao? » Thanh quay nhìn người vừa nói, trong bộ quần áo lính rằn ri nhưng khuôn mặt hiền từ, với một ít cảm tình vừa có — « Dạ, lớp tôi đó » — « Buồn ghê cô nhỉ, mặc dù của Chính-phủ nhưng tại mình dù sao cũng cảm thấy buồn ». Ông ấy nói với một vẻ thành thật không hề thoảng chút ba gai nghịch ngợm nào, Thanh cười và thầm cảm ơn: « Dạ buồn ghê lắm chứ » có lẽ ông thông cảm nỗi buồn của tôi, cảm ơn ông nhiều lắm, ít ra ông cũng không như hai cô gái kia, Thanh tự nhủ thầm như vậy và ra về với một niềm vui nho nhỏ trong lòng.

Gặp H, đưa bạn học trong những ngày lớp nhất ở trường Bảo-Lộc. Bữa ni hần béo ra, tóc uốn ngắn nhưng khuôn mặt không đổi thay nhiều. H không còn đi học nữa, bỏ học để làm nghề gỗ đầu trẻ rồi. Trước về « người lớn » của H,

Thanh muốn hỏi hẳn một câu — « ấy có gia đình chưa » nhưng không nói được và lấy làm ngạc nhiên về ý tưởng của mình nhiều quá. Chưa có bao giờ nói chuyện với bạn bè mà Thanh dám hỏi đến chuyện đó cả, có lẽ bữa ni mới lần đầu tiên và ngỡ ngàng mà nhận thấy li cũng như mình đâu có còn bé bỏng trẻ thơ gì nữa, sắp sửa làm người lớn mất rồi... Trong những đứa bạn cùng lớp ngày xưa, bây giờ chỉ còn có Thanh với Thuận theo học Đ-K, những đứa khác có lẽ đã vào đời. Riêng Thuận từ hồi đó cho tới bây giờ mình không hề thấy lớn, cứ thấy hần thấp thấp nhỏ nhỏ mãi hoài chỉ có khuôn mặt là già dặn thêm thôi gặp nhau hái dứa chỉ mỉm cười xã giao đâu có còn nhớ hồi đi học chung đường, hai đứa vẫn hay hái trộm những nụ hoa màu vàng... Ừ, những nụ hoa màu vàng, màu hoa gắn liền với tuổi thơ... Con đường âm hồn với hai bên có nhiều ngôi mộ nhỏ xinh xinh, ngõ xóm nhỏ hẹp đưa vào nhà Tâm với những cành tre là đà trên mặt đất và ngôi miếu nhỏ quanh vắng âm u. Mỗi lần tới nhà Tâm chơi,

đi ngang đó cả bọn phải xách guốc trên tay chạy thật là mau và đưa nào cũng sợ cảnh mình đang đi sau cùng... Tuổi thơ của Thanh ở đó, ở vùng Huế—đô xinh mộng nên thơ, hồn nhiên vui sướng với những lần cùng bạn bè vào chơi chùa Diệu Đế, đi ngắm từng nụ hoa hồng, tường vi trong khu vườn xinh xắn và nữ nài mấy chú tiểu đề xin cho được một cành mới nghe. Những khi chun vào lầu chuông nằm hít hà hương thơm thoang thoảng của mùi trầm hương và mộng mơ mà ngỡ mình đang nghe tiếng ngậm nga của chuông chùa. Tay lần hồi chắp trên ngực để nhớ chuyện nàng Công-chúa ngày xưa lên chùa đi tu với bao phép lạ thần tiên mơ hồ. Nhớ thật là nhiều vùng núi Ngự-Bình trong những lần cùng lớp học du ngoạn miền xa phố, từng nụ hoa sim màu tím tím nở dịu dàng trên từng khóm cây xanh tươi, con đường với nhiều cỏ may và lá hoa trinh nữ, Thanh vẫn muốn đi ở trên đó, cầm trong tay cành bông lan đập nhẹ nhàng vào lá cây để được thấy chúng hở người khép lại và được ngỡ mình đang làm bà

tiên đem giấc ngủ đến cho muôn loài ..

Nhắc làm sao cho hết, kỷ niệm nào cũng đẹp và cũng xinh, có lẽ tại chúng đã đi qua mất rồi !

Buổi sáng hôm nay thế mà có nhiều thi vị, lần đi cũng nghĩ là mình đang ôm võ đến trường và lần về cảm giác của những chiều tan học vẫn không bao xa. Trời không về chiều để có màu lam buồn dễ thương hay vương vất những ánh nắng sau cùng trên từng cành cây kẻ lá, nhưng vẫn có vẻ êm ả dịu dàng của một buổi mai đầu thu, nhất là bầu trời không có nắng và cơ gió nhẹ nhàng làm thoảng mát lòng người. Thanh ước ao mình được sống trọn vẹn buổi sáng hôm nay với cảm giác tìm thấy. Muốn được đi về một mình, trên con đường dài bên Ngọ-Môn uy nghi nào... Cửa Thượng-Tử, thường dân không còn đi qua được nữa, hai ba người đàn bà đương năn-nỉ nhỏ to, mấy ông lính gác vẫn đứng-đứng lác đác; Miệng cứ nói mãi một câu :

— « Không được, bà đi xuống cửa Đông Ba đi ». Người ta không cho mà Thanh chỉ muốn

đi một mình trên đó, nhưng phải qua cửa Thượng-Tử... và ông lính cho Thanh qua rồi đó...mấy bà ấy coi bộ đang đứng ngăn-ngờ.

Ngọ-Môn bị sập một bên và hư hại nhiều; có những căn nhà chứa súng đại-bác nữa, vùng cỏ xanh tươi không còn giữ nguyên màu cũ và cây cối hai bên đường tro trụi những cành có vẻ xác xơ tiêu điều. « Tôi trông thấy tất cả, tôi đoán tôi sẽ nhìn thấy con đường dài không như ngày xưa, quả thật như vậy đó. Nhưng tôi đi cúi đầu nhìn bước chân mình đi một mình trên con đường ngày nào tôi đến trường. Xin cho tôi được quên đi, trong chốc lát, những dấu tích điều tàn của chiến tranh, đừng giận hờn mà trách « Thanh sung sướng vô tình » để cho tôi được yên lặng đến bước chân mình đi trên con đường ngày nào tôi vẫn đi qua ».

Dưới trời nắng hay mưa, đi một mình trên con đường dài và im lặng Thanh vẫn thấy thích thú lạ lùng. Sự thảnh thơi êm ả bao giờ cũng có, một buổi xưa đi bao điều phiền phức còn vương vấn trong lòng. Nhiều

HUẾ ĐIỀU TÀN !

Khi Thanh muốn khóc, chẳng phải vì buồn khổ chi nhiều, cũng không có người ta đồng đức hội hè như phố chợ để bắt Thanh phải tủi thân. Muốn khóc chỉ vì nỗi cô đơn và chỉ muốn thấy mình khóc trong niềm cô đơn. Trong khung cảnh đó Thanh tưởng như mình chưa hề có bạn bè, người thân cũng không, chung quanh chỉ có một vùng trời mây, màu xanh tươi của cây cối, con đường dài hun hút với hai vệ đường cỏ xanh và dưới từng bước chân, sỏi đá lên tiếng kêu nho nhỏ như nhiều tiếng reo êm ái nhẹ nhàng.

Ngày 28 tháng 3

Bữa nọ mới thật sự hồi cư, hai tháng rồi còn chi nữa. Sáu mươi mấy đêm ngủ nhà người khác không được sống những phút giây khuya khuất để học bài. Đến tối khu đồn Q.C có vẻ lạ hẳn ra, cửa ngõ tối mịt mù ngoại trừ những căn phòng đăng xa. Ở bót gác có ánh đèn thường khi để mỗi lần nhìn ra đường Thanh vẫn còn trông thấy người lính gác đang đi động với mũ đồng, với súng ống trên tay ; hay đứng im lìm, lặng

lẽ với bóng đèn trên vách tường trắng lơ mờ. Khi nằm ngủ, lại có cảm tưởng « lạ nhà » không làm sao nhắm mắt được. Tàn cư hai tháng trời, bữa nọ về đến nhà mình vẫn tưởng như của ai.

Ban đêm mở đài Huế đã được nghe những bài hát quen thuộc, tiếng hát giúp Thanh tìm lại được ít nhiều về bình thường. Mỗi bài ca như gắn liền với một thời quá khứ hay một kỷ niệm đã qua, y như mỗi con đường có một vẻ đặc biệt khác nhau. Nghe tiếng ca, lời hát cũ vẫn thấy nhớ nhung, thật rõ ràng từng chi tiết một, những khoảng thời gian hay những kỷ niệm không còn... Bây giờ Thanh chỉ ước-ao được nghe lại điệu đàn quen thuộc mở đầu cho chương trình tàn-nhạc yêu cầu mỗi buổi trưa thứ năm, chủ-nhật. Cũng như giọng nói khàn-khàn đặc-biệt của người giới-thiệu chương trình nhạc Hải-Vân... Có như thế Huế mới thật sự có lại được phần nào không khí của những ngày bình-yên.

Lạy trời, xin cho thành phố này tìm được ít nhiều sức sống

HUẾ ĐIỀU TÀN !

trước kia, về bình thường êm ái mà chiến-tranh đã tàn-nhân cướp đi mất rồi.

Ngày 12 tháng 4

Buổi lạ, thứ hai tối người ta đi học mà chủ nhật mình đã đi xa, may mà được đi trước một ngày, khỏi phải nhìn thấy áo trắng của nữ-sinh Đ.K vui bước đến trường, như thế cũng đỡ buồn phần nào.

Hai ngày nữa thôi, Việt, Anh, Vũ, Bảo ơi ! chỉ bốn mươi tám tiếng đồng-hồ nữa chị xa « từ-quái » rồi.

Saigòn 6g30 chiều 14-4

Khi chiếc xe ca vừa dừng lại ở sân Air VN, Thanh đã trông thấy Ba đang nhướng đôi mắt lên để kiểm tìm. Cảm thấy vui mừng quá sá bật kêu lên mấy tiếng « Ba ! Ba ! » Có lẽ không to lắm, vui mừng đến rung rung nước mắt, muốn nhào xuống khỏi xe ôm chầm lấy Ba mà kêu lên : « Ba ! Ba của con ». Khi Ba trông thấy vẻ mặt hiện lên nét cười rạng-rỡ : « A ! Con ! » rồi một bàn tay đưa lên đập nhẹ-nhàng trong không-khí như ra chiều trấn-an. Trông Ba với cử-

chỉ đó Thanh lại càng muốn khóc hơn.

Ngày 16-4.

Đang ngồi với Ba ở tiệm ăn H.L, Thanh bỗng trông thấy một người thanh-niên khoảng 19, 20 bước vào, tay cầm cái gì tròn tròn, gõ nhịp và cất tiếng hát. Nghe tiếng hát cất lên đột ngột có vẻ lố lằng và sượng sùng một tí. Nhưng qua khỏi phút ban đầu tro-trên, Thanh lắng nghe lời ca và nhận thấy người thanh-niên có giọng hát thật là buồn, lại hát một bài gì thật hay, hơi giống giống với tâm trạng của Thanh nữa. Tự nhiên Thanh thấy có cảm tình với người nghệ sĩ mù lòa gương mặt xương xương và sạm đen, hai con mắt nhiều trông-trắng. Dáng dấp hiền lành với chiếc quần dài đen và cái áo sơ mi trắng tay. Khi dứt lời, người ấy sờ-soạng bước đến bên từng bàn ăn, nói một câu gì đó và đưa bàn tay xương-xấu nhận lấy mấy đồng bạc cắc mà thực khách đã trao cho, miệng lí-nhí cảm-ơn xong bước đến bàn khác. Tội-nghiệp lạ, cái dáng ốm yếu đó bước đi khỏi rồi mà Thanh còn nhớ từng câu

ca, nhớ giọng hát u-buồn và đôi mắt mù lòa. Suốt bữa ăn không còn thấy ngon, cảm thấy buồn buồn thế nào : ôi bài ca diễm-tả đúng tâm-sự mà người ấy vừa đem đến hay bởi tại vẻ đáng thương của thân phận một thanh-niên tậ-tuyệt. Bước ra khỏi tiệm rồi vẫn còn thấy nhớ, về đến nhà lời ca vẫn ám-ảnh không thôi, và đến đêm Thanh nhớ giọng hát thật là buồn.

Pleiku Ngày 19-4.

Lên đây hai ngày rồi, thành phố càng ngày càng thay đổi, con đường Hoàng-Diệu với nhiều căn nhà tột nghèo-nàn đã biến mất đi. Càng ngày càng xa thêm khung trời ngày xưa, bầu không-khí dịu mát của buổi chiều khi ánh đèn vừa lên, khi gương mặt tươi cười rạng-rỡ... 7 giờ tối đã giới-nghiêm. Những buổi hoàng-hôn đứng nhìn sự sinh-hoạt của thành phố thôi cũng không còn.

Buổi chiều đi với Ba lên thăm trường trung-học, thật là buồn, Đ.K của mình đâu có nhỏ bé và cheo-leo thế này, năm một mình trên khu đồi cao, đứng trên dãy hành-lang, của từng lầu có thể nhìn thấy thành-phố. Chưa chi mà đã tưởng tượng ra thế

rồi, bao giờ đi học, Thanh sẽ đứng ở đó trong giờ ra chơi để nhìn về thành phố với lùm cây ở dưới xa. Rồi khi nào có viết thư về cho cô Mỹ Thanh sẽ nói với cô : « Cô biết không, trường Thanh học ở đây buồn và cheo-leo ».

Mỗi lần đi học phải trèo lên một con đường dài, thật cao và thật vắng. Trong giờ ra chơi Thanh chỉ tìm thấy một thú vui độc nhất là đứng ở hành-lang của từng lầu mà trông về phố-xá và nhìn ngắm những dãy núi ở đằng xa.

Dù sao cũng buồn, nhớ Đồng-Khánh vô vãn. Nhưng khi Ba hỏi : « Thế nào con ? » Thanh gật đầu : « Dạ, con đi học ở đây cũng được Ba ». Ba không nói gì nhưng về mặt đêm chiều... Thanh lặng-yên nghe tiếng gió ri-rào bên tai mắt nhìn con đường chạy xa tít xuống chân đồi. Con đường dốc nào đây ? Tại sao đây không phải là hai vài dốc thoải-thoải của nhịp cầu Trường-Tiền gãy đôi. Biết đến khi nào Thanh còn được bước những bước hải hùng ở hai vài cầu sa xuống nước ấy và được cầm đôi guốc ở trên tay...



HỘI BẢO TỒN CỔ-ĐÔ HUẾ

Văn-phòng : 1061120 Nguyễn-Huế
Đ.T. 25.864 — SAIGON

Kính thưa Quý-Vị,

Chúng tôi rất hoan-hỷ báo tin Quý-Vị : **HỘI BẢO TỒN CỔ-ĐÔ HUẾ** đã chánh thức được phép thành lập do Nghị-định số 220/BNV/KS/12 ngày 8 tháng 4 năm 1968, của Bộ Nội-Vụ V.N.C.H.

Hội có mục-đích :

— Bảo-tồn Cổ-Đô Huế như một thành-phần quan-trọng của những giá-trị lịch-sử và dân-tộc của Quốc-gia Việt-nam.

— Vận-động các phương-tiện tinh-thần cũng như vật-chất để tái-thiết và phát-triển Cổ-Đô Huế về mọi phương-diện.

— Kêu gọi các Đoàn-thể và cá-nhân hoạt-động trong các lãnh-vực Tôn-giáo, Chánh-trị, Văn-hóa, Xã-hội và Kinh-tế, triệt để đoàn-kết góp sức cứu-trợ, bảo-tồn, tái-thiết và phát-triển Cổ-Đô Huế.

Cổ-Đô Huế có một giá-trị lịch-sử và văn-hóa và, đối với tất cả chúng ta, sự bảo-tồn Cổ-Đô Huế tượng-trưng cho sự toàn-vẹn của lãnh-thổ Miền Nam Việt-Nam trong khi chờ đợi sự **THỐNG NHẤT** đất nước.

Vì vậy Hội mong Quý-Vị gia-nhập làm Hội-viên Hoạt-động hay Hội-viên Ân-nghĩa để cùng chúng tôi kêu gọi góp phần cứu-trợ tái-thiết, Bảo-Tồn Cổ-Đô Huế về tinh-thần cũng như vật-chất.

Chúng tôi cũng mong Quý-Vị giới-thiệu **HỘI BẢO TỒN CỔ-ĐÔ HUẾ** cùng các bạn-hữu và mời gia-nhập thật đông vào Hội.

Chúng tôi vô cùng cảm tạ Quý-Vị và rất trông tin Quý-Vị hồi-âm.

T.M. ỦY-BAN VẬN-ĐỘNG THÀNH-LẬP HỘI BẢO-TỒN CỔ-ĐÔ HUẾ :

Thượng-Tọa **THÍCH-MINH-CHÂU.**

Linh-Mục **CAO-VĂN-LUẬN.**



★ **Bút nở hoa đằm**

Thơ của Vũ-hoàng-Chương, do Vạn-Hạnh ấn hành! Chúng tôi không làm công việc giới-thiệu tác-giả, vì Vũ-hoàng-Chương thi sĩ, với tên ông và văn nghiệp của ông, đã có một chỗ đứng vững chắc trên thi đàn Việt Nam.

Ấn bản đẹp, gồm hơn hai mươi bài thơ nói về « thân phận con người và giáo lý Từ bi ».

● **Góc trời quê hương**

Thơ của Nguyễn song Anh, Chinh Nguyễn xuất bản, giá bán 65 đồng.

NHÂN TIN

Anh Nguyễn-kh-Chiến S.V. Khoa-học,
Các anh đại-diện Cao.Thắng mong gặp anh tại Tòa
soạn P.T. Hoặc cho biết địa chỉ liên-lạc biếu báo.

THU-MAI

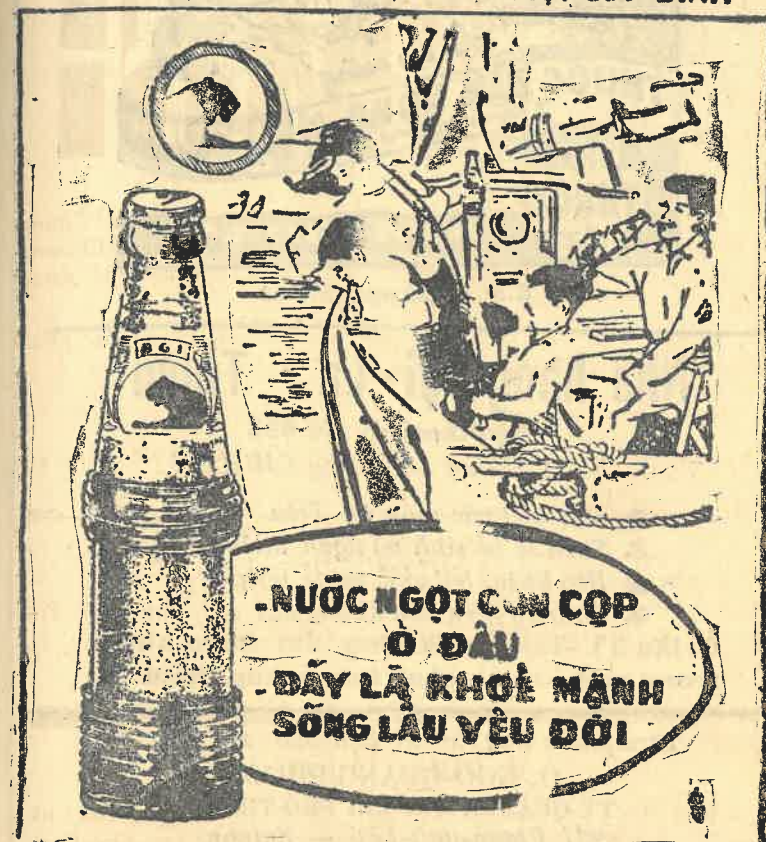
Chia Buồn

Được tin cụ NHŨ-MẬU của bạn Nam-Cường Đăng-văn-Chà, Giám-đốc nhà Tổng-phát-hành Việt-Nam, đã tạ thế tại Chợ Lách, chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng bạn và cầu nguyện Hương-Hồn Cụ tiêu điều về Tiên-Cảnh.

NGUYỄN-VỸ
NGUYỄN-KHẮC-THUẬN
(Thư Lâm Ấn Thư Quán)

NGUỒN VUI - SỨC KHỎE

CỦA MỌI NGƯỜI VÀ TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Tinh chế với thứ nước hơi cực tinh khiết, có sức t
đồng loại với thần khí trong nước suối nóng thiên nhiên
hạng. đường nguyên chất cùng hương liệu của trái cây
tươi tốt, đầy sinh tố, Nước Ngọt Con Cọp giải khát n
bổa, giúp cơ thể chống lại sự hao tổn chất nước cần t
Nước Ngọt Con Cọp thơm ngon, bổ khỏe, hoàn toàn v
khỏe và sự Tươi Trẻ của quý vị.



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31.33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 31 -thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão — Saigon

KD : 456 - BTT — Ngày 31-5-68

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 25 đồng
Công sở : 40 đồng